

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 2016-2018
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Mã số: 60 34 02 01

- **Hình thức đào tạo: Tập trung**
- **Thời gian đào tạo: 2 năm**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 313/QĐ-ĐHKTKT ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Bình Dương)

1. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế-kỹ thuật Bình Dương được xây dựng dựa trên những căn cứ chủ yếu sau đây:

Thứ nhất: Xuất phát từ nhu cầu khách quan về nguồn nhân lực có trình độ cao thuộc lĩnh vực tài chính-ngân hàng của các tổ chức, đơn vị cơ sở hoạt động trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng và lĩnh vực kinh doanh nói chung trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cũng như các tỉnh thành lân cận.

Tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy, từ nay đến 2020 tổng nhu cầu về nhân lực có trình độ trên đại học (trình độ thạc sĩ), cần được đáp ứng là hơn 1.300 người. Trong đó, riêng đối với trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng, làm việc trong các ngân hàng thương mại, công ty tài chính, quỹ đầu tư, quỹ tín dụng nhân dân và các định chế tài chính trung gian khác, có nhu cầu cần được đáp ứng là hơn 800 người.

Đặc biệt, trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại gia tăng, kéo theo nhu cầu gia tăng tương ứng đối với các dịch vụ tài chính-ngân hàng hiện đại, bao gồm cả về số lượng cũng như chất lượng. Điều đó càng đòi hỏi bức xúc hơn, đối với công tác đào tạo đội ngũ cán bộ tác nghiệp và quản lý, điều hành trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng, có trình độ kiến thức trên đại học (thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng). Riêng với Bình Dương, một địa phương có nhiều tiềm năng trong phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu; cùng với định hướng chiến lược phát triển kinh tế-xã hội

của mình, nhu cầu được cung ứng ngày càng tăng đối với nguồn nhân lực có trình độ thạc sĩ, thuộc lĩnh vực dịch vụ Tài chính-Ngân hàng, hiện tại cũng như tương lai là điều hoàn toàn hợp lý, thể hiện tính cần thiết khách quan.

Thứ hai: Căn cứ vào trình độ nghiệp vụ chuyên môn của các cử nhân đại học, được đào tạo trên cơ sở chương trình đào tạo cử nhân, tại các trường Đại học theo ‘khung’ chương trình hiện nay, đối chiếu với nhu cầu xử lý các hoạt động trong đời sống thực tế, ngày càng phát sinh nhiều tình huống, đòi hỏi người xử lý phải được trang bị thêm kiến thức lý luận nghiệp vụ chuyên môn, kết hợp với kỹ năng thực tế ở trình độ cao hơn, so với những gì họ đã được trang bị trong chương trình đại học.

Trên cơ sở những thông tin về nhu cầu xử lý những vấn đề chuyên môn nghiệp vụ vượt quá khả năng của một cử nhân đại học, từ các cơ sở thực tế như Ngân hàng thương mại, công ty tài chính, quỹ đầu tư,... và các định chế tài chính trung gian khác, cũng đã tạo ra những căn cứ mang ý nghĩa quan trọng và thiết thực, tạo điều kiện để việc xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng của Trường đáp ứng yêu cầu khoa học và thực tiễn.

Thứ ba: Trên cơ sở Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và những quy định chung về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đào tạo thạc sĩ, được quy định tại văn bản kèm theo Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thứ tư: Trong quá trình xây dựng chương trình, một trong những căn cứ cũng có ý nghĩa rất quan trọng và thiết thực, đó là việc nghiên cứu tham khảo chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính-Ngân hàng của một số trường đã có kinh nghiệm như đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, đại học Tài chính-Marketing và đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh. Đồng thời, việc nghiên cứu tham khảo những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các chuyên gia đến từ một số trường đại học, viện nghiên cứu, ngân hàng thương mại, công ty tài chính, quỹ đầu tư,... đã mang lại những đóng góp thiết thực trong việc nâng cao chất lượng khoa học và thực tiễn của Chương trình.

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng hướng tới mục tiêu chung, nhằm đào tạo chuyên gia có trình độ kiến thức lý thuyết chuyên môn sâu, để có khả năng phát triển kiến thức mới; đồng thời làm chủ được những kiến thức thuộc lĩnh vực tài chính-ngân hàng hiện đại.

Học viên có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý kinh tế-xã hội, liên quan tới hoạt động dịch vụ Tài chính-Ngân hàng, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội.

Học viên rèn luyện được năng lực tổ chức, lãnh đạo, quản lý và điều hành năng động, sáng tạo, mọi hoạt động trong lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng tại các mô hình ngân hàng, các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng hoặc tại các đơn vị, các cơ quan quản lý kinh tế vi mô và vĩ mô nói chung.

Điểm mấu chốt của chương trình là thông qua việc cung cấp, cập nhật và nâng cao kiến thức lý luận khoa học tiên tiến và kinh nghiệm thực tiễn cho học viên, nhằm tạo tiền đề cần thiết để khơi dậy, củng cố và nâng cao phương pháp tư duy phản biện, độc lập sáng tạo, năng lực phân tích, quản lý và điều hành một cách năng động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tài chính-ngân hàng. Qua đó tạo khả năng thích ứng với vị trí công tác cụ thể của mình, trong môi trường cạnh tranh thời kỳ hội nhập đã và đang diễn ra một cách mạnh mẽ và toàn diện hiện nay.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Xuất phát từ mục tiêu chung nêu trên, chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng xác định những mục tiêu cụ thể, được quy tụ trong ba nhóm chính: Kiến thức, Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm.

• Thứ nhất: về kiến thức

Chương trình trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc nhận thức lý luận khoa học chuyên sâu thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng, từ khâu hoạch định chiến lược, chỉ đạo điều hành tác nghiệp đến phân tích, đánh giá thực trạng kết quả kinh doanh tiền tệ của một đơn vị ngân hàng hay của một định chế tài chính trung gian nói chung (bao gồm các mô hình ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư,...), trong điều kiện nền kinh tế hội nhập.

Khối kiến thức cơ bản bao gồm:

- Những kiến thức lý thuyết kinh tế học vĩ mô và vi mô, kinh tế học trong quản lý, kết hợp với những nội dung lý thuyết về pháp luật kinh tế, về lý thuyết tài chính tiền tệ, kế toán quản trị, phân tích báo cáo tài chính,...tạo cơ sở lý thuyết, phục vụ cho việc ứng dụng trong kỹ thuật tính toán các yếu tố cung-cầu, chi phí giá thành, giá cả, lỗ lãi,... đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của một đơn vị. Trên cơ sở đó có được những quyết định đầu tư tài chính, tín dụng có hiệu quả, hạn chế rủi ro trong điều kiện nền kinh tế thị trường đa dạng và thường xuyên biến động phức tạp;

- Khối kiến thức cơ bản về phương pháp định lượng, kết hợp với những kiến thức chuyên ngành như thẩm định và quản trị dự án đầu tư, thẩm định tín dụng, quản trị rủi ro tài chính, quản trị ngân hàng thương mại,...tạo nền tảng lý thuyết cần thiết, vận dụng cho quá trình xây

dựng dự án, phân tích đánh giá chọn lựa các phương án đầu tư tín dụng, đầu tư tài chính tối ưu, phù hợp các tình huống đa dạng, sinh động trong thực tế;

- Khối kiến thức chung ở mức độ nâng cao về lĩnh vực tài chính-ngân hàng, trong các mặt hoạt động kinh doanh chủ yếu của ngân hàng về đầu tư tín dụng, đầu tư tài chính trên thị trường tài chính trong nước, cũng như các nghiệp vụ ngân hàng trong lĩnh vực tài chính quốc tế,... được chuyển tải bằng phương pháp kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, thông qua các tình huống thực tiễn đa dạng.

Trên cơ sở đó giúp học viên có điều kiện thuận lợi, vừa tiếp thu kiến thức lý thuyết sâu, vừa có điều kiện rèn luyện kỹ năng vận dụng tốt, trong việc đánh giá sách lược cũng như chiến lược kinh doanh có hiệu quả, của một định chế tài chính trung gian.

• Thứ hai: về kỹ năng

Trên cơ sở khối kiến thức lý thuyết đã được trang bị, học viên có điều kiện thuận lợi trong việc tiếp thu và rèn luyện các kỹ năng cơ bản cần thiết của một chuyên viên cao cấp, trong công tác tổ chức quản lý, điều hành tác nghiệp một đơn vị ngân hàng hay một định chế tài chính trung gian nói chung. Những nội dung chủ yếu bao gồm:

- Truyền thụ những kỹ năng cơ bản và kinh nghiệm thực tiễn, về tổ chức hoạt động của một định chế tài chính trung gian, cũng như tạo lập một đơn vị mới, trong môi trường cạnh tranh đa dạng và phức tạp của nền kinh tế thị trường hiện đại;

- Truyền thụ kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không mang tính quy luật và khó dự báo; kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, trong quản trị điều hành một định chế tài chính trung gian;

- Truyền thụ những kỹ năng vận dụng hệ thống các công cụ phân tích, đánh giá hiệu quả (theo tiêu chuẩn Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế) hoạt động kinh doanh tiền tệ, của một tổ chức định chế tài chính trung gian;

• Thứ ba: Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện cho học viên - những nhà quản trị, chuyên viên cấp cao ngành tài chính-ngân hàng, năng lực và tư duy cần thiết về hoạch định cũng như tái cấu trúc bộ máy quản trị, điều hành đối với một định chế tài chính trung gian, thuộc các lĩnh vực hoạt động chuyên sâu khác nhau, quy mô và loại hình sở hữu khác nhau (sở hữu nhà nước, cổ phần, liên doanh, hợp tác...);

- Cung cấp những kỹ năng cần thiết để tự rèn luyện trở thành nhà quản trị, điều hành, lãnh đạo, chuyên viên cấp cao, có năng lực phát hiện và giải quyết tốt các vấn đề phức tạp thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh Tài chính-Ngân hàng một cách khoa học, năng động và sáng tạo, tại một định chế tài chính trung gian, trong điều kiện hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

- Cung cấp những kiến thức và rèn luyện kỹ năng cần thiết, để có khả năng tập hợp và phát huy trí tuệ tập thể trong việc xây dựng, thẩm định và triển khai kế hoạch hành động của đơn vị.

• **Vị trí công việc có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

- Học viên khóa đào tạo cao học, sau khi tốt nghiệp trở thành thạc sĩ có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác của một cán bộ lãnh đạo, quản trị điều hành hay tác nghiệp tại một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ-ngân hàng, chẳng hạn như: đảm nhiệm chức vụ giám đốc, phó giám đốc một chi nhánh, một phòng giao dịch của ngân hàng thương mại, công ty tài chính, quỹ đầu tư...; Hoặc quản lý, điều hành một bộ phận nghiệp vụ chuyên môn (trưởng phòng, ban...) tại một định chế tài chính trung gian; Hoặc cũng có thể đảm nhiệm chức năng một chuyên viên nghiên cứu tại các cơ quan quản lý kinh tế tài chính, cơ quan nghiên cứu, giảng dạy chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh tế, tài chính-ngân hàng; tại các cơ sở đào tạo...;

- Học viên tốt nghiệp khóa đào tạo cũng sẽ có cơ hội và điều kiện để tiếp tục học tập nghiên cứu ở trình độ cao hơn trong các khóa đào tạo nghiên cứu sinh tại các cơ sở đào tạo theo quy định.

3.YÊU CẦU CHUYÊN MÔN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Với định hướng mục tiêu đào tạo được xác định như trên, với nội dung chương trình đào tạo được xây dựng mang tính khoa học ứng dụng và với phương pháp chuyển tải nội dung chương trình kết hợp chặt chẽ, hài hòa, hợp lý giữa lý thuyết và kỹ năng thực hành, ứng dụng, khi kết thúc khóa đào tạo 2 năm, học viên sẽ đạt được những yêu cầu chuyên môn chủ yếu sau đây:

• Một là: Có kiến thức và tư duy tổng hợp về pháp luật kinh tế, nắm vững và làm chủ kiến thức lý thuyết chuyên sâu và kỹ năng chuyên môn về quản trị, điều hành kinh doanh lĩnh vực tài chính-ngân hàng tại các định chế tài chính trung gian, cũng như các tổ chức kinh doanh nói chung;

• Hai là: Có khả năng tư duy phản biện độc lập hoặc tham gia các nhóm nghiên cứu hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh doanh, quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả,...đối với lĩnh vực kinh doanh về tài chính-ngân hàng, tại các định chế tài chính trung gian hoặc tại các cơ quan quản lý kinh tế tài chính nói chung.

• Ba là: Có kỹ năng hoàn thành những công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật và khó dự báo. Có năng lực tổ chức quản trị điều hành hoạt động đối với các bộ phận chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính-ngân hàng tại các ngân hàng thương mại, các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng hoặc các tổ chức kinh doanh, kinh tế nói chung.

- **Bôn là:** Có khả năng phát triển kiến thức mới về quản trị, kinh doanh trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, tiền tệ-ngân hàng, trong quá trình làm việc với vai trò nhà quản trị, cũng như trong quá trình tham gia khóa đào tạo nghiên cứu sinh để đạt trình độ tiến sĩ kinh tế và tham gia giảng dạy các chuyên đề thuộc lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, trình độ đại học tại các cơ sở đào tạo cử nhân đại học.
- **Năm là:** Có kỹ năng tiếng Anh ở mức độ đọc hiểu một bản báo cáo thường kỳ về kết quả hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực tài chính-ngân hàng; có thể diễn đạt bằng tiếng Anh trong các tình huống giao dịch, trao đổi ý kiến thông thường bằng tiếng Anh.

4. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

4.1. Đối tượng đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng hướng tới những đối tượng là cử nhân đại học chuyên ngành tài chính-ngân hàng hoặc khối ngành kinh doanh và quản lý nói chung. Họ là những người có nhu cầu được tiếp tục đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, có quyết tâm phấn đấu, có kinh nghiệm công tác thực tế tại các đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng, cũng như các lĩnh vực kinh tế tài chính nói chung.

Cụ thể hơn, đối tượng trực tiếp mà chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng hướng tới chủ yếu là các cán bộ quản lý điều hành, nhân viên tác nghiệp tại các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian nói chung, như các công ty tài chính, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm, quỹ tín dụng nhân dân, ...

Ngoài ra, các đối tượng là cán bộ, nhân viên làm việc tại các đơn vị, tổ chức quản lý kinh tế tài chính các cấp, các ngành và đặc biệt là các cán bộ giảng dạy, nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế tài chính-ngân hàng, công tác tại các cơ sở đào tạo và cơ quan nghiên cứu kinh tế cũng là những đối tượng đào tạo tiềm năng, được Chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng của Trường hướng tới.

4.2. Yêu cầu đối với người dự tuyển

4.2.1. Yêu cầu chung:

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng, đòi hỏi người muốn được tham gia khóa đào tạo phải được tuyển chọn, thông qua kết quả của kỳ thi tuyển sinh.

Yêu cầu chung đối với thí sinh tham gia dự thi là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đáp ứng các điều kiện sau:

- Có phẩm chất đạo đức tốt;
- Có đủ sức khỏe để hoàn thành khóa đào tạo;
- Có kiến thức nền tảng và kinh nghiệm thực tiễn phù hợp định hướng chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng;

- Có ý thức tự giác tuân thủ mọi quy định chung của Nhà trường đối với khóa đào tạo.

4.2.2. Yêu cầu cụ thể:

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện cụ thể sau đây:

a/Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Tài chính-Ngân hàng;
- Đã tốt nghiệp đại học các ngành gần với ngành Tài chính-Ngân hàng, bao gồm ngành Kinh doanh (mã số ngành 52 34 01), Kế toán-Kiểm toán (mã số 52 34 03) và Quản trị - Quản lý (mã số 52 34 04) cũng được tham gia dự tuyển, sau khi đã được Nhà trường tổ chức học bổ sung một số học phần còn thiếu so với chương trình đào tạo cử nhân Tài chính-Ngân hàng, trước khi tham dự thi tuyển. Nội dung cụ thể về kiến thức cần học bổ sung, tùy theo chuyên ngành tốt nghiệp của người tham gia dự tuyển, được Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường đề xuất để Hiệu trưởng quyết định.

b/Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần với ngành Tài chính-Ngân hàng, không yêu cầu có thời gian tích lũy kinh nghiệm công tác. Riêng với những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác (ngoài những ngành gần như đã nêu ở điểm a của mục này), muốn đăng ký dự thi vào ngành Tài chính-Ngân hàng, phải thỏa mãn điều kiện cần có ít nhất 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng hay quản lý kinh doanh nói chung.

c/Lý lịch bản thân

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

d/Về tình trạng sức khỏe

Có giấy chứng nhận hợp lệ, xác nhận đủ điều kiện về sức khỏe để tham gia khóa đào tạo, do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp.

e/Thực hiện đúng quy định nộp hồ sơ

Thí sinh tham gia thi tuyển khóa đào tạo phải hoàn tất đầy đủ, đúng quy định về nội dung hồ sơ dự thi và nộp tại bộ phận tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Bình Dương trong thời hạn quy định.

4.2.3. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

- Đối tượng: áp dụng theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tại điều 9 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15-5-2014 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT).
- Mức ưu tiên: Được cộng mười điểm cho môn thi ngoại ngữ (thang điểm 100), nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi (môn cơ bản hoặc môn cơ sở) theo quy định tại mục 5.2 dưới đây.

5. THI TUYỂN SINH

5.1. Số kỳ thi tuyển

Mỗi năm Nhà trường sẽ tổ chức 2 kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ ngành Tài chính-Ngân hàng (dự kiến tháng 3 và tháng 8), theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Các môn thi tuyển:

- Môn điều kiện: tiếng Anh;
- Môn cơ bản ngành Tài chính-Ngân hàng: Toán quy hoạch tuyến tính và Xác suất thống kê;
- Môn cơ sở ngành Tài chính-Ngân hàng: Lý thuyết tài chính tiền tệ.

6. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP VÀ VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP

6.1. Điều kiện tốt nghiệp

- Học viên khóa đào tạo thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng phải học và đạt yêu cầu toàn bộ chương trình đào tạo với tổng số 60 tín chỉ; trong đó bao gồm 50 tín chỉ của 19 học phần và 10 tín chỉ của luận văn thạc sĩ;
- Có điểm trung bình chung các học phần (không tính học phần ngoại ngữ và luận văn tốt nghiệp) trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);
- Đạt trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (chứng chỉ tiếng Anh TOEFL: 450 PBT, 133 CBT, 45 iBT hoặc IELTS 4.5; B1 Khung Châu Âu);
- Điểm luận văn tốt nghiệp đạt 5,5 trở lên (theo thang điểm 10);
- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện; đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường;
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.

6.2. Văn bằng tốt nghiệp

Những học viên hội đủ các điều kiện tốt nghiệp khóa đào tạo, được Hội đồng xét tốt nghiệp thông qua, sẽ được Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương cấp bằng thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

7.1. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính-Ngân hàng

Chương trình đào tạo thực hiện trong thời gian 2 năm; được bố trí với 20 học phần (bao gồm cả học phần Luận văn thạc sĩ), với tổng khối lượng 60 tín chỉ (mỗi tín chỉ là 15 tiết chuẩn).

7.1.1. Khái quát chương trình đào tạo:

Thứ tự	Nội dung	Số học phần	Số tín chỉ	
			Tổng số	Tỷ lệ
1	Kiến thức chung	2	8	13%
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	17	42	70%
	Các học phần bắt buộc	10	28	67%
	Các học phần tự chọn	7	14	33%
3	Luận văn thạc sĩ	1	10	17%
Tổng số		20	60	100%

7.1.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo:

Mã số HP		Tên HP	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
		Phần kiến thức chung			
TNTH	501	Triết học	4	3	1
TNTA	502	Tiếng Anh	4	2	2
		Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành			
		<i>Các học phần bắt buộc</i>			
TNNC	503	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1
TNKL	504	Kinh tế lượng	3	2	1
TNCT	505	Chính sách tiền tệ và tài khóa	3	3	0
TNQN	506	Quản trị ngân hàng thương mại	2	2	0
TNQH	507	Quản trị học	2	2	0
TNTC	508	Tài chính công	3	2	1
TNPT	509	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1
TNTQ	510	Tài chính quốc tế	3	2	1
TNPB	511	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1
TNNT	512	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	2	1
		<i>Các học phần lựa chọn</i>			

		Tự chọn 3 trong 6 học phần:			
TNKV	513	Kinh tế vĩ mô	2	2	0
TNVM	514	Kinh tế vi mô	2	2	0
TNLK	515	Pháp luật kinh tế	2	2	0
TNKQ	516	Kinh tế quốc tế	2	2	0
TNKT	517	Kế toán quản trị	2	2	0
TNMN	518	Marketing ngân hàng	2	2	0
		Tự chọn 4 trong 6 học phần:			
TNLT	519	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	1	1
TNTT	520	Thị trường tài chính	2	1	1
TNTA	521	Thẩm định dự án đầu tư	2	1	1
TNTD	522	Thẩm định tín dụng	2	1	1
TNQR	523	Quản trị rủi ro tài chính	2	1	1
TNDT	524	Đầu tư tài chính	2	1	1

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tài chính-Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Bình Dương, được cấu trúc trên cơ sở tuân thủ những Quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đây là chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, do đó ngoài yêu cầu trọng tâm là trang bị kiến thức cơ sở ngành, liên ngành và chuyên ngành, nội dung chương trình đặc biệt chú trọng, tăng cường khả năng ứng dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn, hoạt động quản trị, điều hành tác nghiệp lĩnh vực tài chính-ngân hàng của người học.

Để đáp ứng được mục tiêu đào tạo như đã đề cập trong phần 2, ngoài 2 học phần chung là Triết học và Tiếng Anh, trong nội dung chương trình đã thiết kế 10 học phần bắt buộc, nhằm đảm bảo học viên sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo, có khả năng hoạch định, phân tích, đánh giá chiến lược và chính sách kinh doanh tài chính tiền tệ của các định chế tài chính trung gian. Đồng thời, nắm bắt và vận dụng được những kỹ năng về lãnh đạo, về quản trị điều hành ngân hàng thương mại, công ty tài chính, quỹ đầu tư,... cũng như các định chế tài chính trung gian khác, thuộc mọi thành phần kinh tế.

Trong số các học phần bắt buộc, Luận văn thạc sĩ (10 tín chỉ), chiếm 17% thời lượng chương trình đào tạo. Đây được coi là một học phần mang tính tổng hợp, được thực hiện ở giai đoạn cuối khóa đào tạo. Luận văn là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn; hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một

lý thuyết, một mô hình mới,...trong lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng . Luận văn phải có giá trị khoa học, thực tiễn và phải tuân thủ các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ; được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc. Những kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính học viên và chưa được người khác công bố.

Bên cạnh các học phần bắt buộc, trong nội dung chương trình cũng thiết kế một tỷ lệ thích hợp các học phần tự chọn (chọn 7 trong 12 học phần), tạo điều kiện thuận lợi cho học viên mở rộng kiến thức theo định hướng ứng dụng, phù hợp nhu cầu công tác thực tiễn của mình, phát huy được lợi thế về kinh nghiệm thực tiễn của bản thân.

Từng định kỳ 2 năm, trên cơ sở những tiến bộ khoa học trong lĩnh vực quản trị, những thay đổi trong cơ chế quản lý được quy định bởi pháp luật, những ý kiến phản hồi từ người học và các cơ quan tuyển dụng nguồn nhân lực,...Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường sẽ tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm và nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung nội dung chương trình, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính-Ngân hàng cho nền kinh tế-xã hội.

7.2.Kế hoạch giảng dạy:

Việc tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy các học phần trong nội dung chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng như đã nêu trên, được thực hiện bằng phương pháp phối hợp giữa hoạt động giảng dạy ở trên lớp của giảng viên, với hướng dẫn thảo luận nhóm, làm bài tập xử lý tình huống, viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, tự nghiên cứu của học viên.

Chương trình cũng rất coi trọng trang bị năng lực phát hiện, kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực ngành, liên ngành, chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của mỗi học viên.

Những kiến thức thuộc các học phần trong chương trình được chuyển tải theo nguyên tắc, học viên được bổ sung kết hợp nâng cao những kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, liên ngành và chuyên sâu của ngành Tài chính-Ngân hàng và cuối cùng tổng hợp kiến thức lý luận, kinh nghiệm thực tiễn, cũng như kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học, thông qua việc hoàn thành học phần luận văn thạc sĩ .

Dự kiến phân bổ nội dung học tập trong các học kỳ của khóa đào tạo:

HỌC KỲ 1								
STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT		TH		Ghi chú
				TC	ST	TC	ST	
1	TNTH501	Triết học	4	3	45	1	30	
2	TNTA502	Tiếng Anh	4	2	30	2	60	
3	TNKL504	Kinh tế lượng	3	2	30	1	30	
4	TNCT505	Chính sách tiền tệ và tài khóa	3	3	45	0	0	
5	TNQH507	Quản trị học	2	2	30	0	0	
Cộng			16	12	180	4	120	

HỌC KỲ 2								
STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT		TH		Ghi chú
				TC	ST	TC	ST	
1	TNTC508	Tài chính công	3	2	30	1	30	
2	TNPT509	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	30	1	30	
3	TNNC503	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	30	1	30	
Chọn 3 trong 6 học phần sau (6TC):			6	6	90	0	0	
...	TNKV513	Kinh tế vĩ mô	2	2	30	0	0	
...	TNVM514	Kinh tế vi mô	2	2	30	0	0	
...	TNLK515	Pháp luật kinh tế	2	2	30	0	0	
...	TNKQ516	Kinh tế quốc tế	2	2	30	0	0	
...	TNKT517	Kế toán quản trị	2	2	30	0	0	
...	TNMN518	Marketing ngân hàng	2	2	30	0	0	
Cộng			15	12	180	3	90	
HỌC KỲ 3								
STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT		TH		Ghi chú
				TC	ST	TC	ST	
1	TNNT512	Nghiệp vụ NHTM	3	2	30	1	30	
2	TNPB511	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	30	1	30	
3	TNQN506	Quản trị ngân hàng thương mại	2	2	30	0	0	
Chọn 4 trong 6 học phần sau (8TC):			8	4	60	4	120	
...	TNLT519	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	1	15	1	30	
...	TNTT520	Thị trường tài chính	2	1	15	1	30	
...	TNTA521	Thẩm định dự án đầu tư	2	1	15	1	30	
...	TNTD522	Thẩm định tín dụng	2	1	15	1	30	
...	TNQR523	Quản trị rủi ro tài chính	2	1	15	1	30	
...	TNDD524	Đầu tư tài chính	2	1	15	1	30	
Cộng			16	10	150	6	180	
HỌC KỲ 4								
STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT		TH		Ghi chú
				TC	ST	TC	ST	
1	TNTQ508	Tài chính quốc tế	3	2	30	1	30	
2	TNLV524	Luận văn thạc sĩ	10	0	0	10	450	giờ
Cộng			13	2	30	13		

7.3.Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRIẾT HỌC

1. Mã số học phần: TNTH 501 Triết học 4(3,1)

2. Thời lượng: 4 tín chỉ

- Lý thuyết: 3

- Thảo luận: 1

3. Bộ môn phụ trách: Đại cương

4. Mô tả vắn tắt nội dung

Học phần Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (*chương 1*: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2*: Bản thể luận, *chương 3*: Phép biện chứng, *chương 4*: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5*: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, *chương 6*: Triết học chính trị, *chương 7*: Ý thức xã hội, *chương 8*: Triết học về con người).

5. Mục tiêu

- Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.

6. Nội dung chi tiết của học phần:

Chương 1. KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC

1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

a) *Triết học và đối tượng của triết học.*

- Tính tất yếu và những điều kiện ra đời của triết học.

- Các cách tiếp cận và các quan niệm khác nhau về “triết học” trong lịch sử.

- Quan niệm đương đại về triết học và triết lý.

- Vấn đề đối tượng của triết học.

b) Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học.

- Vấn đề cơ bản của triết học (mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại; tinh thần và tự nhiên).

- Chức năng cơ bản của triết học (thế giới quan, phương pháp luận, giá trị luận và các chức năng khác).

1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

a. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử.

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội và nhu cầu phát triển của thực tiễn xã hội.

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào sự phát triển của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng triết học cơ bản - chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.

- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học phụ thuộc vào cuộc đấu tranh giữa hai phương pháp nhận thức trong lịch sử - phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình.

- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học nhân loại phụ thuộc vào sự kế thừa và phát triển các tư tưởng triết học trong tiến trình lịch sử.

- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học phụ thuộc vào sự liên hệ, ảnh hưởng, kế thừa, kết hợp giữa các học thuyết triết học trong mối quan hệ dân tộc và quốc tế.

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào mối quan hệ với các hình thái tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật...

b) Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.

- Khái niệm triết học phương Đông và các đặc điểm cơ bản của nó.

- Khái lược sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.

- Những thành tựu cơ bản của triết học phương Đông.

c) Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.

- Khái niệm triết học phương Tây.

- Khái lược sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.

- Những thành tựu cơ bản của triết học phương Tây.

d) Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

+ Điều kiện lịch sử của sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

+ Những giá trị của tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

1.3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội

a) Triết học Mác – Lênin.

- Khái niệm triết học Mác – Lênin.

- Đối tượng của triết học Mác – Lênin.

- Chức năng nhận thức và thực tiễn của triết học Mác – Lênin.

- Những đặc trưng chủ yếu của triết học Mác-Lênin.

b) Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.

- Triết học Mác – Lênin trong sự phát triển của lịch sử triết học nhân loại.

- Vai trò của triết học Mác – Lênin trong chủ nghĩa Mác – Lênin.

- Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

- Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sự phát triển của khoa học và khoa học xã hội – nhân văn..

1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

- Sự kế thừa, phát triển của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Chương 2. BẢN THỂ LUẬN

2.1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây

a) Khái niệm bản thể luận.

- Nguyên nghĩa của khái niệm bản thể luận.

- Bản thể luận theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng.

- Sự đối lập tương đối giữa bản thể luận và nhận thức luận. Sự đối lập tương đối giữa bản thể luận và vũ trụ luận.

- Quan điểm nhất nguyên (duy vật, duy tâm) và quan điểm nhị nguyên trong việc giải quyết vấn đề bản thể luận.

- Vị trí của vấn đề bản thể luận trong triết học và ý nghĩa của nó.

b) Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó.

- Bản thể luận trong triết học của Đạo Phật .
- Bản thể luận trong triết học của Âm – Dương gia.
- Bản thể luận trong triết học của Đạo gia.
- Bản thể luận trong triết học của Nho gia.

c) Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó.

- Bản thể luận của triết học Hy Lạp cổ đại (trọng tâm: Lý luận về bản thể của Đêmocrit, học thuyết về Ý niệm của Platon và học thuyết về 4 nguyên nhân của Aristot).

- Bản thể luận của triết học phương Tây trung đại (trọng tâm: Luận lý về 5 con đường luận chứng của Tôma Đacanh).

- Bản thể luận của triết học nước Anh và Pháp cận đại (trọng tâm: Nhất nguyên luận duy vật của Ph.Bêcon và Nhị nguyên luận trong siêu hình học của R.Đêcátơ).

- Bản thể luận duy tâm của triết học Đức cận đại (trọng tâm: Bản thể luận của I. Kant và G.Hêghen).

- Bản thể luận trong triết học phương Tây đương đại (trọng tâm: Lý luận về “tồn tại của vật tồn tại” (being of existence) của Heidegger).

2.2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin

a) Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác – Lênin.

- Những hạn chế của các cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong lịch sử triết học trước Mác và nhu cầu xác lập cách tiếp cận mới.

- Cách tiếp cận mới của triết học Mác-Lênin (trọng tâm: Quan điểm của Ph.Ăngghen về cách tiếp cận mới đối với việc giải quyết vấn đề về bản chất, nguồn gốc và tính thống nhất của mọi tồn tại trong thế giới theo lập trường duy vật hiện đại: tính thống nhất của thế giới là ở tính vật chất của nó; phương pháp tiếp cận của V.I Lênin trong việc giải quyết vấn đề bản thể luận triết học và sự thống nhất giữa phương pháp tiếp cận của Lênin với phương pháp tiếp cận của Ăngghen).

b) Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất

- V.I Lênin định nghĩa khái niệm “vật chất” với tư cách là “phạm trù triết học” và các nội dung cơ bản của định nghĩa.

- Sự thống nhất giữa bản thể luận và nhận thức luận trong định nghĩa vật chất của Lênin và ý nghĩa của nó.

- Các hình thức cơ bản của tồn tại vật chất và các phương thức vận động của vật chất.

- Những thành tựu mới trong nghiên cứu về vật chất.

c) Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức.

- Khái niệm ý thức và nguồn gốc vật chất của ý thức.

- Bản chất phản ánh năng động sáng tạo của ý thức.

- Kết cấu và chức năng của ý thức.

- Những thành tựu nghiên cứu mới về ý thức.

d) Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn.

- Tính quyết định của vật chất đối với ý thức.

- Vai trò của ý thức đối với vật chất.

2.3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Mối quan hệ khách quan và chủ quan.

- Khái niệm khách quan, chủ quan – Sự đồng nhất và khác biệt giữa hai cặp phạm trù khách quan, chủ quan với vật chất và ý thức.

- Mối quan hệ biện chứng giữa khách quan và chủ quan.

b) Nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn.

- Nội dung của nguyên tắc

- Yêu cầu của nguyên tắc.

c) Vấn đề kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

- Về phương pháp “ nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật...” trong đánh giá tình hình

- Về bài học “ Tôn trọng quy luật khách quan...” trong quá trình đổi mới.

- Về khắc phục bảo thủ, trì trệ và chủ quan, duy ý chí trong đổi mới toàn diện xã hội.

Chương 3. PHÉP BIỆN CHỨNG

3.1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử

- Lịch sử khái niệm “biện chứng” và khái niệm “siêu hình”.

- Phép biện chứng “tự phát” (sơ khai) trong nền triết học Trung Quốc Ấn Độ và Hy Lạp cổ đại.

- Phép biện chứng duy tâm trong triết học Cổ điển Đức (Kant, Hêghen).

- Sự hình thành, phát triển của phép biện chứng duy vật trong triết học Mác – Lênin.

3.2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

a) Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.

- Nguyên lý mối liên hệ phổ biến.
- + Tính khách quan, phổ biến của mối liên hệ. Phân biệt giữa "liên hệ" và "quan hệ".
- + Tính phong phú nhiều vẻ của các kiểu liên hệ trong tự nhiên và xã hội.
- + Về các mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng duy vật.
- Nguyên lý phát triển.
- + Phát triển và vận động; phát triển và tăng trưởng.
- + Nội dung nguyên lý phát triển của phép biện chứng duy vật.
- + Sự phát triển trong xã hội: tiến bộ và thoái bộ lịch sử.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

b) Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.

- Hệ thống phạm trù và quy luật trong phép biện chứng duy vật.

+ Phép biện chứng duy vật với tính cách sự phản ánh tính biện chứng khách quan của hiện thực. Mối quan hệ giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan.

+ Quan niệm về phạm trù trong phép biện chứng duy vật. Phạm trù là hình thức phản ánh phổ biến về hiện thực và nấc thang phát triển của nhận thức.

+ Quan niệm về quy luật trong phép biện chứng duy vật. Quy luật và tính quy luật, phân loại quy luật.

+ Tương quan giữa các phạm trù và các quy luật cơ bản của phép biện chứng. Quan điểm của V.I Lênin về các yếu tố của phép biện chứng duy vật.

+ Phép biện chứng duy vật với tính cách là một hệ thống và sự vận động theo quy luật biện chứng.

- Các quy luật cơ bản của phép biện chứng

Vị trí và nội dung cơ bản của các quy luật:

+ Những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại. Ý nghĩa phương pháp luận.

+ Thống nhất và đấu tranh các mặt đối lập. Ý nghĩa phương pháp luận.

+ Phủ định của phủ định. Ý nghĩa phương pháp luận.

- Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng

Vị trí và nội dung cơ bản của mối quan hệ biện chứng giữa: cái riêng và cái chung, nguyên nhân và kết quả, tất nhiên và ngẫu nhiên, khả năng và hiện thực, nội dung và hình thức, bản chất và hiện tượng. Ý nghĩa phương pháp luận.

3.3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn

a) Những nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật .

- Nguyên tắc toàn diện trong nhận thức và thực tiễn (nội dung và yêu cầu)
- Nguyên tắc phát triển và phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể (nội dung và yêu cầu).
- Nguyên tắc lịch sử - cụ thể và phương pháp thống nhất lịch sử - lôgic (nội dung và yêu cầu).

b) Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.

- Phương pháp luận biện chứng duy vật với việc giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa – xã hội.
- Phương pháp luận biện chứng duy vật với việc khái quát lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- Phương pháp luận biện chứng duy vật với hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

Chương 4. NHẬN THỨC LUẬN

4.1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức

- + Các khái niệm "nhận thức", "ý thức", "tư duy", "tư tưởng" và "lý luận nhận thức"; "lý luận nhận thức duy vật" và "lý luận nhận thức duy tâm"
- + Chủ thể, khách thể và đối tượng của nhận thức.
- + Đối tượng của nhận thức.
- + Nguồn gốc, bản chất của nhận thức.
- + Mục đích, nội dung của nhận thức.
- + Về khả năng của nhận thức: chủ nghĩa khả tri, chủ nghĩa hoài nghi, chủ nghĩa bất khả tri.
- + Sự đa dạng và thống nhất các kiểu tri thức.

4.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

a) Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

- + Các nguyên tắc xây dựng lý luận nhận thức duy vật biện chứng.
- + Phản ánh tích cực, sáng tạo hiện thực khách quan - nguyên tắc nền tảng của nhận thức.
- + Đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

b) Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức.

+ Sự phản ánh trực quan về hiện thực: đặc điểm; các hình thức của nhận thức cảm tính (cảm giác, tri giác, biểu tượng); vai trò của chúng trong nhận thức.

+ Tư duy trừu tượng: đặc điểm; các hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng (khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh), vai trò của chúng trong nhận thức.

+ Mối quan hệ, sự chuyển hoá từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính. Logic của nhận thức. Sự thống nhất giữa quan niệm "đi từ trừu tượng đến cụ thể" (của C.Mác) và quan niệm "đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng" (của V. I. Lênin).

c) Biện chứng của quá trình nhận thức

+ Mâu thuẫn biện chứng và sự giải quyết mâu thuẫn trong quá trình phát triển của nhận thức.

+ Lượng - chất và sự chuyển hoá giữa lượng và chất trong quá trình phát triển của nhận thức.

+ Phủ định biện chứng và sự phủ định biện chứng trong quá trình phát triển của nhận thức.

d) Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý

+ Khái niệm chân lý; sự đối lập giữa chân lý và sai lầm; tiêu chuẩn của chân lý.

+ Tính tương đối và tính tuyệt đối của chân lý; chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối.

+ Tính cụ thể của chân lý.

4.3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội

- Tính đặc thù của nhận thức xã hội.

- Những phạm trù cơ bản của nhận thức xã hội (hệ tư tưởng; các khoa học xã hội, các khoa học - nhân văn...).

- Vai trò của nhận thức xã hội.

- Định hướng phát triển khoa học xã hội - nhân văn.

+ Các trình độ phát triển của nhận thức khoa học: quan sát và thí nghiệm, dữ kiện và trừu tượng khoa học, mô tả và giải thích, giả thuyết và lý thuyết, dự báo khoa học.

+ Các đặc điểm của nhận thức khoa học xã hội và nhân văn.

+ Những nguyên tắc cơ bản của nhận thức khoa học xã hội và nhân văn.

4.4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Nội dung của nguyên tắc.

- Một số quan niệm trong lịch sử triết học về mối quan hệ lý luận và thực tiễn.

- Các khái niệm cơ bản: Lý luận, lý luận khoa học xã hội, lý luận Mác – Lênin; khái niệm thực tiễn, thực tiễn với tính cách là hiện thực trực tiếp của tư tưởng, là mắt khâu quan trọng của quá trình nhận thức.

- Mọi quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn.

+ Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức lý luận.

+ Vai trò của lý luận đối với thực tiễn.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất lý luận và thực tiễn; giữa lý thuyết với thực hành, giữa lý thuyết, lý luận và thực tế.

- Ý nghĩa phương pháp luận.

b) Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

- Sự tụt hậu và tách rời giữa thực tiễn và lý luận - hậu quả và nguyên nhân.

- Những phương hướng cơ bản nhằm vận dụng đúng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn.

+ Đối với hoạt động lý luận (các nhà khoa học, các cơ quan hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước): lý luận phải luôn bám sát thực tiễn, nắm bắt được yêu cầu của thực tiễn, khái quát được những kinh nghiệm của thực tiễn; khắc phục bệnh giáo điều.

+ Đối với hoạt động thực tiễn (các chủ thể vận dụng lý luận – đường lối chính sách): hoạt động thực tiễn phải có sự chỉ đạo của lý luận, vận dụng lý luận phải phù hợp với hoàn cảnh lịch sử - cụ thể; khắc phục bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa.

+ Vấn đề tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Chương 5. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

5.1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại

- Phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo và những hạn chế của nó.

- Phương pháp tiếp cận của lý thuyết về sự tiến triển các nền văn minh trong triết học phương Tây đương đại – giá trị và hạn chế của nó.

- Phương pháp tiếp cận của triết học Mác-Lênin và bản chất khoa học, cách mạng của nó.

5.2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

a) Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội

- Khái niệm xã hội và khái quát quá trình phát triển của xã hội.

- Vai trò của sản xuất vật chất.
- + Sự sản xuất xã hội và ba quá trình sản xuất của xã hội.
- + Vai trò của sản xuất vật chất đối với đời sống xã hội.
- + Ý nghĩa phương pháp luận.
- Vai trò của phương thức sản xuất.
- + Khái niệm phương thức sản xuất và tính thống nhất giữa phương thức tổ chức kinh tế với phương thức kỹ thuật – công nghệ của quá trình sản xuất.
- + Vai trò quyết định của phương thức sản xuất đối với trình độ phát triển của nền sản xuất vật chất của xã hội.

+ Khuynh hướng phát triển khách quan của các phương thức sản xuất trong lịch sử nhân loại – nhân tố quyết định sự phát triển của các nền văn minh và tiến bộ xã hội.

+ Ý nghĩa phương pháp luận chung.

b) Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Khái niệm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất (các mặt, các yếu tố cấu thành, vai trò, đặc điểm trong xã hội công nghiệp và trong nền kinh tế thị trường hiện đại).

- Mọi quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong quá trình vận động, phát triển của phương thức sản xuất. Ý nghĩa phương pháp luận.

- Ý nghĩa phương pháp luận chung.

c) Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

- Khái niệm cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng (kết cấu cơ bản và vai trò của các yếu tố).

- Mọi quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong quá trình vận động, phát triển của xã hội. Biện chứng giữa kinh tế và chính trị.

- Ý nghĩa phương pháp luận chung.

d) Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.

- Kết cấu cơ bản của hình thái kinh tế - xã hội.

- Tính quy luật khách quan của quá trình vận động, phát triển xã hội.

- Vai trò của các nhân tố chủ quan đối với tiến trình vận động, phát triển xã hội.

- Về khả năng và các điều kiện “bỏ qua” một số hình thái kinh tế-xã hội trong tiến trình phát triển của lịch sử xã hội.

- Những giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế-xã hội.

5.3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam

- Các quan điểm khác nhau về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tính tất yếu, khả năng và những điều kiện (khách quan, chủ quan) của sự lựa chọn con đường định hướng phát triển đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

- Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và thực chất của sự “phát triển rút ngắn” con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Mục tiêu tổng quát và những định hướng lớn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (theo Cương lĩnh bổ sung và phát triển năm 2011 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển kinh tế; xây dựng văn hóa, phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ; kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ...)

b) Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Xác định vị trí của chiến lược phát triển kinh tế trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Các nội dung cơ bản của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Các nhiệm vụ cơ bản của phát triển kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn 2011 – 2020.

Chương 6. TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ

6.1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học

a) Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính trị

- Quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học trước Mác.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học Ấn Độ cổ, trung đại.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học Trung Quốc cổ, trung đại.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học Hy Lạp, La Mã cổ đại.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học phương Tây thời trung, cận đại.

- Các quan niệm của triết học đương đại về chính trị.

+ Các lý thuyết đương đại về chính trị.

+ Về triết học chính trị và chính trị học (nghĩa rộng và nghĩa hẹp).

b) Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị.

- + Các tiền đề hình thành quan niệm về chính trị trong triết học Mác.
- + Định nghĩa về chính trị của Lênin.
- + Các đặc trưng cơ bản của chính trị (bản chất, quyền lực và sự tha hóa quyền lực, động lực,...).

c) Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.

- Sự phát triển từ quan điểm Mác-Lênin về chuyên chính vô sản đến quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.

+ Quan niệm Mác - Lênin về chuyên chính vô sản (định nghĩa, bản chất, nội dung...).

+ Hệ thống chính trị - cấu trúc chính trị phổ biến trong xã hội hiện đại (định nghĩa hệ thống chính trị; kết cấu; các đặc trưng của hệ thống chính trị).

- Hệ thống chính trị của xã hội tư bản và hệ thống chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa.

6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội

a) Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

- Các quan điểm triết học ngoài Mácxit về giai cấp và đấu tranh giai cấp.

- Nguồn gốc và bản chất giai cấp.

- Đấu tranh giai cấp trong lịch sử (tính tất yếu, nội dung, hình thức, vai trò)

- Cách mạng xã hội – hình thức phát triển cao nhất của đấu tranh giai cấp.

- Đặc thù của vấn đề giai cấp ở Việt Nam.

b) Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại

- Dân tộc - Hình thức cộng đồng người cao nhất và phổ biến nhất trong lịch sử.

- Quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại.

- Đặc thù của vấn đề dân tộc ở Việt Nam.

c) Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị

- Các quan điểm triết học ngoài mácxít về nhà nước.

- Nguồn gốc, bản chất nhà nước.

- Đặc trưng, chức năng của nhà nước.

- Các kiểu và hình thức nhà nước.

- Nhà nước TBCN và Nhà nước XHCN.

- Đặc thù của Nhà nước Việt Nam trong lịch sử và hiện đại.

6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

a) Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay

- Quan niệm về dân chủ (trong triết học phi mácxít và triết học Mác-Lênin).
- Những phát triển mới trong nhận thức về dân chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ chế độ làm chủ tập thể đến dân chủ XHCN).
- Thực chất của phát huy dân chủ XHCN. Mục tiêu, nội dung và các điều kiện để phát huy dân chủ XHCN ở Việt Nam hiện nay.

b) Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

- Nhận thức mới của Đảng ta về hệ thống chính trị XHCN (Từ hệ thống chuyên chính vô sản đến hệ thống chính trị XHCN) – Kết cấu; vai trò.
- Quan niệm về đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay - Thực chất, mục tiêu, nội dung cơ bản.

c) Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

- Tư tưởng về nhà nước pháp quyền là thành quả của nền văn minh nhân loại. Các cách tiếp cận; những đặc trưng cơ bản,...
- Quan điểm về nhà nước pháp quyền XHCN và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam là kết quả của một quá trình nhận thức và khảo nghiệm trong thực tiễn đổi mới của Đảng ta.
- Quan niệm của Đảng ta về nhà nước pháp quyền XHCN – những đặc trưng cơ bản - Kết quả kế thừa và phát triển quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn.
- Phương hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam.

d) Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

- Vai trò của phát huy dân chủ đối với sự phát triển khoa học xã hội và nhân văn.
- Vai trò của đổi mới hệ thống chính trị đối với việc đổi mới tổ chức, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn.
- Vai trò của vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN đối với việc phát huy vai trò của KH-XHNV trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay.

Chương 7. Ý THỨC XÃ HỘI

7.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội

a) Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội

- Khái niệm tồn tại xã hội.

- Các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội và vai trò quyết định của phương thức sản xuất trong tồn tại xã hội.

b) Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội

- Khái niệm ý thức xã hội.
- Kết cấu cơ bản của ý thức xã hội (hai trình độ phản ánh của ý thức xã hội và các hình thái cơ bản của ý thức xã hội).

7.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

a) Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

- Tồn tại xã hội quyết định sự ra đời, bản chất của ý thức xã hội.
- Tồn tại xã hội quyết định nội dung của ý thức xã hội.
- Tồn tại xã hội quyết định tính chất của ý thức xã hội.
- Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội.
- Phương thức sản xuất vật chất quyết định phương thức sản xuất đời sống tinh thần của xã hội.

b) Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội

- Nội dung tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.
- Vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội.

7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

a) Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.
- Tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

b) Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

- Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

- Phát huy tinh thần khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới.

- Kế thừa và phát huy các giá trị tinh hoa trong lịch sử tư tưởng Việt Nam

- Tiếp thu và phát huy các giá trị tư tưởng tiến bộ của nhân loại

- Khắc phục những hạn chế và tác động tiêu cực của tư tưởng, tâm lý tiểu nông trong sự nghiệp công nghiệp hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

Chương 8. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử

a) Triết học phương Đông

- Về nguồn gốc con người theo quan điểm duy tâm, duy vật mộc mạc, tôn giáo.
- Về bản chất con người trong triết lý Đạo giáo, Phật giáo, Nho giáo...

b) Triết học phương Tây trước Mác

- *Thời kỳ tiền triết học*: Tư tưởng duy tâm, thần bí; tư tưởng duy vật về con người.
- *Thời kỳ cổ đại*: Quan điểm duy vật chất phác, mộc mạc trong triết học tự nhiên, phái nguyên tử luận ...Quan điểm duy tâm về con người trong tư tưởng triết học của Pitago, Xôcrát, Platôn, Aristotêl ...
- *Thời kỳ trung cổ*: Quan niệm con người theo quan điểm duy tâm của giáo lý Kitô, Ôguytxtanh, Tômát Đacanh...
- *Thời kỳ Phục hưng - Cận đại*: Tư tưởng triết học duy vật về con người của Bêcon, Đêcác, Đidrô, Henvêtyuyt...
- *Triết học cổ điển Đức*: Tư tưởng triết học về con người trong triết học Hêghen, Phoiobắc.

c) Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mác-xít đương đại

Quan niệm về con người trong Triết học nhân bản, Triết học hiện sinh, Chủ nghĩa thực chứng mới, Thuyết nhân bản trong tôn giáo hiện đại, Chủ nghĩa Phrôt và chủ nghĩa Phrôt mới – Những hạn chế và giá trị lịch sử của nó.

8.2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người

a) Khái niệm con người

- Quan niệm con người là thực thể sinh học xã hội.
- Hai mặt, hai yếu tố cơ bản cấu thành con người.
- Về vai trò của con người là chủ thể hoạt động thực tiễn.
- Các quan niệm và cấp độ khác nhau trong tiếp cận về con người: Cá thể, cá nhân, nhân cách...

b) Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người

- Sự hình thành, phát triển con người là một quá trình gắn liền với lịch sử sản xuất vật chất. Lao động là điều kiện chủ yếu quyết định sự hình thành, phát triển của con người. Sáng tạo là thuộc tính tối cao của con người.

- Con người là một chỉnh thể thống nhất giữa mặt sinh học và mặt xã hội. Các yếu tố và mối quan hệ giữa mặt sinh học và mặt xã hội; cơ chế di truyền và hoạt động xã hội của con người.

- Con người tồn tại, phát triển trong môi trường cư trú xã hội- hành tinh- vũ trụ và mang những thuộc tính tự nhiên - sinh học – xã hội.

- Con người là một thực thể cá nhân - xã hội. Con người vừa là một chỉnh thể đơn nhất, vừa mang những phẩm chất của hệ thống các quan hệ xã hội.

- Sự thống nhất biện chứng giữa con người giai cấp và con người nhân loại. Bản chất xã hội, địa vị kinh tế xã hội và điều kiện sinh hoạt vật chất quy định sự đồng nhất và sự khác biệt giữa tính giai cấp và tính nhân loại của con người.

- Con người thống nhất biện chứng giữa tất yếu và tự do. Hoạt động của con người là sự thống nhất biện chứng giữa tự phát và tự giác, giữa tất yếu và tự do.

c) *Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người*

- *Hiện tượng tha hoá của con người.*

+ Quan niệm về tha hoá, nguồn gốc của tha hoá, khắc phục sự tha hoá.

+ Triết học Mác – Lênin với tính cách là lý luận triết học về khắc phục sự tha hoá của con người.

- *Vấn đề giải phóng con người trong Triết học Mác-Lênin.*

Thực chất của triết học Mác – Lênin là học thuyết giải phóng con người, vì sự phát triển toàn diện của con người.

8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

- Quan niệm về con người.

- Về mục tiêu giải phóng con người.

- Về vai trò động lực của con người trong Cách mạng Việt Nam.

8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) *Quan niệm triết học về nhân tố con người*

- Khái niệm nhân tố con người; những đặc trưng xã hội quy định vai trò chủ thể tích cực, tự giác, sáng tạo của con người.

- Quan niệm về phát huy nhân tố con người.

- Nhân tố con người trong quan hệ với nhân tố xã hội, nguồn lực con người, nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển con người...

b) Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay

- Sự nghiệp đổi mới đặt con người vào vị trí trung tâm - vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển.

- Vấn đề chiến lược con người ở Việt Nam hiện nay.

- Những động lực cơ bản phát huy nhân tố con người trong đổi mới đất nước hiện nay.

+ Lợi ích với tính cách là một động lực tích cực hoá nhân tố con người. Vấn đề giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích, thực hiện công bằng xã hội trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

+ Dân chủ với tính cách là một động lực tích cực hoá nhân tố con người. Vấn đề dân chủ hoá mọi mặt đời sống xã hội trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

+ Trí tuệ - động lực bên trong của tính tích cực, tự giác, sáng tạo con người. Giáo dục – Đào tạo với vấn đề phát triển trí tuệ và nền tảng thể chất của con người Việt Nam hiện nay.

Nhiệm vụ của học viên

- Nghe giảng viên giới thiệu chương trình và các nội dung cơ bản của môn học.

- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo các chủ đề, câu hỏi và tham gia thảo luận trên giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên.

- Nghiên cứu viết 01 tiểu luận theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tham dự bài thi kết thúc môn học.

7. Tài liệu học tập

- Giáo trình Triết học, Hồ Sĩ Quý, Phạm Văn Đức, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2016

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

Tổng hợp 3 phần điểm:

- Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%.

- Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%.

- Bài thi tự luận kết thúc học phần (thời gian làm bài 120 phút): 60%.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIẾNG ANH

1. Mã học phần: TNTA 502 Tiếng Anh 4(2,2)

2. Số tín chỉ : 4

- Lý thuyết : 2

- Thực hành, bài tập: 2

3. Bộ môn phụ trách: Ngoại ngữ

4. Mô tả nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho học viên môi trường ngôn ngữ nhằm giúp học viên rèn luyện kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết theo hướng dẫn của giáo viên và tự học, chuẩn bị ở nhà, nhận ra ý chính, nhận ra các từ nhấn mạnh trong câu, đoán nghĩa và hiểu từ vựng trong ngữ cảnh. Học viên cũng được trang bị kiến thức về ngôn ngữ cần thiết về những thông tin cá nhân, những chủ đề về cuộc sống quen thuộc hàng ngày, gia đình, và xã hội và đặc biệt có vốn kiến thức để làm việc ở môi trường quốc tế.

5. Mục tiêu của học phần : Sau khi học xong học phần này học viên có thể:

- Nghe được những đoạn văn mô tả về người hoặc đồ vật, sau đó chọn bức tranh đúng nhất. Học viên cũng có kỹ năng nghe về một đoạn văn, sau đó trả lời A, B, C hoặc D cho từng câu hỏi cũng như có khả năng nghe những đoạn hội thoại rồi điền từ vào chỗ trống. Nghe những bản tin trên VOA hay thời sự quốc tế bằng Tiếng Anh.

- Nói được những chủ đề về cá nhân, cuộc sống gia đình, nhà cửa, giải trí, những chủ đề mang tính thời sự.

- Đọc được những bài văn và trả lời được những câu hỏi liên quan đến bài theo dạng A, B, C và D. Đọc đoạn văn và sắp xếp các đoạn văn cho có sự logic. Học viên cũng có khả năng đọc và làm những dạng bài tập đúng sai, điền từ vào chỗ trống và viết lại câu. Đặc biệt học viên có thể viết được những bài luận, thư tín thương mại cũng như các chủ đề trong cuộc sống.

- Phân tích được những hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong phạm vi bài học và sử dụng trong thực tiễn một cách tốt nhất.

6. Nội dung chi tiết từng phần.

Bảng phân bổ thời lượng của từng bài (Unit):

STT	Nội dung	Số tiết					
		Tổng	LT	BT	TH	Học nhóm	Kiểm tra
1	Review	15	10	5			
2	Unit 1 (Test 1)	10	5	5			
3	Unit 2 (Test 2)	10	5	5			
4	Unit 3 (Test 3)	10	5	5			
5	Unit 4 (Test 4)	10	5	5			
6	Test	5	0	0			
Cộng:		60	30	25			5

NỘI DUNG CHI TIẾT TỪNG BÀI (UNIT)

Review week:

Review what the students did study in 40 periods and have an actual test for practicing.

- + Simple present tense
- + Present continuous tense
- + Simple past
- + Past continuous
- + Future
- + Present perfect
- + Present perfect continuous
- + Past perfect
- + Past perfect continuous
- + Conditional sentences
- + Wish sentences
 - + Passive/ Active voice
 - + Inversion
 - + Subjunctive

Unit 1 :

I/ Reading

- + Part 1: Look at the text in each question. What does it say? And then choose A, B or C for the question.

+ Part 2: The people below all want to visit a museum. On the opposite page there are descriptions of 8 museums. Decide which museum would be the most suitable for the following people.

+ Part 3: Look at the sentences below about The short Story Society. Read the text on the opposite page to decide if each sentence is correct or incorrect.

+ Part 4: Read the text and questions below then choose A, B, C or D for each question.

+ Part 5: Read the text below and choose the correct word for each space (Choose A, B, C or D for the question)

II/ Writing

+ Part 1: Read some sentences about a sports center. For each question, complete the second sentence so that it means the same as the first. ***Use no more than three words.***

+ Part 2: You want to borrow your English friend Sam's bicycle. Write an email to your English friend Sam. In your email you should:

- explain why you need to borrow the bicycle.
- say how long you will need it for.
- tell Sam when you will return it.

+ Part 3: There is a part of letter you receive from an English friend. Write a letter to respond this part of letter of your friend.

III/ Listening

+ Part 1: There are seven questions in this part. For each question there are pictures and a short recording. Choose the correct picture for each one.

+ Part 2: You will hear an English woman talking to an interviewer about her life in Berlin, the capital of Germany. For each question, choose A, B or C.

+ Part 3: You will hear a man talking to a group of people about a trip to India to see tigers. For each question, fill in the missing word/ information in the numbered space.

+ Part 4: You will hear a conversation. Decide if each sentence is correct or not.

IV/ Speaking

+ Part 1: Introduce yourself, your daily life, interests ...

+ Part 2: Describe the pictures

+ Part 3: Interactive between 2 students

+ Part 4: Examiners ask something more about you and pictures in part 3

Unit 2:

I/ Reading

+ Part 1: Look at the text in each question. What does it say? And then choose A, B or C for

the question.

+ Part 2: The people below all want to visit a museum. On the opposite page there are descriptions of 8 museums. Decide which museum would be the most suitable for the following people.

+ Part 3: Look at the sentences below about The short Story Society. Read the text on the opposite page to decide if each sentence is correct or incorrect.

+ Part 4: Read the text and questions below then choose A, B, C or D for each question.

+ Part 5: Read the text below and choose the correct word for each space (Choose A, B, C or D for the question)

II/ Writing

+ Part 1: Read some sentences about a sports center. For each question, complete the second sentence so that it means the same as the first. ***Use no more than three words.***

+ Part 2: You want to borrow your English friend Sam's bicycle. Write an email to your English friend Sam. In your email you should:

- explain why you need to borrow the bicycle.
- say how long you will need it for.
- tell Sam when you will return it.

+ Part 3: There is a part of letter you receive from an English friend. Write a letter to respond this part of letter of your friend.

III/ Listening

+ Part 1: There are seven questions in this part. For each question there are pictures and a short recording. Choose the correct picture for each one.

+ Part 2: You will hear an English woman talking to an interviewer about her life in Berlin, the capital of Germany. For each question, choose A, B or C.

+ Part 3: You will hear a man talking to a group of people about a trip to India to see tigers. For each question, fill in the missing word/ information in the numbered space.

+ Part 4: You will hear a conversation. Decide if each sentence is correct or not.

IV/ Speaking

+ Part 1: Introduce yourself, your daily life, interests ...

+ Part 2: Describe the pictures

+ Part 3: Interactive between 2 students

+ Part 4: Examiners ask something more about you and pictures in part 3

Unit 3 :

I/ Reading

+ Part 1: Look at the text in each question. What does it say? And then choose A, B or C for the question.

+ Part 2: The people below all want to visit a museum. On the opposite page there are descriptions of 8 museums. Decide which museum would be the most suitable for the following people.

+ Part 3: Look at the sentences below about The short Story Society. Read the text on the opposite page to decide if each sentence is correct or incorrect.

+ Part 4: Read the text and questions below then choose A, B, C or D for each question.

+ Part 5: Read the text below and choose the correct word for each space (Choose A, B, C or D for the question)

II/ Writing

+ Part 1: Read some sentences about a sports center. For each question, complete the second sentence so that it means the same as the first. ***Use no more than three words.***

+ Part 2: You want to borrow your English friend Sam's bicycle. Write an email to your English friend Sam. In your email you should:

- explain why you need to borrow the bicycle.
- say how long you will need it for.
- tell Sam when you will return it.

+ Part 3: There is a part of letter you receive from an English friend. Write a letter to respond this part of letter of your friend.

III/ Listening

+ Part 1: There are seven questions in this part. For each question there are pictures and a short recording. Choose the correct picture for each one.

+ Part 2: You will hear an English woman talking to an interviewer about her life in Berlin, the capital of Germany. For each question, choose A, B or C.

+ Part 3: You will hear a man talking to a group of people about a trip to India to see tigers. For each question, fill in the missing word/ information in the numbered space.

+ Part 4: You will hear a conversation. Decide if each sentence is correct or not.

IV/ Speaking

+ Part 1: Introduce yourself, your daily life, interests ...

+ Part 2: Describe the pictures

+ Part 3: Interactive between 2 students

+ Part 4: Examiners ask something more about you and pictures in part 3

Unit 4 :

I/ Reading

+ Part 1: Look at the text in each question. What does it say? And then choose A, B or C for the question.

+ Part 2: The people below all want to visit a museum. On the opposite page there are descriptions of 8 museums. Decide which museum would be the most suitable for the following people.

+ Part 3: Look at the sentences below about The short Story Society. Read the text on the opposite page to decide if each sentence is correct or incorrect.

+ Part 4: Read the text and questions below then choose A, B, C or D for each question.

+ Part 5: Read the text below and choose the correct word for each space (Choose A, B, C or D for the question)

II/ Writing

+ Part 1: Read some sentences about a sports center. For each question, complete the second sentence so that it means the same as the first. ***Use no more than three words.***

+ Part 2: You want to borrow your English friend Sam's bicycle. Write an email to your English friend Sam. In your email you should:

- explain why you need to borrow the bicycle.
- say how long you will need it for.
- tell Sam when you will return it.

+ Part 3: There is a part of letter you receive from an English friend. Write a letter to respond this part of letter of your friend.

III/ Listening

+ Part 1: There are seven questions in this part. For each question there are pictures and a short recording. Choose the correct picture for each one.

+ Part 2: You will hear an English woman talking to an interviewer about her life in Berlin, the capital of Germany. For each question, choose A, B or C.

+ Part 3: You will hear a man talking to a group of people about a trip to India to see tigers. For each question, fill in the missing word/ information in the numbered space.

+ Part 4: You will hear a conversation. Decide if each sentence is correct or not.

IV/ Speaking

+ Part 1: Introduce yourself, your daily life, interests ...

+ Part 2: Describe the pictures

+ Part 3: Interactive between 2 students

+ Part 4: Examiners ask something more about you and pictures in part 3

Nhiệm vụ của học viên

- Tham dự giờ giảng trên lớp đầy đủ, nghiêm túc, đúng quy định của Trường;
- Chuẩn bị đầy đủ và có chất lượng bài tập, bài thuyết trình,...và tham dự đầy đủ các buổi trao đổi thực hành trên lớp;
- Thực hiện nghiêm túc thời gian tự học theo quy chế.

7. Tài liệu học tập :

Cambridge Preliminary English Test 5 with Answers: Examination Papers from University of Cambridge ESOL Examinations, 2011.

8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Kiểm tra trong quá trình học : 30 % tổng điểm

- Điểm bài thi kết thúc học phần: 70 % tổng điểm

Review and test week

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC****1. Mã số học phần: TNNC 503 Phương pháp nghiên cứu khoa học 3(2,1)****2. Số lượng tín chỉ: 3**

Lý thuyết :2

Thảo luận/Thực hành:1

3. Bộ môn phụ trách: Đại cương**4. Mô tả học phần**

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giúp học viên có kiến thức trong lĩnh vực kinh doanh để có thể dễ dàng nhận dạng các vấn đề nghiên cứu. Ngoài ra học viên cần có kiến thức về xác suất thống kê để có thể nắm bắt các phương pháp chọn mẫu và hiểu được ý nghĩa của các phương pháp chọn mẫu và ý nghĩa của các phép kiểm định thống kê cơ bản.

5. Mục tiêu học phần

Trang bị cho học viên các kỹ năng cần thiết để nhận dạng và nêu một vấn đề nghiên cứu trong mọi lĩnh vực liên quan đến hoạt động quản trị, kinh doanh tiền tệ: tài chính tín dụng, dự án đầu tư, nhân sự, chiến lược, hành vi lãnh đạo, kinh doanh quốc tế....

Trang bị phương pháp luận cho học viên trong việc nhận dạng và nêu vấn đề nghiên cứu, cách thức thiết lập câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu.

Trang bị kỹ năng cho học viên trong việc tìm tòi và thu thập các thông tin thứ cấp để tóm lược các lý thuyết có liên quan đến đề tài nghiên cứu từ đó phát hiện những vấn đề nào đã được nghiên cứu. Trên cơ sở đó sinh viên sẽ nêu được những điểm mới trong đề tài nghiên cứu của mình.

Trang bị cho học viên các kỹ năng thu thập thông tin thứ cấp và thông tin sơ cấp, đặc biệt nhấn mạnh đến các kỹ năng thiết kế bản câu hỏi để thu thập thông tin sơ cấp trong nghiên cứu điều tra về hành vi của người tiêu dùng, hành vi của người lao động, và các quản trị gia.

Cung cấp cho học viên các kỹ năng trong việc xử lý dữ liệu và kỹ năng phân tích để khẳng định hay bác bỏ các giả thuyết nghiên cứu được đặt ra trong đề tài nghiên cứu.

6. Nội dung

Chương 1: Các phương pháp nghiên cứu trong quản trị kinh doanh tài chính ngân hàng

1. Phương pháp khoa học trong nghiên cứu

1.1 Định nghĩa

1.2 Các đặc điểm của nghiên cứu trong quản trị kinh doanh tài chính ngân hàng

1.3 Quy trình nghiên cứu

2. Phân loại nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu khám phá, giải thích, và nghiên cứu mô tả

2.2. Nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính

2.3. Nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng

2.4. Phương pháp lịch sử, mô tả, tương quan, so sánh nhân quả, và thực nghiệm trong nghiên cứu

2.5. Nghiên cứu với đầy số liệu theo thời gian và dãy số liệu chéo

3. Xây dựng kế hoạch/đề xuất nghiên cứu

3.1. Nêu vấn đề nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu (Problem statement)

3.2. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu (Research rationale)

3.3. Nêu tên vấn đề nghiên cứu (Research title)

3.4. Thiết lập câu hỏi nghiên cứu (Research questions)

3.5. Thiết lập các giả thuyết nghiên cứu (Research hypotheses)

3.6. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu (Research methodology)

3.7. Tóm lược và phân tích các lý thuyết và nghiên cứu có liên quan trước đây (Literature review)

3.8. Xác định phương pháp thu thập thông tin (Data collection)

3.9. Phương pháp xử lý thông tin (Data processing)

3.10. Các kết luận cơ bản rút ra từ đề tài nghiên cứu (Findings)

Tài liệu tham khảo (References)

Chương 2: Nhận dạng vấn đề nghiên cứu

1. Nhận dạng vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh tài chính ngân hàng

1.1 Cơ sở để nhận dạng vấn đề nghiên cứu

1.2 Thiết lập mô hình lý thuyết của đề tài nghiên cứu (Conceptual framework)

1.3 Thiết lập mô hình cụ thể (Operationalisation)

2. Một số thiết kế nghiên cứu cơ bản

2.1 Thiết kế nghiên cứu lịch sử

2.2 Thiết kế mô tả

- 2.3 Thiết kế tương quan
- 2.4 Thiết kế so sánh nhân quả
- 2.5 Thiết kế thực nghiệm
- 3. Giá trị của một nghiên cứu thực nghiệm
 - 3.1 Giá trị nội
 - 3.2 Giá trị ngoại
 - 3.3 Các nhân tố tác động đến giá trị nội và ngoại

Chương 3: Thu thập thông tin sơ cấp

- 1. Thu thập thông tin sơ cấp thông qua nghiên cứu điều tra
 - 1.1 Kết cấu của bản câu hỏi
 - 1.2 Phân loại câu hỏi
 - 1.3 Phương pháp thiết kế bản câu hỏi
 - 1.4 Các vấn đề cần tránh khi thiết kế bản câu hỏi
 - 1.5 Tiến hành điều tra thu thập thông tin
- 2. Đo lường trong nghiên cứu điều tra
 - 2.1 Các loại thang đo
 - 2.1 Độ tin cậy và giá trị của thang đo
- 3. Chọn mẫu trong nghiên cứu điều tra
 - 3.2 Các khái niệm cơ bản về mẫu và đám đông
 - 3.3 Các phương pháp chọn mẫu
 - 3.3 Xác định cỡ mẫu

Chương 4: Xử lý dữ liệu

- 1. Các thông số đặc trưng cho mẫu và đám đông
- 2. Ước lượng các thông số đám đông từ thông số mẫu
- 3. Một số phép kiểm định giản đơn trong nghiên cứu
 - 3.1. Những sai lệch trong kiểm định giả thuyết
 - 3.2. Kiểm định trung bình và tỷ lệ của đám đông
 - 3.3. Kiểm định sự khác biệt của hai trung bình/tỷ lệ
 - 3.4. Kiểm định trong trường hợp chọn mẫu theo cặp
 - 3.5. Kiểm định sự khác biệt của n trung bình (kiểm định ANOVA)
- 4. Kiểm định độ tin cậy của thang đo
 - 4.1. Kiểm định Cronbach Alpha
 - 4.2. Phân tích nhân tố (Factor analysis)

5. Kiểm định đa biến: Kiểm định MANOVA

6. Kiểm định hàm tương quan

- Kiểm định trong phân tích hàm tương quan đơn biến
- Kiểm định trong phân tích hàm tương quan đa biến
- Kiểm định khi sử dụng biến Dummy

Chương 5: Chuẩn bị một báo cáo nghiên cứu

1. Nguyên tắc chung khi viết báo cáo nghiên cứu

- 1.1 Các yêu cầu của một báo cáo nghiên cứu
- 1.2 Các đánh giá một báo cáo nghiên cứu
- 1.3 Nguyên tắc viết một báo cáo nghiên cứu
- 1.4 Các sai lầm cần tránh khi viết một báo cáo nghiên cứu

2. Cách trình bày một báo cáo nghiên cứu

3. Các loại báo cáo nghiên cứu

- Luận án/luận văn
- Bài đăng tạp chí
- Báo cáo trình bày trong hội thảo, hội nghị chuyên đề
- Báo cáo nội bộ
- Báo cáo tóm tắt

4. Cấu trúc và nội dung chủ yếu của một số loại báo cáo

- Luận án
- Bài đăng tạp chí
- Báo cáo trình bày trong hội nghị
- Báo cáo nội bộ
- Báo cáo nghiên cứu marketing tài chính ngân hàng

Yêu cầu đối với học viên

Phương pháp nghiên cứu trong quản trị kinh doanh tài chính ngân hàng là học phần cung cấp các phương pháp tiếp cận khoa học. Vì vậy, trong suốt quá trình học, học viên cần nỗ lực để hiểu các khái niệm, nguyên lý, phương pháp và công cụ nghiên cứu và phát triển khả năng ứng dụng chúng để giải quyết nhiều vấn đề khác nhau trong thực tế. Khả năng này đòi hỏi học viên phải thực hành, đọc sách giáo khoa, bài giảng, nghiên cứu tài liệu, làm bài tập, và theo dõi những phương pháp nghiên cứu được thảo luận trong khi làm các đề tài nghiên cứu khoa học.

Học phần được xây dựng với một cấu trúc chặt chẽ và thống nhất, trong đó các khái niệm mới về phương pháp nghiên cứu được xây dựng trên các lý thuyết mới có tính kế

thừa. Vì vậy nội dung các chương sau sử dụng kiến thức nền của các chương trước. Do vậy, học viên phải học tập một cách liên tục và ôn tập thường xuyên. Nhiệm vụ của học viên là tham dự lớp đầy đủ, đọc kỹ tài liệu yêu cầu trước khi đến lớp, tích cực tham gia thảo luận và hoàn tất việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu để giải tình huống.

Bài đọc bắt buộc là các chương trong giáo trình và được ghi trong đề cương môn học. Việc hoàn tất các bài đọc bắt buộc trước khi đến lớp là rất quan trọng. Trong quá trình giảng, giảng viên có thể mời một học viên bất kỳ trình bày phương pháp nghiên cứu của mình về một vấn đề nào đó được thảo luận trong tài liệu.

Các bài nghiên cứu tình huống cũng là những bài đọc bắt buộc. Yêu cầu cụ thể đối với mỗi bài nghiên cứu tình huống sẽ được phát cùng với bài nghiên cứu tình huống ấy.

Bài tập gồm 2 loại: bài tập cá nhân và bài tập nhóm. Mỗi nhóm sẽ được giao sử dụng phương pháp nghiên cứu để đi sâu giải thích một chủ đề thực tiễn của Việt Nam. Sản phẩm cuối cùng của bài tập nhóm là lập báo cáo nghiên cứu một vấn đề cụ thể phục vụ cho công tác quản trị của đơn vị, doanh nghiệp.

7. Tài liệu học tập

Tài liệu chính

- Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang, NXB Lao động, 2012.

Tài liệu tham khảo

- Phương pháp nghiên cứu khoa học - Vũ Cao Đàm, NXB Giáo dục 2016
- Phương pháp và Phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế, Nguyễn Thị Cành, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, 2004

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

- Điểm tiểu luận : 30% tổng điểm
- Bài thi hết môn : 70% tổng điểm.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KINH TẾ LƯỢNG

1. Mã số học phần: TNKL 504 Kinh tế lượng 3(2,1)

2. Số lượng tín chỉ: 3

Lý thuyết: : 2

Thảo luận/Thực hành: 1

3. Bộ môn phụ trách: Toán Kinh tế

4. Mô tả học phần

Phần chính của học phần sẽ được dành tập trung vào các kỹ thuật hồi qui và dự báo. Phân tích hồi qui là một kỹ thuật đặc lực để phân tích các thông tin và dữ liệu. Thông qua các bài tập và đề tài cuối khóa sẽ áp dụng những kỹ thuật phân tích trong lĩnh vực kinh tế.

5. Mục tiêu học phần

Trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng để sử dụng được một số ứng dụng quan trọng của phân tích định lượng trong quản trị.

6. Nội dung

Chương 1: Giới thiệu về phân tích định lượng

1. Mô tả được các cách phân tích ra quyết định

2. Định nghĩa phân tích định lượng

3. Mô tả cách tiếp cận phân tích định lượng.

4. Sáu bước trong quá trình ra quyết định

- Phải định nghĩa rõ ràng vấn đề đặt ra
- Liệt kê tất cả các phương án (thay thế) có thể có
- Xác định các biến cố hay trạng thái có khả năng xảy ra
- Xác định kết quả của các sự kết hợp giữa phương án và biến cố
- Chọn một trong các mô hình toán học của lý thuyết ra quyết định
- Ứng dụng mô hình ra quyết định

Chương 2: Cơ sở của các mô hình lý thuyết ra quyết định

1. Giới thiệu

2. Các loại môi trường ra quyết định

- Loại 1: Ra quyết định trong môi trường chắc chắn (Decision making under certainty)
- Loại 2: Ra quyết định trong môi trường có rủi ro (Decision making under risk)
- Loại 3: Ra quyết định trong môi trường không chắc chắn (Decision making under uncertainty)

3. Ra quyết định trong môi trường có rủi ro

- Giá trị tiền tệ kỳ vọng EMV (Expected monetary value)
- Giá trị kỳ vọng của thông tin hoàn hảo
- Tổn thất cơ hội
- Phân tích độ nhạy

4. Ra quyết định trong môi trường không chắc chắn

- Maximax
- Maximin
- Laplace
- Herwicz
- Minimax

5. Phân tích biên với số lượng lớn các phương án và trạng thái tự nhiên

- Phân tích biên tế với phân phối rời rạc
- Phân tích biên với phân phối chuẩn

Chương 3: Cây quyết định

1. Giới thiệu

2. Cây quyết định

- Cây quyết định đơn giản
- Cây quyết định phức tạp
- Giá trị kỳ vọng của thông tin mẫu - EVSI

3. Tính xác suất có điều kiện theo định lý Bayes

Chương 4: Quy hoạch tuyến tính

1. Giới thiệu

2. Các giả định của một bài toán quy hoạch tuyến tính

- Tính chắc chắn (certainty)
- Tính tỉ lệ (proportionality)
- Tính cộng dồn (additivity)

- Tính chia được (divisibility)
- Tính không âm (nonnegative)
- 3.Hình thành một bài toán quy hoạch tuyến tính
- 4.Giải bài toán quy hoạch tuyến tính bằng đồ thị
 - Thể hiện các điều kiện ràng buộc lên sơ đồ
 - Tìm nghiệm bằng phương pháp đường đồng lợi nhuận (isoprofit method)
 - Tìm nghiệm bằng phương pháp điểm góc (comer point method)
- 5.Giải bài toán tối thiểu bằng quy hoạch tuyến tính
 - Công ty thực phẩm VS
 - Giải bài toán tối thiểu hóa bằng phương pháp điểm góc
 - Phương pháp đường đồng chi phí
- 6.Bốn trường hợp đặc biệt trong quy hoạch tuyến tính
 - Hiện tượng không có miền nghiệm
 - Hiện tượng nghiệm không giới hạn
 - Hiện tượng thừa điều kiện ràng buộc
 - Hiện tượng nhiều nghiệm tối ưu

Chương 5: Quản trị dự án

- 1.Giới thiệu
 - Các bước của PERT và CPM
- 2.Kỹ thuật PERT
 - Ví dụ về PERT
 - Vẽ sơ đồ PERT
 - Các thời gian của công việc
 - Cách tìm đường găng
 - Cách tính các yếu tố thời gian trong một sự kiện
 - Xác suất hoàn thành dự án
 - Công việc giả (hay công việc ảo) trong PERT
- 3.PERT và chi phí
 - Lập kế hoạch và lên lịch trình về chi phí dự án
 - Bốn bước trong quy trình phân bổ chi phí
 - Phân bổ chi phí cho công ty TV
 - Giám sát và kiểm soát chi phí của dự án
- 4.Rút ngắn thời gian hoàn thành dự án bằng phương pháp đường găng

5. Rút ngắn thời gian hoàn thành dự án bằng phương pháp quy hoạch tuyến tính

6. Giải quyết tranh chấp kinh doanh theo thủ tục tố tụng trọng tài

Yêu cầu đối với học viên

Học phần sử dụng toán trong định lượng các hoạt động quản trị, vì vậy mang tính thực tiễn và phân tích. Học viên chỉ có thể đạt được mục tiêu của học phần bằng cách cố gắng làm bài tập nhiều, học thêm các môn toán kinh tế. Trong quá trình học, học viên cần nỗ lực để hiểu các khái niệm, nguyên lý, và công cụ của Phân tích định lượng và phát triển khả năng ứng dụng chúng để giải quyết nhiều vấn đề khác nhau trong thực tế quản trị kinh doanh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Khả năng này đòi hỏi học viên phải thực hành, đọc sách giáo khoa, bài giảng, nghiên cứu tài liệu, đọc các tạp chí khoa học, làm bài tập, và tham gia thảo luận.

Học phần được xây dựng với một cấu trúc hệ thống, chặt chẽ và thống nhất, trong đó các mô hình lý thuyết được xây dựng trên cơ sở toán định lượng. Do vậy, học viên phải học tập một cách liên tục và ôn tập thường xuyên. Nhiệm vụ của học viên là tham dự lớp đầy đủ, đọc kỹ tài liệu yêu cầu trước khi đến lớp, tích cực tham gia thảo luận và hoàn tất bài tập theo yêu cầu. Trong học phần có:

Bài đọc bắt buộc là các chương trong giáo trình và được ghi trong đề cương môn học. Việc hoàn tất các bài đọc bắt buộc trước khi đến lớp là rất quan trọng. Trong quá trình giảng, giảng viên có thể mời học viên bất kỳ giải thích một mô hình định lượng trong tài liệu bắt buộc.

Các bài nghiên cứu tình huống cũng là những bài đọc bắt buộc. Yêu cầu cụ thể đối với mỗi bài nghiên cứu tình huống sẽ được phát cùng với bài nghiên cứu tình huống ấy.

Bài đọc thảo luận, được sử dụng để gợi mở cho những thảo luận ở trên lớp. Những tài liệu này thường lấy từ thực tế hay các bài tập tình huống nhỏ (mini case). Tùy theo mức độ dài ngắn mà ban giảng viên có thể phát trước tài liệu này cho học viên hay phát trực tiếp ngay trên lớp.

Bài tập

Các bài tập cá nhân giúp học viên ôn lại và áp dụng các khái niệm cơ bản và công cụ phân tích định lượng đã được học vào các vấn đề thực tế. Học viên phải tự mình hoàn tất những bài tập này và nộp vào ngày quy định. Bên cạnh các bài tập cá nhân sẽ có một bài tập nhóm. Mỗi nhóm sẽ được giao nghiên cứu một chủ đề thực tiễn của Việt Nam.

7. Tài liệu học tập

Giáo trình chính:

Kinh tế lượng, Nguyễn Thành Cả, NXB Kinh tế TP. HCM, 2014.

Tài liệu tham khảo:

Bài tập và sổ tay phân tích định lượng, Nguyễn Thị Thu Vân, NXB ĐHQG TP. HCM, 2012.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

- Điểm tiểu luận : 30% tổng điểm
- Điểm thi kết thúc học phần : 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ VÀ TÀI KHÓA

1. Mã số học phần: TNCT 505 Chính sách tiền tệ và tài khóa (3,0)

2. Thời lượng: 3 TC

- Lý thuyết : 3

- Thực hành: 0

3. Bộ môn phụ trách: Ngân hàng

4. Mô tả tóm tắt nội dung

Học phần Chính sách tiền tệ lý thuyết và thực tiễn chứa đựng những kiến thức chủ yếu liên quan tới Ngân hàng Trung ương, về cung – cầu tiền tệ, về mục tiêu, hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ,... Học phần cũng giới thiệu tới học viên những thông tin về chính sách tiền tệ ở một số quốc gia trên thế giới và chính sách tiền tệ ở Việt Nam trước những thách thức của thời kỳ hội nhập quốc tế.

5. Mục tiêu của học phần

Học phần Chính sách tiền tệ lý thuyết và thực tiễn chuyên tải tới học viên cao học ngành Tài chính-Ngân hàng, những kiến thức không chỉ là lý thuyết mà bao gồm cả những nội dung vận hành trong thực tiễn. Đây là bộ phận kiến thức không thể thiếu đối với các nhà quản trị điều hành hoạt động ngân hàng hay nghiên cứu chính sách về tài chính tiền tệ nói chung. Mục tiêu chính của học phần:

-Trang bị những kiến thức tổng quan về ngân hàng Trung ương, cơ quan hoạch định và tổ chức điều hành thực thi chính sách tiền tệ quốc gia;

-Những kiến thức lý luận chuyên sâu về chính sách tiền tệ quốc gia (mục tiêu, nội dung, các công cụ của chính sách tiền tệ, cơ chế điều hành, quan hệ với các chính sách vĩ mô khác, ...)

-Thực trạng hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ ở Việt Nam hiện nay.

-Nhận thức và vận dụng vào những hoạt động cụ thể trong quản trị điều hành hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị ngân hàng hoặc trung gian tài chính nói chung.

6. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Ngân hàng Trung ương

1.1. Tổng quan về ngân hàng Trung ương trong hệ thống tài chính

1.2.Ngân hàng Trung ương ở một số quốc gia trên thế giới

1.3.Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Chương 2. Lý thuyết về cung-cầu tiền

2.1.Lượng cung ứng tiền trong nền kinh tế

2.2.Tác động của cung ứng tiền đến các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng

2.3.Lý thuyết về cầu tiền tệ

2.4.Hoạt động của thị trường tiền tệ

Chương 3. Chính sách tiền tệ

3.1.Khái niệm, mục tiêu chính sách tiền tệ

3.2.Hoạch định chính sách tiền tệ

3.3.Điều hành chính sách tiền tệ

Chương 4. Chính sách tiền tệ ở một số quốc gia trên thế giới

4.1. Chính sách tiền tệ ở một số quốc gia trên thế giới

4.2. Chính sách tiền tệ của Việt Nam

4.3.Thách thức và những vấn đề cần đổi mới đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Chương 5. Chính sách tài chính quốc gia

5.1.Khái niệm chính sách tài chính quốc gia

5.2.Mục tiêu và quan điểm của chính sách tài chính quốc gia

5.3.Những nội dung cơ bản của chính sách tài chính quốc gia

5.3.1.Chính sách về vốn

5.3.2.Chính sách tài chính đối với doanh nghiệp

5.3.3.Chính sách đối với ngân sách nhà nước

5.3.4.Chính sách về tài chính đối ngoại

5.3.5.Chính sách về tiền tệ và tín dụng

Nhiệm vụ của học viên:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc;
- Chuẩn bị và tham gia đầy đủ các giờ thảo luận, thuyết trình, bài tập
- Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng tốt giờ tự học theo quy chế.

7. Tài liệu học tập

Giáo trình chính:

Lý thuyết chung về thị trường tài chính, ngân hàng và chính sách tiền tệ, Nguyễn Văn Ngọc, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2009.

Tài liệu tham khảo

Tiền tệ ngân hàng, Lê Thị Tuyết Hoa, Nguyễn Thị Nhung, NXB Thống kê, 2007.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

Điểm kiểm tra giữa kỳ/Tiểu luận : 30% tổng điểm

Điểm thi kết thúc học phần : 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Mã số học phần: TNQN 506 Quản trị ngân hàng thương mại 2(2,0)

2. Số tín chỉ: 2

3. Bộ môn phụ trách: Ngân hàng

4. Mô tả học phần:

Học phần Quản trị ngân hàng thương mại (QTNHTM) chuyên tải những nội dung cơ bản và nâng cao về lĩnh vực quản trị trong hoạt động kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại (NHTM).

- Đi từ những vấn đề tổng quan trong hoạt động quản trị ngân hàng, học viên sẽ được tiếp cận với những nội dung cụ thể hơn về phương pháp quản trị nguồn vốn- bao gồm vốn huy động và tự có- quản trị các hoạt động sử dụng vốn, quản trị thanh khoản với các tỷ lệ an toàn trong hoạt động NHTM.

- Thông qua từng nội dung hoạt động quản trị cụ thể, các phương pháp nhận diện rủi ro và quản trị các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng cũng được thể hiện.

5. Mục tiêu của học phần:

- Trang bị kiến thức về hoạt động quản trị kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại. Học viên sẽ có cơ hội tiếp cận các phương pháp quản trị các hoạt động liên quan tới nguồn vốn và sử dụng vốn của NHTM, quản trị các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, quản trị nguồn nhân lực trong một tổ chức kinh doanh tiền;

- Trên cơ sở những kiến thức lý luận cơ bản và nâng cao, tạo tiền đề cho việc nhận thức những nội dung kiến thức trong các học phần về tài chính, tiền tệ có liên quan trong chương trình đào tạo;

- Tạo điều kiện để học viên vận dụng kiến thức lý luận với kinh nghiệm thực tiễn vào hoạt động quản trị một cách khoa học, chủ động và sáng tạo tại các đơn vị công tác thực tế của mình.

Nhiệm vụ của học viên:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc;
- Chuẩn bị và tham gia đầy đủ các giờ thảo luận, thuyết trình, bài tập
- Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng tốt giờ tự học theo quy chế.

6. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NHTM & QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI HIỆN ĐẠI

- 1.1. Tổng quan về ngân hàng thương mại
- 1.2. Những đặc thù trong kinh doanh ngân hàng
- 1.3. Nguyên lý quản trị kinh doanh trong ngân hàng thương mại

CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ VỐN TỰ CÓ TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

- 2.1. Khái niệm, đặc điểm và chức năng của vốn tự có
- 2.2. Cơ cấu của vốn tự có
- 2.3. Các tỷ lệ an toàn trong hoạt động kinh doanh ngân hàng
- 2.4. Kế hoạch và biện pháp gia tăng vốn tự có

CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ TÀI SẢN NỢ TRONG NHTM

- 3.1. Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc quản trị tài sản nợ
- 3.2. Thành phần của TS nợ
- 3.3. Nhân tố ảnh hưởng đến TS nợ
- 3.4. Các phương pháp dự tính chi phí huy động vốn
- 3.5. Vấn đề xử lý quan hệ giữa rủi ro và chi phí trong huy động vốn
- 3.6. Các phương pháp quản lý TS nợ

CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ TÀI SẢN CÓ TRONG NHTM

- 4.1. Khái niệm và nguyên tắc về quản trị TS có
- 4.2. Thành phần TS có
- 4.3. Các phương pháp quản trị TS có

CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH TRONG NHTM

- 5.1. Quản lý thu nhập và chi phí trong NHTM
- 5.2. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận trong NHTM

CHƯƠNG 6. QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

- 6.1. Quản lý rủi ro tín dụng
- 6.2. Quản lý rủi ro thanh khoản
- 6.3. Quản trị rủi ro tỷ giá
- 6.4. Quản trị rủi ro lãi suất

CHƯƠNG 7. QUẢN TRỊ TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY TRONG NHTM

- 7.1. Khái niệm, sự phân chia các bộ phận trong công tác tổ chức NHTM
- 7.2. Các quan hệ tổ chức và điều hành trong NHTM
- 7.3. Quản trị tổ chức trong một NHTM
- 7.4. Cấu trúc tổ chức và bộ máy trong NHTM
- 7.5. Mô hình tổ chức tại Sở Giao dịch và Chi nhánh ngân hàng

CHƯƠNG 8. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG NHTM

- 8.1. Tổng quan về nhân lực và quản trị nguồn nhân lực
- 8.2. Các quan điểm về quản trị nhân lực
- 8.3. Các loại nhân lực và các cấp quản trị nhân lực
- 8.4. Quy quản trị nhân lực
- 8.5. Các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực

Nhiệm vụ của học viên:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc;
- Chuẩn bị và tham gia đầy đủ các giờ thảo luận, thuyết trình, bài tập
- Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng tốt giờ tự học theo quy chế.

7. Tài liệu học tập:

Giáo trình chính :

- Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Nguyễn Đăng Dờn, NXB Kinh tế, 2014
- Quản trị ngân hàng thương mại, Nguyễn Văn Tiến, Đỗ Linh Hiệp, NXB Thống kê, 2012.

Tài liệu tham khảo:

- Quản trị ngân hàng thương mại, Phan Thị Thu Hà, NXB Giao thông vận tải, 2008.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

Điểm kiểm tra giữa kỳ/ tiểu luận: 30% tổng điểm

Điểm bài thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

QUẢN TRỊ HỌC

1. Mã số học phần: TNQH 507 Quản trị học 2(2,0)

2. Số tín chỉ: 2

3. Bộ môn phụ trách: Quản trị

4. Mô tả nội dung học phần:

Học phần Quản trị học cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị cũng như sự vận dụng chúng vào thực tiễn, như: Những vấn đề cơ bản về bản chất của quản trị; về nhà quản trị; về môi trường quản trị; về các lý thuyết quản trị, bao gồm cả lý thuyết cổ điển và hiện đại.

5. Mục tiêu học phần

5.1. Về kiến thức:

Học phần này trang bị những kiến thức nền tảng về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), sau khi học xong học phần này người học sẽ:

- Hiểu và nêu được những khái niệm cơ bản : Quản trị, tổ chức, nhà quản trị, cấp bậc quản trị.....
- Hiểu và nêu được các kỹ năng cần có của nhà quản trị và vai trò cơ bản của nhà quản trị trong một tổ chức
- Phân tích được ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức
- Hiểu và vận dụng được kỹ năng ra quyết định quản trị

5.2. Về kỹ năng:

Học viên sau khi học xong học phần có khả năng quản lý và điều hành với vai trò là nhà quản trị. Theo dõi việc thực hiện các công việc nhân viên; tuyển dụng và bố trí nhân sự phù hợp với từng công việc, ra quyết định một cách chính xác, hiệu quả.

6. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: NHÀ QUẢN TRỊ VÀ CÔNG VIỆC QUẢN TRỊ

1.1. Khái niệm và chức năng quản trị

- Khái niệm về quản trị
- Hiệu quả của quản trị
- Các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra)

1.2. Nhà quản trị

- Khái niệm
- Cấp bậc quản trị trong một tổ chức

- Các kỹ năng của nhà quản trị
- Các kỹ năng của nhà quản trị
- Các vai trò của nhà quản trị

1.3. Quản trị vừa là khoa học vừa là nghệ thuật

- Quản trị là một khoa học
- Quản trị là một nghệ thuật

CHƯƠNG 2: SỰ TIẾN TRIỂN CỦA TƯ TƯỞNG QUẢN TRỊ

2.1. Bối cảnh lịch sử

2.2. Các giai đoạn phát triển

- Giai đoạn biệt lập
- Giai đoạn hội nhập
- Một số khảo hướng hiện tại

CHƯƠNG 3: MÔI TRƯỜNG CỦA TỔ CHỨC

3.1. Khái niệm và phân loại môi trường

- Khái niệm
- Phân loại

3.2. Môi trường vĩ mô

- Nhóm các yếu tố kinh tế
- Các yếu tố chính trị và chính phủ
- Yếu tố xã hội
- Yếu tố tự nhiên
- Yếu tố kỹ thuật công nghệ

3.3. Môi trường vi mô

- Môi trường vi mô
- Đối thủ cạnh tranh
- Khách hàng
- Người cung cấp
- Đối thủ tiềm ẩn mới
- Sản phẩm thay thế

3.4. Môi trường nội bộ

3.5. Giảm bớt sự bất trắc bằng cách quản trị môi trường

CHƯƠNG 4: VĂN HÓA CỦA TỔ CHỨC

4.1. Văn hóa dân tộc và các loại hình văn hóa

- Khái niệm
- Các loại hình văn hóa tiêu biểu

4.2. Văn hóa tổ chức

- Khái niệm
- Nguồn gốc hình thành

- Vai trò của văn hóa doanh nghiệp

CHƯƠNG 5: QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ

5.1. Khái niệm và đặc điểm quyết định của quản trị

- Khái niệm quyết định của quản trị
- Các chức năng quyết định của quản trị
- Phân loại quyết định quản trị
- Những yêu cầu đối với quyết định quản trị

5.2. Mô hình ra quyết định

- Ra quyết định hợp lý
- Ra quyết định hợp lý có giới hạn
- Ra quyết định theo nhóm quyền lực

5.2. Các công cụ hỗ trợ cho việc ra quyết định

- Vận dụng tư duy sáng tạo để ra quyết định
- Cây quyết định

5.3. Nâng cao hiệu quả quyết định quản trị

- Những tiền đề của sự hợp lý
- Những phẩm chất cá nhân cần cho quyết định hiệu quả
- Tổ chức thực hiện các quyết định

CHƯƠNG 6: CHỨC NĂNG HOẠCH ĐỊNH

6.1. Khái niệm và tác dụng của hoạch định

- Khái niệm
- Tác dụng của hoạch định
- Các loại hoạch định

6.2. Mục tiêu của nền tảng hoạch định

- Khái niệm
- Vai trò
- Các yêu cầu
- Quản trị bằng mục tiêu MBO

6.3. Hoạch định chiến lược

- Các bước hoạch định chiến lược
- Những loại chiến lược
- Những công cụ để hoạch định chiến lược trong doanh nghiệp lớn
- Hoạch định chiến lược trong cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ

6.4. Hoạch định tác nghiệp

- Khái niệm
- Tiến trình

CHƯƠNG 7: CHỨC NĂNG TỔ CHỨC

7.1. Khái niệm và nguyên tắc xây dựng cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp

- Khái niệm
- Các nguyên tắc của tổ chức quản trị

7.2. Một số vấn đề khoa học trong công tác của tổ chức

- Tầm hạn quản trị
- Quyền hành trong quản trị

- Phân cấp quản trị

7.3. Xây dựng cơ cấu tổ chức

- Khái niệm
- Các mô hình bộ máy tổ chức phổ biến

7.4. Sự phân chia quyền lực

- Khái niệm
- Uy quyền

CHƯƠNG 8: CHỨC NĂNG ĐIỀU KHIỂN

8.1. Khái niệm và các yêu cầu

8.2. Tuyển dụng và đào tạo nhân viên

- Tuyển dụng
- Thủ tục chọn lựa
- Đào tạo, huấn luyện nhân viên
- Phát triển nghề nghiệp

8.3. Động viên tinh thần làm việc của nhân viên

- Lý thuyết cổ điển
- Lý thuyết tâm lý xã hội hay quan hệ con người
- Các lý thuyết hiện đại về sự động viên

8.4. Lãnh đạo và phong cách lãnh đạo

- Lãnh đạo và người lãnh đạo
- Phong cách lãnh đạo

8.5. Thông tin trong quản trị

- Khái niệm thông tin
- Những hình thức thông tin
- Thông tin trong tổ chức
- Những trở ngại trong thông tin
- Quản trị thông tin

8.6. Quản trị thay đổi, xung đột và kích động

- Những yếu tố gây biến động
- Những Kỹ thuật quản trị sự thay đổi

CHƯƠNG 9: CHỨC NĂNG KIỂM TRA

9.1. Khái niệm, mục đích và tác dụng của kiểm tra

- Khái niệm
- Mục đích của kiểm tra quản trị
- Tác dụng của công tác kiểm tra

9.2. Các nguyên tắc để xây dựng cơ chế kiểm tra

9.2. Quá trình kiểm tra

- Thiết lập các tiêu chuẩn
- Đo lường thành quả
- Sửa chữa sai lầm

9.3. Các điểm kiểm tra trọng yếu

- Các công cụ kiểm tra chủ yếu
- Kiểm tra tài chính
- Kiểm tra hành vi.

Yêu cầu đối với học học viên

Để có thể học tốt học phần Quản trị học, với thời lượng học tập trên lớp là 2 đơn vị học trình, bên cạnh việc học lý thuyết tập trung trên lớp, học viên cần đọc thêm các tài liệu tham khảo do giảng viên giới thiệu, biết cách vận dụng kiến thức quản trị vào thực tế của các doanh nghiệp trên thị trường và bản thân công ty nơi các học viên đang công tác qua việc tham gia tích cực các nội dung thực hành theo yêu cầu của giảng viên. Các bài tập thực hành gồm:

1. Thảo luận các bài tập tình huống thực tế gắn với lý thuyết của từng chương: Học viên sẽ thảo luận tình huống, nhận định vấn đề, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp xử lý theo yêu cầu mà tình huống đặt ra
2. Thuyết trình cuối đợt học: Các học viên phân nhóm, chọn đề tài thuyết trình, thu thập thông tin, thuyết trình và viết bài tiểu luận theo nhóm vào cuối đợt học tập học phần Quản trị.

Bài tập

Các bài tập cá nhân giúp học viên ôn lại và áp dụng lý thuyết đã học. Học viên phải tự mình hoàn tất những bài tập này và nộp đúng ngày quy định.

Đồng thời, học viên thực các hiện bài tập theo nhóm. Mỗi nhóm sẽ được giao nghiên cứu một đề tài gắn với thực tiễn Việt Nam (các dạng đề tài gợi ý). Các nhóm sẽ thuyết trình,

phản biện trên lớp và nộp bài viết cho giảng viên. Số lượng trang từ 10 -15 trang.

7.Tài liệu học tập

- Giáo trình chính:

Giáo trình Quản trị học, Nguyễn Thị Liên Diệp, NXB Lao động xã hội, 2010.

- Tài liệu tham khảo:

Quản trị học, Trần Anh Tài, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017

8.Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

- Điểm tiểu luận: 30% tổng điểm
- Điểm thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÀI CHÍNH CÔNG

1. Mã số học phần: TNTC 508 Tài chính công 3(2,1)

2. Số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thảo luận, bài tập: 1

3. Bộ môn phụ trách: Tài chính

4. Mô tả học phần:

Học phần Tài chính công chuyên tải những nội dung kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn liên quan tới lĩnh vực tài chính trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế-xã hội; Nội dung học phần đề cập tới những kiến thức về tài chính nhà nước và quản lý ngân sách nhà nước; bao gồm hoạt động quản lý thu, quản lý chi ngân sách nhà nước, vấn đề đảm bảo cân đối thu chi ngân sách nhà nước; vấn đề quản lý các quỹ ngoài ngân sách.

5. Mục tiêu của học phần:

- Trang bị kiến thức lý thuyết cơ bản về Tài chính công. Trên cơ sở nắm chắc nội dung lý thuyết của học phần thấy được mối quan hệ giữa tài chính công với hoạt động tài chính của từng đơn vị, tổ chức trong nền kinh tế-xã hội;

- Vận dụng những kiến thức lý luận vào hoạt động thực tiễn tại các đơn vị công tác một cách năng động, sáng tạo và hiệu quả;

- Thực hiện đúng những nghĩa vụ và quyền lợi của đơn vị, cá nhân trong mối quan hệ với các hoạt động thuộc phạm vi tài chính công trong thực tiễn đời sống.

6. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1.1. Khái niệm và đặc điểm tài chính nhà nước

1.2. Chức năng, vai trò của tài chính nhà nước

1.3. Ngân sách nhà nước

1.4. Quản lý ngân sách nhà nước ở Việt Nam

CHƯƠNG 2. QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

2.1. Những vấn đề chung về ngân sách nhà nước

2.2. Tổ chức hệ thống NSNN và phân cấp quản lý NSNN

2.3. Quản lý thuế - nguồn thu chủ yếu của NSNN

- 2.4. Quản lý vay nợ của nhà nước
- 2.5. Quản lý các nguồn thu từ kinh tế nhà nước
- 2.6. Quản lý thu khác của NSNN

CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- 3.1. Khái niệm về chi NSNN
- 3.2. Quản lý chi NSNN
 - 3.2.1. *Quản lý khoản chi thường xuyên*
 - 3.2.2. *Quản lý khoản chi đầu tư phát triển*
 - 3.2.3. *Quản lý khoản chi trả nợ của Chính phủ*

CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- 4.1. Các vấn đề chung về quản lý cân đối ngân sách nhà nước
- 4.2. Thâm hụt NSNN
- 4.3. Tổ chức cân đối NSNN theo luật ngân sách
- 4.4. Quản lý quỹ NSNN và điều hoà vốn trong hệ thống kho bạc nhà nước

CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- 5.1. Các vấn đề chung về quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước
- 5.2. Quản lý quỹ dự trữ quốc gia
- 5.3. Quản lý quỹ bảo hiểm xã hội
- 5.4. Quản lý tài chính chương trình an sinh xã hội

Yêu cầu đối với học viên:

- Tham dự các buổi học trên lớp đầy đủ, nghiêm túc, đúng quy định;
- Chuẩn bị và tham gia đầy đủ các giờ thảo luận, thuyết trình, bài tập;
- Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên, chuẩn bị bài trước khi đến lớp;
- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng tốt giờ tự học theo quy chế.

7. Tài liệu học tập:

- Giáo trình chính :

Tài chính công và chính sách thuế, Sở Đình Thành, NXB Lao động, 2010

- Tài liệu tham khảo:

Tài chính công, Nguyễn Thị Cành, NXB ĐHQG TP. HCM, 2006.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra giữ kỳ/ tiểu luận: 30% tổng điểm
- Điểm bài thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Mã số học phần: TNPT 509 Phân tích tài chính doanh nghiệp 3(2,1)

2. Số tín chỉ: 3

- Lý thuyết : 2

- Thảo luận/bài tập: 1

3. Bộ môn phụ trách: Tài chính

4. Mô tả học phần:

Học phần Phân tích tài chính doanh nghiệp chuyển tải những kiến thức lý thuyết và thực hành về lĩnh vực phân tích các hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Xuất phát từ những kiến thức tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp, lần lượt đi sâu phân tích cụ thể từng nội dung liên quan tới lĩnh vực hoạt động tài chính của doanh nghiệp như: phân tích hệ thống báo cáo tài chính hợp nhất; phân tích rủi ro tác động tới doanh lợi; phân tích dòng tiền và tăng trưởng công ty; phân tích triển vọng, hệ số tín nhiệm doanh nghiệp,...

5. Mục tiêu của học phần:

- Mục tiêu học phần nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức lý thuyết, kỹ năng căn bản và nâng cao về phân tích tài chính công ty. Trên cơ sở những tài liệu báo cáo tài chính của công ty, học viên có khả năng đánh giá khái quát tình hình tài chính để làm căn cứ ra quyết định thích hợp.

- Trên cơ sở một khung phân tích được cung cấp bởi nội dung học phần này, học viên có thể vận dụng vào thực tiễn để phân tích hoạt động tài chính không chỉ với các doanh nghiệp bình thường mà ngay cả với các công ty, tập đoàn kinh tế lớn, để có căn cứ đủ độ tin cậy đối với việc hoạch định chiến lược hoặc những quyết định quan trọng trong quản trị, điều hành.

- Vận dụng kiến thức lý luận, kỹ năng và kinh nghiệm và quá trình tác nghiệp các nghiệp vụ liên quan trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng.

6. Mô tả nội dung học phần:

Chương 1: Tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp

1.1. Những vấn đề chung về phân tích tài chính doanh nghiệp

1.2. Phân loại phân tích tài chính doanh nghiệp

- 1.3. Quá trình phân tích tài chính doanh nghiệp
- 1.4. Giới thiệu các loại báo cáo hoạt động tài chính doanh nghiệp
- 1.5. Giới thiệu phương pháp phân tích

Chương 2: Phân tích hệ thống báo cáo tài chính hợp nhất

- 2.1. Khái quát về hệ thống báo cáo tài chính hợp nhất
- 2.2. Các nhân tố tác động đến báo cáo tài chính theo luật định
- 2.3. Thiết lập các chuẩn mực kế toán
- 2.4. Chuẩn mực kế toán quốc tế
- 2.5. Bản chất và mục đích của kế toán tài chính
- 2.6. Các yêu cầu đối với kế toán Việt Nam
- 2.7. Mục tiêu của kế toán tài chính
- 2.8. Chất lượng mong muốn của thông tin kế toán
- 2.9. Các nguyên tắc quan trọng trong kế toán
- 2.10. Nguyên tắc dồn tích – nền tảng của phân tích kế toán
- 2.11. Lập và đọc báo cáo tài chính hợp nhất
- 2.12. Phân tích báo cáo tài chính hợp nhất
- 2.13. Phân tích tỷ số tài chính

Chương 3. Phân tích rủi ro tác động tới doanh lợi

- 3.1. Rủi ro của công ty
 - 3.1.1. Rủi ro kinh doanh
 - 3.1.2. Rủi ro tài chính
 - 3.1.3. Rủi ro tổng hợp
- 3.2. Lợi nhuận kế toán
 - 3.2.1. Phương pháp tính lợi nhuận
 - 3.2.2. Các quyết định kế toán ảnh hưởng tới lợi nhuận
 - 3.2.3. Phân tích rủi ro tác động tới lợi nhuận công ty

Chương 4. Phân tích dòng tiền và tăng trưởng công ty

- 4.1. Khái quát dòng tiền
- 4.2. Tác động của thông tin dòng tiền
- 4.3. Báo cáo dòng tiền
- 4.4. Chỉ số đảm bảo dòng tiền
- 4.5. Chỉ số tái đầu tư tiền mặt
- 4.6. Phân tích dòng tiền
- 4.7. Phân tích tăng trưởng

Chương 5. Phân tích triển vọng

- 5.1. Quy trình dự phóng
- 5.2. Ứng dụng của phân tích triển vọng trong định giá thu nhập còn lại
- 5.3. Các xu hướng trong những nhân tố thúc đẩy giá trị

5.4. Dự báo ngắn hạn

Chương 6. Phân tích hệ số Zetta và phân tích hệ số tín nhiệm doanh nghiệp

6.1. Phân tích hệ số tín nhiệm Zetta

6.2. Phân tích hệ số tín nhiệm doanh nghiệp

Chương 7. Phân tích rủi ro trong đầu tư tài chính

7.1. Rủi ro và tỷ suất sinh lợi

7.2. Xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả

Chương 8. Phân tích dòng tiền trong dự án đầu tư

8.1. Hoạch định dòng tiền dự án

8.2. Phân tích độ nhạy của dự án

8.3. Phân tích các kịch bản dòng tiền để lựa chọn dự án đầu tư phù hợp

Yêu cầu đối với học viên:

Để đạt được những mục tiêu của học phần, học viên cần nghiêm túc thực hiện những yêu cầu sau:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc, đều đặn, thực hiện đúng quy định ;
- Trước khi đến lớp, hoàn tất đầy đủ những nhiệm vụ giảng viên giao (nghiên cứu trước tài liệu, chuẩn bị câu hỏi thảo luận, bài tập,..)
- Tự học nghiêm túc, đầy đủ thời gian quy định.

7. Tài liệu học tập:

Tài liệu chính:

Giáo trình Phân tích doanh nghiệp, Ngô Thế Chi, NXB Tài chính, 2008.

Phân tích tài chính doanh nghiệp, Ngô Kim Phương, NXB Lao động, 2013.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

- Điểm tiểu luận: 30% tổng điểm
- Điểm thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

1. Mã học phần: TNTQ 510 Tài chính quốc tế 3(2,1)

2. Số tín chỉ: 3

- Lý thuyết : 2

- Thảo luận, bài tập: 1

3. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính

4. Mô tả học phần:

Tài chính quốc tế là học phần chuyên tải tới học viên những kiến thức khoa học về lý thuyết cũng như hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực hoạt động tài chính-tiền tệ trên bình diện quốc tế. Đây là lĩnh vực hoạt động phức tạp và có tác động ảnh hưởng rất lớn tới nền kinh tế mỗi quốc gia cũng như toàn cầu.

Nội dung học phần bao gồm những vấn đề tổng quan về tài chính quốc tế như cán cân thanh toán quốc tế; thị trường ngoại hối và các giao dịch ngoại hối phái sinh; chính sách tỷ giá và vai trò của ngân hàng trung ương; các học thuyết về tỷ giá và ngang giá lãi suất,...

5. Mục tiêu của học phần:

Trang bị kiến thức lý thuyết mở rộng và nâng cao về lĩnh vực Tài chính Quốc tế cho học viên, tạo điều kiện mở rộng tầm hiểu biết về những hoạt động tài chính, tiền tệ tín dụng, đầu tư trên bình diện quốc tế.

Những kiến thức của học phần này một mặt tạo nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức của những học phần có liên quan như kinh tế quốc tế, đầu tư quốc tế, thanh toán tín dụng quốc tế,...trong nội dung chương trình đào tạo.

Mặt khác thông qua việc tiếp thu nội dung cụ thể chứa đựng trong học phần này, sẽ giúp học viên nâng cao kỹ năng phân tích, đánh giá tổng hợp những vấn đề liên quan tới hoạt động tài chính-ngân hàng trên phạm vi toàn cầu; trên cơ sở đó vận dụng có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn công tác chuyên môn, tác nghiệp quản trị điều hành đối với đơn vị mình.

6. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

1.1. Mở cửa kinh tế và tài chính quốc tế

1.2. Vị trí ngày càng quan trọng của tài chính quốc tế

1.3. Biến động và rủi ro tỷ giá gia tăng

1.4. Định hướng nghiên cứu của lĩnh vực tài chính quốc tế

Chương 2. THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

2.1. Tổng quan về thị trường ngoại hối

2.2. Những vấn đề cơ bản trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

2.3. Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối theo phương thức giao ngay

Chương 3. CÁC NGHIỆP VỤ NGOẠI HỐI PHÁI SINH

3.1. Nghiệp vụ ngoại hối kỳ hạn

3.2. Nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ

3.3. Nghiệp vụ tiền tệ tương lai

3.4. Nghiệp vụ quyền chọn tiền tệ

Chương 4. CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

4.1. Khái niệm và các thuật ngữ liên quan

4.2. Kết cấu và các bộ phận của cán cân TTQT

4.3. Nguyên tắc hạch toán kép của cán cân TTQT

4.4. Thặng dư và thâm hụt của cán cân TTQT

Chương 5. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG LÊN TỶ GIÁ VÀ CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG

5.1. Các khái niệm

5.2. Các nhân tố tác động lên tỷ giá trong ngắn hạn và dài hạn

5.3. Tác động của tỷ giá đến cạnh tranh thương mại quốc tế

5.4. Chế độ tỷ giá và vai trò của ngân hàng Trung ương

5.5. Chính sách tỷ giá hối đoái

5.6. Đánh giá hoạt động của các chế độ tỷ giá

5.7. Hệ thống chế độ tỷ giá ngày nay

Chương 6. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ VÀ TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

6.1. Những khái niệm

6.2. Chủ thể tham gia thị trường

6.3. Thị trường tiền tệ quốc tế

6.4. Thị trường trái phiếu quốc tế

Chương 7. ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐA QUỐC GIA

7.1. Những vấn đề cơ bản về đầu tư quốc tế

7.2. Đầu tư quốc tế trực tiếp

7.3. Đầu tư quốc tế gián tiếp

7.4. Tài chính công ty đa quốc gia

Chương 8. VIỆN TRỢ, VAY VÀ NỢ QUỐC TẾ

8.1. Khái quát về viện trợ, vay và nợ quốc tế

8.2. Hỗ trợ phát triển chính thức ODA

8.3. Quản lý vay, nợ và khủng hoảng nợ quốc tế

Chương 9. HỆ THỐNG TIỀN TỆ QUỐC TẾ

9.1. Hệ thống tiền tệ quốc tế trước chiến tranh thế giới thứ 2

9.2. Hệ thống tiền tệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ 2

9.3. Hệ thống tiền tệ quốc tế thời kỳ hậu BWS

Chương 10. CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

10.1. Quỹ tiền tệ quốc tế

10.2. Tổ hợp Ngân hàng Thế giới

10.3. Các ngân hàng phát triển khu vực

10.4. Ngân hàng Thanh toán quốc tế

10.5. Quan hệ giữa Việt Nam và các định chế Tài chính-Tiền tệ quốc tế

Yêu cầu đối với học viên:

Để đạt được những mục tiêu của học phần, học viên cần nghiêm túc thực hiện những yêu cầu sau:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc, đều đặn và thực hiện đúng quy định;
- Trước khi đến lớp, hoàn tất đầy đủ những nhiệm vụ giảng viên giao (nghiên cứu trước tài liệu, chuẩn bị câu hỏi thảo luận, bài tập,...);
- Tự học đảm bảo chất lượng và đầy đủ thời gian quy định.

7. Tài liệu học tập:

Tài liệu chính thức:

- Giáo trình Tài chính quốc tế, Nguyễn Văn Tiến, Đỗ Linh Hiệp, NXB Thống kê, 2012.

Tài liệu tham khảo:

- Tài chính quốc tế, Jeff Madura, Cengage Learning, 2012

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

- Điểm tiểu luận/Kiểm tra giữa kỳ: 30% tổng điểm
- Điểm thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Mã số học phần: TNPB 511 Phân tích báo cáo tài chính 3(2,1)****2. Số tín chỉ: 3(2,1)**

Lý thuyết : 2

Thảo luận, bài tập: 1

3. Bộ môn phụ trách: Tài chính**4. Mô tả nội dung học phần:**

Học phần Phân tích báo cáo tài chính cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết kết hợp vận dụng thực tiễn về nội dung phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp, công ty.

Những nội dung chủ yếu được chuyển tải trong nội dung học phần bao gồm: Các vấn đề cơ bản thuộc phạm vi phân tích tài chính doanh nghiệp (đối tượng nghiên cứu, phương pháp phân tích, tổ chức phân tích báo cáo,...);

- Tổng quan về hệ thống báo cáo tài chính và phương pháp đọc, kiểm tra hệ thống báo cáo tài chính;

- Đánh giá khái quát tình hình hoạt động tài chính;

- Phân tích cấu trúc tài chính và tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh; -

Phân tích tình hình tài chính và khả năng thanh toán của doanh nghiệp;

- Phân tích hiệu quả kinh doanh và Dự báo các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

5. Mục tiêu của học phần:

Học phần Phân tích báo cáo tài chính nhằm hướng tới những mục tiêu chủ yếu sau đây:

- Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp phân tích báo cáo tài chính của một đơn vị sản xuất, kinh doanh. Kết quả phân tích phải đưa ra được những nhận xét đánh giá ưu nhược điểm, nguyên nhân tồn tại cũng như những giải pháp khắc phục có tính khoa học và khả thi;

- Trên cơ sở kiến thức về lý thuyết, vận dụng thực hành với những tình huống cụ thể, nhằm rèn luyện kỹ năng phân tích báo cáo tài chính, tạo điều kiện nắm sâu hơn những nội dung lý thuyết;

- Vận dụng thành thạo những kiến thức của học phần vào những học phần có liên quan trong chương trình và trong quá trình tác nghiệp tại các cơ sở thực tế sau khi kết thúc khóa đào tạo.

6. Nội dung học phần:

Học phần gồm 7 chương, với những nội dung tóm tắt như sau:

Chương 1. Những vấn đề căn bản của phân tích tài chính doanh nghiệp

- 1.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích báo cáo tài chính
- 1.2. Đối tượng nghiên cứu của phân tích báo cáo tài chính
- 1.3. Các phương pháp phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp
- 1.4. Tổ chức phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

Chương 2. Đọc và kiểm tra báo cáo tài chính cơ sở dữ liệu để phân tích

- 2.1. Tổng quan về hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp
- 2.2. Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp hiện hành ở Việt Nam
- 2.3. Đọc và kiểm tra hệ thống báo cáo tài chính

Chương 3. Đánh giá khái quát tình hình tài chính

- 3.1. Hoạt động tài chính và yêu cầu , mục đích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp
- 3.2. Đánh giá khái quát tình hình huy động vốn của doanh nghiệp
- 3.3. Đánh giá khái quát mức độ độc lập tài chính của doanh nghiệp

Chương 4. Phân tích cấu trúc tài chính và tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh

- 4.1. Phân tích cấu trúc tài chính
- 4.2. Phân tích tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh

Chương 5. Phân tích tình hình tài chính và khả năng thanh toán của doanh nghiệp

- 5.1. Phân tích khái quát khả năng thanh toán của doanh nghiệp
- 5.2. Phân tích tình hình các khoản phải thu, nợ phải trả của doanh nghiệp
- 5.3. Phân tích khả năng thanh toán nợ ngắn hạn
- 5.4. Phân tích khả năng thanh toán nợ dài hạn

Chương 6. Phân tích hiệu quả kinh doanh

- 6.1. Bản chất và khái niệm của hiệu quả kinh doanh
- 6.2. Ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích hiệu quả kinh doanh
- 6.3. Đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh
- 6.4. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản
- 6.5. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn
- 6.6. Phân tích hiệu quả sử dụng chi phí
- 6.7. Phân tích hiệu quả kinh doanh dành cho người đầu tư

Chương 7. Dự báo các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính

- 7.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của các báo cáo tài chính
- 7.2. Dự báo kết quả các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh
- 7.3. Dự báo các chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Nhiệm vụ của học viên:

Để đạt được những mục tiêu của học phần, học viên cần nghiêm túc thực hiện những yêu cầu sau:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc, đều đặn và thực hiện đúng các quy định;
- Trước khi đến lớp, hoàn tất đầy đủ những nhiệm vụ giảng viên giao (nghiên cứu trước tài liệu, chuẩn bị câu hỏi thảo luận, bài tập,..)
- Tự học đầy đủ thời gian quy định và có chất lượng tốt.

7. Tài liệu học tập:

Tài liệu chính thức:

Phân tích tài chính doanh nghiệp, Ngô Kim Phụng, NXB Lao động, 2013.

Tài liệu tham khảo:

Phân tích báo cáo tài chính, Nguyễn Ngọc Quang, NXB Tài chính, 2013.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% tổng điểm

Điểm bài thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Mã số học phần TNNT 512 Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại 3(2,1)

2. Số tín chỉ: 3

Lý thuyết : 2

Bài tập/tình huống: 1

3. Bộ môn phụ trách: Ngân hàng

4. Mô tả học phần:

Học phần Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (NVNHTM) chuyển tải những nội dung kiến thức về lý thuyết cũng như những kỹ năng thực hành ứng dụng liên quan tới các hoạt động nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ chủ yếu của ngân hàng, bao gồm:

- Các hoạt động nghiệp vụ liên quan tới hình thành nguồn vốn (tự có, huy động,...)
- Các hoạt động nghiệp vụ về sử dụng vốn như: các nghiệp vụ về tín dụng, chiết khấu, đầu tư, các nghiệp vụ về chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh, tài trợ cho xuất nhập khẩu;
- Các nghiệp vụ liên quan tới hoạt động thanh toán trong nước và quốc tế,...
- Các dịch vụ ngân hàng điện tử...

5. Mục tiêu của học phần:

Học phần NVNHTM trang bị những kiến thức lý thuyết nghiệp vụ chuyên sâu, kết hợp với những kiến thức vận dụng thực tiễn hoạt động nghiệp vụ tại ngân hàng thương mại. Qua đó giúp học viên nắm và hiểu sâu các mặt hoạt động nghiệp vụ của NHTM.

Tạo khả năng vận dụng thành công vào thực tiễn với vai trò người trực tiếp tác nghiệp những nghiệp vụ NHTM, hoặc cũng có thể phát huy tốt vai trò của nhà quản trị, điều hành một đơn vị kinh doanh tiền tệ.

6. Nội dung học phần:

Chương 1. TỔNG QUAN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Bản chất của NHTM

1.2. Chức năng và nhiệm vụ của NHTM

1.3. Tổ chức và bộ máy của NHTM

1.4. Thu nhập chi phí và lợi nhuận của NHTM

Chương 2. NGHIỆP VỤ NGUỒN VỐN TRONG NHTM

2.1. Vốn tự có (Vốn chủ sở hữu)

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Đặc điểm
- 2.1.3. Thành phần của vốn tự có

2.2. Vốn huy động

- 2.2.1. Khái niệm về vốn huy động
- 2.2.2. Đặc điểm của vốn huy động
- 2.2.3. Cơ cấu vốn huy động
- 2.2.4. Nguyên tắc huy động vốn

2.3. Vốn đi vay

- 2.3.1. Khái niệm
- 2.3.2. Cơ cấu vốn đi vay

Chương 3. TÍN DỤNG NGẮN HẠN TÀI TRỢ KINH DOANH

3.1. Những vấn đề chung về tín dụng ngắn hạn

- 3.1.1. Cơ sở pháp lý và phạm vi áp dụng
- 3.1.2. Nguyên tắc và điều kiện tín dụng ngắn hạn
- 3.1.3. Đối tượng cho vay
- 3.1.4. Thời hạn cho vay
- 3.1.5. Quy trình cho vay

3.2. Các phương thức cho vay ngắn hạn

- 3.2.1. Cho vay theo hạn mức tín dụng
- 3.2.2. Cho vay từng lần
- 3.2.3. Cho vay trả góp
- 3.2.4. Cho vay theo hạn mức thấu chi
- 3.2.5. Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành thẻ tín dụng

3.3. Các biện pháp đảm bảo tín dụng

- 3.3.1. Thế chấp tài sản
- 3.3.2. Cầm cố tài sản
- 3.3.3. Bảo lãnh của bên thứ ba
- 3.3.4. Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
- 3.3.5. Số dư bù
- 3.3.6. Tín chấp

Chương 4. NGHIỆP VỤ CHIẾT KHẤU VÀ BAO THANH TOÁN

4.1. Nghiệp vụ chiết khấu chứng từ có giá

- 4.1.1. Khái niệm và ý nghĩa
- 4.1.2. Đối tượng và điều kiện chiết khấu
- 4.1.3. Quy trình nghiệp vụ chiết khấu

4.2. Nghiệp vụ Bao thanh toán

- 4.2.1. Khái niệm

- 4.2.2. Quy trình bao thanh toán
- 4.2.3. Các phương thức bao thanh toán
- 4.2.4. Phân loại bao thanh toán
- 4.2.5. Tác dụng của bao thanh toán

Chương 5. TÍN DỤNG TRUNG DÀI HẠN ĐỂ TÀI TRỢ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

5.1. Những vấn đề chung về tín dụng tài trợ dự án đầu tư

- 5.1.1. Sự cần thiết và ý nghĩa của tín dụng tài trợ đầu tư
- 5.1.2. Các nguyên tắc của tín dụng tài trợ đầu tư
- 5.1.3. Nguồn vốn tài trợ
- 5.1.4. Điều kiện cho vay
- 5.1.5. Mức cho vay và thời hạn cho vay

5.2. Thẩm định tín dụng trung dài hạn và lập phương án cho vay

- 5.2.1. Khái niệm
- 5.2.2. Mục đích thẩm định
- 5.2.3. các yêu cầu thẩm định và biện pháp thực hiện
- 5.2.4. Cơ sở thẩm định
- 5.2.5. Quy trình và nội dung thẩm định
- 5.2.6. Báo cáo kết quả thẩm định và lập phương án cho vay

5.3. Các hình thức tín dụng trung dài hạn

Chương 6. CHO THUÊ TÀI CHÍNH

- 6.1. Những vấn đề chung về cho thuê tài chính
- 6.2. Các hình thức cho thuê tài chính

Chương 7. NGHIỆP VỤ BẢO LÃNH NGÂN HÀNG

- 7.1. Những vấn đề chung về bảo lãnh ngân hàng
- 7.2. Các loại hình bảo lãnh ngân hàng
- 7.3. Quy trình nghiệp vụ bảo lãnh

Chương 8. THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG & CUNG ỨNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG KHÁC

- 8.1. Dịch vụ thanh toán qua ngân hàng
- 8.2. Phương thức thanh toán qua ngân hàng
- 8.3. Cung ứng các dịch vụ ngân hàng khác

Chương 9. CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG QUỐC TẾ

- 9.1. Nghiệp vụ thanh toán Quốc tế
- 9.2. Nghiệp vụ tài trợ xuất nhập khẩu
- 9.3. Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối

Nhiệm vụ của học viên:

Để đạt được những mục tiêu của học phần, học viên cần nghiêm túc thực hiện những yêu cầu sau:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc, đều đặn;
- Trước khi đến lớp, hoàn tất đầy đủ những nhiệm vụ giảng viên giao (nghiên cứu trước tài liệu, chuẩn bị câu hỏi thảo luận, bài tập,..)
- Tự học đủ thời gian quy định

7. Tài liệu học tập:

Tài liệu chính thức

- + Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Nguyễn Đăng Dờn, NXB Kinh tế, 2014.
- + Hệ thống bài tập bài giải và dạng đề nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Nguyễn Đăng Dờn, NXB Kinh tế, 2015.

Tài liệu tham khảo

- + Nghiệp vụ Ngân hàng Thương mại, Lê Văn Tề, NXB Thống kê, 2007

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% tổng điểm

Điểm bài thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KINH TẾ VĨ MÔ

1. Mã số học phần: TNKV 513 Kinh tế vĩ mô 2(2,0)

2. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 2

Thực hành: 0

3. Bộ môn phụ trách: Kinh tế

4. Mô tả học phần:

Giới thiệu nội dung Kinh tế vĩ mô ở cả 2 trình độ cơ bản và nâng cao. Giới thiệu các mô hình kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn, các chính sách vĩ mô có liên quan. Phân tích hiệu quả của các chính sách tài khóa và tiền tệ trong nền kinh tế đóng và mở. Phát triển những hàm hành vi làm cơ sở cho việc xây dựng các mô hình kinh tế vĩ mô

5. Mục tiêu học phần:

- Nắm được các kiến thức Kinh tế vĩ mô cơ bản và nâng cao.
- Nâng cao khả năng tư duy trừu tượng, khả năng nhận thức, khả năng phân tích và ra quyết định chính sách.
- Phân tích được các biến động kinh tế vĩ mô của Thế giới và Việt nam thông qua các mô hình kinh tế Vĩ mô.
- Lý giải được các hiện tượng kinh tế xã hội.
- Hiểu rõ tầm quan trọng của môn học này và có động cơ học tập đúng đắn.
- Nghiêm túc học tập, hoàn thành các yêu cầu do giảng viên giao cho.
- Tự tin, chủ động, năng động, sáng tạo trong giờ học và trong các hoạt động thực tiễn.

6. Nội dung chi tiết học phần:

Bài 1: Tổng quan về Kinh tế học, Kinh tế vĩ mô và các phương pháp phân tích.

Trình bày các vấn đề tổng quan của kinh tế vĩ mô và các phương pháp phân tích

Bài 2: Tổng sản phẩm quốc nội

Trình bày các khái niệm và phương pháp tính GDP.

Bài 3 : Tăng trưởng kinh tế trong dài hạn

- Đo lường tăng trưởng kinh tế
- Các mô hình tăng trưởng kinh tế

Bài 4. Mô hình AD- AS và tác động của các chính sách kinh tế Vĩ mô

- Trình bày về mô hình AD, AS
- Một số tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô

Bài 5. Tiết kiệm, đầu tư và hệ thống tài chính

Trình bày các vấn đề về tiết kiệm, đầu tư, hệ thống tài chính, hệ thống ngân hàng...

Bài 6. Thất nghiệp

- Thất nghiệp ở Việt Nam
- Các luồng vận động trên thị trường lao động
- Các loại hình thất nghiệp

Bài 7. Lạm phát

- Khái niệm và phân loại lạm phát
- Nguyên nhân và những tổn thất
- Kiểm soát giá cả và lạm phát

Bài 8. Mô hình Tổng cầu theo quan điểm của Keynes.

- Mô hình tổng cầu theo quan điểm của Keynes
- Lý giải biến động kinh tế bằng mô hình IS-LM

Bài 9: Tiền tệ và chính sách tiền tệ

Trình bày khái niệm về tiền tệ, sự hình thành cung tiền và các chính sách tiền tệ và cơ chế lan truyền tiền tệ

Bài 10. Kinh tế Vĩ mô của nền kinh tế mở

- Các khái niệm cơ bản của kinh tế mở
- Thị trường vốn vay
- Thị trường ngoại hối
- Các vấn đề của nền kinh tế mở

Bài 11. Mô hình IS- LM và các chính sách tài khóa và tiền tệ trong nền kinh tế đóng

- Đường *IS* và mối quan hệ của nó với: giao điểm Keynes và thị trường vốn vay
- Đường *LM* và mối quan hệ của nó với lý thuyết ưa thích thanh khoản.
- Sử dụng mô hình *IS – LM* để phân tích tác động của những chính sách và các cú sốc

Bài 12. Mô hình Mundel- Fleming và các chính sách Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở, nhỏ

- Đường *IS* và mối quan hệ của nó với: giao điểm Keynes và thị trường vốn vay
- Đường *LM* và mối quan hệ của nó với lý thuyết ưa thích thanh khoản.

- Sử dụng mô hình *IS – LM* để phân tích tác động của những chính sách và các cú sốc.

Bài 13. Các lý thuyết tiêu dùng

Bài này giới thiệu các công trình nghiên cứu chính về hàm tiêu dùng của: *John Maynard Keynes, Irving Fisher, Franco Modigliani, Milton Friedman*:

Bài 14. Các lý thuyết cầu tiền

Trình bày các quan điểm về cầu tiền: cổ điển, J.M Keynes, Friedman...

Bài 15. Đầu tư

Trình bày các lý thuyết giải thích các quyết định đầu tư của các doanh nghiệp, lãi suất và các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư.

Phương pháp dạy/học:

- Phương pháp thuyết trình, sử dụng bảng chiếu, trình bày powerpoint.
- Phương pháp nhóm: đặt câu hỏi cho từng nhóm sinh viên chủ động giải quyết trong buổi học,...
- Phương pháp giải quyết tình huống: giảng viên nêu vấn đề cho sinh viên giải quyết.

Yêu cầu đối với học viên:

- Dự các buổi lên lớp đầy đủ và nghiêm túc;
- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước theo hướng dẫn của giảng viên khi đến lớp;
- Chuẩn bị đầy đủ các bài tập, bài thảo luận, thuyết trình tại các buổi thảo luận lớp;
- Thực hiện khâu tự học nghiêm túc theo quy định.

7. Tài liệu học tập:

Giáo trình chính

Kinh tế vĩ mô, Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, NXB Phương Đông, 2006.

Tài liệu tham khảo

Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô, Nguyễn Văn Ngọc, Hoàng Yến, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2007.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

- Điểm tiểu luận: 30% tổng điểm
- Điểm bài thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KINH TẾ VI MÔ

1. Mã số học phần: TNVM 514 Kinh tế vi mô 2(2,0)

2. Số tín chỉ : 2

3. Bộ môn phụ trách: Kinh tế

4. Mô tả vắn tắt học phần:

Kiến thức học phần Kinh tế Vi mô nhằm giúp học viên nắm được những vấn đề kinh tế cơ bản về thị trường, cung, cầu và giá cả hàng hóa. Trong đó, học phần sẽ nhấn mạnh đến vai trò và việc đưa ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường khác nhau để tối đa hoá lợi nhuận, cũng như là dưới góc độ của cá nhân người tiêu dùng để tối đa hoá hữu dụng. Bên cạnh đó, học phần cũng tập trung phân tích các chính sách can thiệp của chính phủ vào thị trường và sự ảnh hưởng của nó đối với người tiêu dùng, nhà sản xuất cũng như xã hội.

5. Mục tiêu của học phần:

- Trang bị cho học viên những kiến thức căn bản về kinh tế vi mô với các khái niệm như cầu, cung, giá thị trường, độ co giãn..., các nguyên tắc lựa chọn hợp lý của người tiêu dùng và người sản xuất, để học viên biết và dùng đúng các thuật ngữ chuyên môn.

- Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể áp dụng được các khái niệm, nguyên lý, và công cụ của kinh tế học vi mô để:

1) Biết cách phân tích và giải thích diễn biến giá thị trường của các loại hàng hoá, hiểu và biết cách phân tích các chính sách can thiệp vào thị trường của chính phủ.

2) Biết cách lựa chọn mua sắm hàng hoá của người tiêu dùng và cách ra quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường có cơ cấu khác nhau.

3) Hiểu bản chất nhiều vấn đề kinh tế về diễn biến trên thị trường và chính sách can thiệp của chính phủ được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4) Áp dụng kiến thức nền tảng của kinh tế học vi mô cho các học phần chuyên ngành trong chương trình cao học Quản trị kinh doanh.

6. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỌC

1.1. Khái quát kinh tế học

- Kinh tế học là gì?
- Kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô
- Kinh tế học thực chứng, kinh tế học chuẩn tắc

1.2. Ba vấn đề trung tâm của mọi nền kinh tế

- Sản xuất cái gì, bao nhiêu?
- Sản xuất như thế nào?
- Sản xuất cho ai?

1.3. Các hệ thống kinh tế giải quyết 3 vấn đề trung tâm của tổ chức kinh tế

- Thời kỳ đầu
- Thời kỳ sau

1.4. Kinh tế vi mô “cũ” và “mới”

1.5. Lý thuyết và Mô hình kinh tế

- * Sơ đồ các vòng chu chuyển kinh tế

1.6. Khái quát về thị trường

- Khái niệm
- Chức năng của thị trường
- Cấu trúc thị trường

CHƯƠNG 2: CUNG, CẦU VÀ CÂN BẰNG THỊ TRƯỜNG

2.1. Cầu

- Khái niệm
- Hàm số cầu, biểu cầu và đường cầu
- Quy luật cầu
- Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu

2.2. Cung

- Khái niệm
- Hàm số cung, biểu cung và đường cung
- Quy luật cung
- Các yếu tố ảnh hưởng đến cung

2.3. Cân bằng thị trường và sự hình thành giá cả

- Trạng thái cân bằng của thị trường
- Cơ chế thị trường

2.4. Sự thay đổi trạng thái cân bằng của thị trường

- Cầu thay đổi
- Cung thay đổi
- Cung và cầu thay đổi

2.5. Sự co giãn của cung và cầu

- Sự co giãn của cầu
- Sự co giãn của cung

2.6. Một số vận dụng về quy luật cung cầu

- Thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất
- Phân tích chính sách can thiệp của Chính phủ

CHƯƠNG 3: LÝ THUYẾT VỀ SỰ LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

3.1. Lý thuyết hữu dụng

- Các khái niệm cơ bản
- Quy luật hữu dụng biên giảm dần
- Sự lựa chọn của NTD
- Đường cầu cá nhân
- Đường cầu thị trường

3.2. Phân tích tiêu dùng cân bằng bằng đường bàng quan và đường ngân sách

- Các giả thiết về sở thích của NTD:
- Đường bàng quan
- Đường ngân sách
- Tìm phương án tiêu dùng tối ưu bằng phương pháp hình học
- Những thay đổi điểm cân bằng của người tiêu dùng

CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT VỀ DOANH NGHIỆP

4.1. Lý thuyết sản xuất

- Doanh nghiệp và các vấn đề liên quan
- Hàm sản xuất

4.2. Lý thuyết về chi phí

- Khái niệm
- Chi phí DN trong ngắn hạn
- Chi phí DN trong dài hạn

4.3. Vấn đề tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp

- Mục tiêu của doanh nghiệp
- Một số khái niệm

- Nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận

CHƯƠNG 5: THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN TOÀN

5.1. Đặc trưng

- Đặc điểm của thị trường
- Đặc điểm của DN

5.2. Phân tích trong ngắn hạn

- Tối đa hoá lợi nhuận
- Tối thiểu hoá thua lỗ
- Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp
- Đường cung ngắn hạn của ngành

5.3. Phân tích trong dài hạn

5.4. Ưu nhược điểm của thị trường cạnh tranh hoàn toàn

- Ưu điểm –Nhược điểm
- Nhận xét về thị trường cạnh tranh hoàn toàn

CHƯƠNG 6: THỊ TRƯỜNG ĐỘC QUYỀN HOÀN HẢO

6.1. Khái quát về thị trường độc quyền hoàn toàn

- Khái niệm
- Lý do tồn tại độc quyền

6.2. Đường cầu, doanh thu biên và tổng doanh thu của DN độc quyền hoàn toàn

- Đường cầu về sản phẩm của DN độc quyền hoàn toàn
- Tổng doanh thu và doanh thu biên

6.3. Cân bằng trong ngắn hạn

- Tối đa hoá lợi nhuận
- Tối đa hoá doanh thu
- DN độc quyền có thể bị lỗ không?
- Một số kỹ thuật định giá của DN độc quyền hoàn toàn

6.4. Cân bằng trong dài hạn

*Nhận xét về thị trường độc quyền hoàn toàn

6.5. Chính sách can thiệp của Chính phủ

- Quy định giá tối đa cho sản phẩm độc quyền
- Thuế theo sản lượng
- Thuế không theo sản lượng

CHƯƠNG 7: THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH KHÔNG HOÀN HẢO

7.1. Thị trường cạnh tranh độc quyền

- Đặc điểm
- Cân bằng ngắn hạn
- Cân bằng trong dài hạn
- Nhận xét về thị trường cạnh tranh độc quyền

7.2. Thị trường thiếu số độc quyền (độc quyền nhóm)

- Đặc điểm
- Lý thuyết trò chơi (Game Theory) và ứng dụng của nó trong lựa chọn chiến lược của các DN thiếu số độc quyền
- Các loại hình thị trường thiếu số độc quyền

Yêu cầu đối với học viên:

- Dự các buổi lên lớp đầy đủ và nghiêm túc;
- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước theo hướng dẫn của giảng viên khi đến lớp;
- Chuẩn bị đầy đủ các bài tập, bài thảo luận, thuyết trình tại các buổi thảo luận lớp;
- Thực hiện khâu tự học nghiêm túc theo quy định.

7. Tài liệu học tập:

Giáo trình chính

Kinh tế học vi mô, Ngô Trần Ái, NXB Giáo dục, 2011.

Tài liệu tham khảo

Kinh tế vi mô, TS. Nguyễn Như Ý, NXB Lao động xã hội, 2007.

Kinh tế học vi mô, Phạm Văn Minh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

- + Điểm tiểu luận: 30% tổng điểm
- + Điểm thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT KINH TẾ

1. Mã số học phần: TNLK 515 Pháp luật kinh tế 2(2,0)

2. Số lượng tín chỉ: 2

3. Bộ môn phụ trách: Luật

4. Mô tả học phần

Học phần này chuyên tải những kiến thức cơ bản về Luật kinh tế, bao gồm những vấn đề tổng quan về Luật kinh tế, những nội dung pháp luật về doanh nghiệp, về tài sản, về hợp đồng và những vấn đề liên quan tới nội dung giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật và vận dụng những kiến thức về luật trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, trong đó có các đơn vị, tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

5. Mục tiêu học phần

- Hiểu rõ các khái niệm và lý thuyết cơ bản về Luật Kinh tế và vai trò của Luật Kinh tế trong nền kinh tế thị trường.
- Hiểu rõ địa vị pháp lý của các doanh nghiệp được pháp luật thừa nhận, nhằm có thể lựa chọn hình thức tổ chức và quản lý doanh nghiệp phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình.
- Hiểu rõ các trường hợp, thủ tục và điều kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố một doanh nghiệp phá sản để có thái độ thận trọng và thiện chí trong hoạt động kinh doanh cũng như vận dụng được chế định này khi cần thiết
- Hiểu rõ đặc điểm của Hợp đồng thương mại, điều kiện để ký kết hợp đồng có hiệu lực cũng như trách nhiệm pháp lý của các bên, từ đó, nhà kinh doanh sẽ biết cần phải quan tâm đến vấn đề gì khi giao kết và thực hiện hợp đồng thương mại.
- Hiểu rõ cách thức giải quyết các tranh chấp và yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các chủ thể liên quan, trên cơ sở đó, các nhà kinh doanh có thể chọn cách thức phù hợp với yêu cầu về quyền lợi cần được bảo vệ.
- Vận dụng những kiến thức của học phần Luật kinh tế một cách nghiêm túc đối với các hoạt động kinh doanh nói chung, trong tài chính ngân hàng nói riêng.

6. Nội dung học phần

Chương 1. Môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh

- 1.1. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh doanh
- 1.2. Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
- 1.3. Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh

Chương 2. Quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động doanh nghiệp

- 2.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp
- 2.2. Điều kiện và thủ tục cơ bản để thành lập và hoạt động doanh nghiệp
- 2.3. Đăng ký những thay đổi của doanh nghiệp
- 2.4. Những quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp trong kinh doanh

Chương 3. Chế độ pháp lý về doanh nghiệp tư nhân và công ty

- 3.1. Doanh nghiệp tư nhân
- 3.2. Công ty theo pháp luật Việt Nam
 - 3.2.1. Công ty cổ phần
 - 3.2.2. Công ty TNHH 2 thành viên trở lên
 - 3.2.3. Công ty TNHH 1 thành viên
 - 3.2.4. Công ty hợp danh

Chương 4. Chế độ pháp lý về các hình thức tổ chức và chủ thể kinh doanh khác

- 4.1. Nhóm công ty
- 4.2. Hợp tác xã
- 4.3. Hộ kinh doanh
- 4.5. Cá nhân hoạt động thương mại

Chương 5. Pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại

- 5.1. Khái quát về pháp luật hợp đồng và hợp đồng kinh doanh, thương mại
- 5.2. Chế độ pháp lý hợp đồng dân sự
- 5.3. Những quy định riêng về hợp đồng trong hoạt động thương mại
- 5.4. Hợp đồng mua bán hàng hóa
- 5.5. Hợp đồng dịch vụ

Chương 6. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và vụ việc cạnh tranh

- 6.1. Tranh chấp trong kinh doanh và việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh
- 6.2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng trọng tài thương mại
- 6.3. Giải quyết tranh chấp kinh doanh-thương mại tại tòa án nhân dân

6.4. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh có yếu tố nước ngoài

6.5. Giải quyết các vụ việc cạnh tranh

Chương 7. Pháp luật về phá sản

7.1. Khái quát về phá sản và pháp luật về phá sản

7.2. Những quy định chung về luật phá sản năm 2004

7.3. Thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Yêu cầu đối với học viên

- Dự các buổi lên lớp đầy đủ và nghiêm túc;
- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước theo hướng dẫn của giảng viên khi đến lớp;
- Chuẩn bị đầy đủ các bài tập, bài thảo luận, thuyết trình tại các buổi thảo luận lớp;
- Thực hiện khâu tự học nghiêm túc theo quy định.

7. Tài liệu học tập

Giáo trình chính:

Giáo trình Pháp luật kinh tế, Nguyễn Hợp Toàn, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2015

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

- + Điểm tiểu luận/Kiểm tra giữa kỳ: 30% tổng điểm
- + Điểm thi kết thúc học phần :70% tổng điểm.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**KINH TẾ QUỐC TẾ****1. Mã số học phần: TNKQ 516 Kinh tế quốc tế 2(2,0)****2. Số tín chỉ: 2****3. Bộ môn phụ trách: Kinh tế****4. Mô tả học phần:**

Học phần cung cấp những nội dung về kinh tế quốc tế (KTQT) với các nội dung chủ yếu:

- Những vấn đề chung về kinh tế quốc tế;
- Thương mại quốc tế và chính sách;
- Đầu tư quốc tế và di chuyển lao động quốc tế;
- Cán cân thanh toán và thị trường tiền tệ;
- Liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần KTQT học viên được trang bị thêm kiến thức về những vấn đề phân phối và sử dụng tài nguyên giữa các nền kinh tế, giữa các quốc gia thông qua con đường mậu dịch, nhằm đạt được sự cân đối cung cầu về hàng hóa, dịch vụ và tiền tệ trong phạm vi mỗi nước và trên tổng thể nền kinh tế toàn cầu.

Về kỹ năng thực hành học viên có khả năng ứng dụng kiến thức đã học để hiểu được những gì đang diễn trên bình diện thương mại thế giới và ảnh hưởng của nó đến người sản xuất, người tiêu dùng trong mỗi quốc gia.

6. Nội dung học phần**Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ QUỐC TẾ**

1. Giới thiệu khái quát về học phần

- Khái niệm và vị trí học phần
- Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của học phần
- Nội dung và phương pháp nghiên cứu học phần
- Mối liên hệ với các học phần khác

2. Những thay đổi lớn của nền kinh tế thế giới hiện đại và ảnh hưởng của nó đến mậu dịch quốc tế.

- 2.1. Sự bùng nổ của khoa học thông tin
- 2.2. Xu hướng quốc tế hóa nền kinh tế thế giới
- 2.3. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới không ổn định và có xu hướng hồi phục.
3. Một số vấn đề về mậu dịch quốc tế
 - 3.1. Vì sao các nước phải giao thương với nhau.
 - 3.2. Mậu dịch quốc tế có những đặc điểm gì?
 - 3.3. Mậu dịch quốc tế những năm gần đây thay đổi theo xu hướng nào?

Chương 2: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ CHÍNH SÁCH

- 2.1. Khái niệm, nội dung, chức năng của thương mại quốc tế.
- 2.2. Một số lý thuyết về thương mại quốc tế.
- 2.3. Các nguyên tắc cơ bản trong quan hệ kinh tế quốc tế.
- 2.4. Các trường hợp ngoại lệ của các nguyên tắc cơ bản trong quan hệ kinh tế quốc tế.
- 2.5. Chính sách thương mại quốc tế.
- 2.6. Các công cụ chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế.
- 2.7. Thuế quan nhập khẩu và những tác động của nó.
- 2.8. Xu hướng tự do hóa thương mại và xu hướng bảo hộ mậu dịch trong chính sách thương mại quốc tế.
- 2.9. Đánh giá khái quát ngoại thương Việt Nam trong những năm đổi mới.

Chương 3: ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ DI CHUYỂN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

- 3.1. Khái niệm và tác động của đầu tư quốc tế.
- 3.2. Đầu tư gián tiếp nước ngoài.
- 3.3. Đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- 3.4. Một số vấn đề về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- 3.5. Di chuyển lao động quốc tế

Chương 4: CÁN CÂN THANH TOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

- 4.1. Cán cân thanh toán quốc tế.
- 4.2. Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái.
- 4.3. Tỷ giá hối đoái.
- 4.4. Hệ thống tiền tệ quốc tế.

Chương 5: LIÊN KẾT VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

- 5.1. Những vấn đề chung về liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.

5.2. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)

5.3. Vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế

Yêu cầu đối với học viên:

- Dự các buổi lên lớp đầy đủ và nghiêm túc;
- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước theo hướng dẫn của giảng viên khi đến lớp;
- Chuẩn bị đầy đủ các bài tập, bài thảo luận, thuyết trình tại các buổi thảo luận lớp;
- Thực hiện khâu tự học nghiêm túc theo quy định.

7. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

- Giáo trình Kinh tế quốc tế, Hoàng Thị Chính, Nguyễn Phú Tụ, Nguyễn Hữu Lộc, NXB Thống kê, 2010.

- Kinh tế quốc tế, Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2008.

Sách tham khảo:

1. Bài tập Kinh tế quốc tế, Hoàng Thị Chính, NXB Thống kê, 2008.
2. Quan hệ kinh tế quốc tế, Võ Thanh Thu, NXB Thống kê, 2012.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

Điểm tiểu luận: 30% tổng điểm

Điểm thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

1. Mã số học phần: TNKT 517 Kế toán quản trị 2(2,0)

2. Số lượng Tín chỉ : 2

3. Bộ môn phụ trách: Kế toán

4. Mô tả học phần:

Học phần Kế toán quản trị nghiên cứu các thủ tục để thông tin tài chính và phi tài chính được truyền đạt một cách tốt nhất trong nội bộ một doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý hoạch định và kiểm soát một cách hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp. Nó đặt trọng tâm vào việc huấn luyện các kỹ thuật kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh.

Học viên sẽ được làm quen với ngôn ngữ kinh doanh và vai trò của nhà quản lý. Một môi trường học theo nhóm được khuyến khích trong quá trình nghiên cứu môn học.

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán; phân tích biến động chi phí; đánh giá trách nhiệm quản lý; định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ.

5. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong môn học này, học viên có thể:

- Giải thích tại sao nhà quản lý cần thông tin của kế toán quản trị và làm thế nào để nhà quản lý sử dụng thông tin kế toán quản trị.
- Trang bị cho sinh viên những nguyên lý và những công cụ cơ bản của kiểm soát quản lý, qua đó góp phần tăng thêm sự hiểu biết chung về quản lý.
- Đưa ra cách tiếp cận quản lý trên cơ sở kế toán quản trị, sau khi học xong môn này sinh viên không chỉ có khả năng giải quyết các vấn đề về mặt kỹ thuật của kế toán quản trị, mà còn có khả năng đưa ra các quyết định phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.

6. Nội dung học phần

Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán quản trị

- 1.1. Khái quát về tổ chức và công việc của nhà quản trị
 - 1.1.1. Khái niệm tổ chức
 - 1.1.2. Các hoạt động cơ bản của một tổ chức
 - 1.1.3. Chức năng của nhà quản trị
 - 1.1.4. Nhu cầu thông tin kế toán của nhà quản trị
- 1.2. Bản chất kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh
 - 1.2.1. Chức năng và vai trò của kế toán
 - 1.2.2. So sánh giữa kế toán quản trị với kế toán tài chính
 - 1.2.3. Vai trò của kế toán quản trị
 - 1.2.4. Các phương pháp nghiệp vụ cơ sở dùng trong kế toán quản trị

Chương 2: Phân loại chi phí

- 2.1. Khái quát về chi phí
 - 1. Bản chất kinh tế của chi phí
 - 2. Chi phí trong kế toán tài chính
 - 3. Chi phí trong kế toán quản trị
- 2.2. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh
 - 1. Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu
 - 2. Phân loại chi phí theo công dụng kinh tế
 - 3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với thời kỳ tính kết quả
 - 4. Phân loại chi phí theo phương pháp quy nạp
 - 5. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động (mô hình ứng xử chi phí)
 - 6. Các nhận diện khác về chi phí
 - 7. Các hình thức thể hiện chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh

Chương 3: Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận

- 3.1. Những khái niệm cơ bản thể hiện mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận
 - 3.1.1. Số dư đảm phí (contribution margin)
 - 3.1.2. Tỷ lệ số dư đảm phí (contribution margin ratio)
 - 3.1.3. Kết cấu chi phí (cost structure)
 - 3.1.4. Đòn bẩy kinh doanh (operating leverage)
- 3.2. Ứng dụng mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận phân tích hoạt động KD
 - 3.2.1. Ứng dụng mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận cao chọn phương án KD
 - 3.2.2. Định giá bán sản phẩm một số trường hợp đặc biệt
 - 3.2.3. Phân tích điểm hòa vốn (Break even point)

- 3.2.4. Phân tích lợi nhuận theo mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận
- 3.2.5. Phân tích ảnh hưởng kết cấu hàng bán đến điểm hòa vốn và lợi nhuận
- 3.3. Một số hạn chế và ứng dụng mở rộng phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận
- 3.3.1. Một số giả thuyết giới hạn phân tích mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận
- 3.3.2. Ứng dụng mở rộng phân tích quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận

Chương 4: Dự toán ngân sách hoạt động hàng năm

- 4.1. Tổng quan về dự toán
 - 4.1.1. Khái niệm và ý nghĩa dự toán
 - 4.1.2. Các loại dự toán ngân sách
 - 4.1.3. Các mô hình lập dự toán
- 4.2. Định mức chi phí (standard cost)
 - 4.2.1. Khái niệm và ý nghĩa định mức chi phí
 - 4.2.2. Các loại định mức chi phí
 - 4.2.3. Phương pháp xây dựng định mức chi phí
 - 4.2.4. Hệ thống định mức chi phí
- 4.3. Hệ thống dự toán ngân sách hoạt động hàng năm
 - 4.3.1. Mối quan hệ giữa các dự toán trong hệ thống dự toán
 - 4.3.2. Các dự toán ngân sách hoạt động cơ bản hàng năm của một doanh nghiệp

Chương 5: Đánh giá trách nhiệm quản lý

- 5.1. Hệ thống kế toán trách nhiệm
 - 5.1.1. Khái niệm kế toán trách nhiệm
 - 5.1.2. Sự phân cấp quản lý và ý nghĩa kế toán trách nhiệm
 - 5.1.3. Ảnh hưởng thái độ của người quản lý với hệ thống kế toán trách nhiệm
 - 5.1.4. Hệ thống kế toán trách nhiệm trong mối quan hệ với cơ cấu tổ chức quản lý SXKD
- 5.2. Đánh giá thành quả tài chính các trung tâm trách nhiệm
 - 5.2.1. Đánh giá thành quả của trung tâm chi phí
 - 5.2.2. Đánh giá trách nhiệm của trung tâm doanh thu
 - 5.2.3. Đánh giá thành quả của trung tâm kinh doanh
 - 5.2.4. Đánh giá thành quả của trung tâm đầu tư

Chương 6: Định giá sản phẩm

- 6.1. Cơ cấu kinh tế và vai trò chi phí trong định giá sản phẩm
 - 6.1.1. Cơ cấu kinh tế định giá bán sản phẩm

- 6.1.2. Vai trò chi phí trong định giá sản phẩm
- 6.2. Phương pháp định giá bán sản phẩm sản xuất hàng loạt
 - 6.2.1. Mô hình chung về định giá bán sản phẩm sản xuất hàng loạt
 - 6.2.2. Định giá bán sản phẩm sản xuất theo phương pháp chi phí toàn bộ
 - 6.2.3. Định giá bán sản phẩm sản xuất theo phương pháp chi phí trực tiếp
 - 6.2.4. Những điều cần lưu ý khi định giá bán sản phẩm sản xuất hàng loạt
- 6.3. Định giá bán sản phẩm theo giá lao động và giá nguyên vật liệu sử dụng
 - 6.3.1. Điều kiện vận dụng mô hình định giá bán sản phẩm theo giá lao động và giá nguyên vật liệu sử dụng
 - 6.3.2. Mô hình định giá bán sản phẩm theo giá lao động và giá nguyên vật liệu sử dụng
 - 6.3.3. Định giá bán sản phẩm theo giá lao động
 - 6.3.4. Định giá bán sản phẩm theo giờ vận hành máy móc thiết bị và vật tư
- 6.4. Định giá bán sản phẩm mới
 - 6.4.1. Những vấn đề cơ bản khi định giá sản phẩm mới
 - 6.4.2. Các kỹ thuật định giá bán sản phẩm mới
- 6.5. Định giá bán sản phẩm trong một số trường hợp đặc biệt
 - 6.5.1. Các trường hợp đặc biệt khi định giá bán sản phẩm
 - 6.5.2. Mô hình chung định giá bán sản phẩm ở các trường hợp đặc biệt
- 6.6. Định giá sản phẩm chuyển nhượng
 - 6.6.1. Khái niệm giá sản phẩm chuyển nhượng
 - 6.6.2. Định giá sản phẩm chuyển nhượng theo chi phí thực hiện
 - 6.6.3. Định giá sản phẩm chuyển nhượng theo giá thị trường
 - 6.6.4. Định giá sản phẩm chuyển nhượng thông qua thương lượng

Chương 7: Thông tin thích hợp cho quyết định kinh doanh ngắn hạn

- 7.1. Nhận diện thông tin thích hợp
 - 7.1.1. Khái quát quyết định kinh doanh ngắn hạn
 - 7.1.2. Mô hình phân tích thông tin thích hợp
 - 7.1.3. Chi phí chìm không phải là thông tin thích hợp
 - 7.1.4. Các khoản thu nhập, chi phí như nhau không phải là thông tin thích hợp
 - 7.1.5. Tại sao phải nhận diện thông tin thích hợp
- 7.2. Ứng dụng thông tin thích hợp cho quyết định kinh doanh ngắn hạn
 - 7.2.1. Quyết định loại bỏ hay kinh doanh một bộ phận
 - 7.2.2. Quyết định sản xuất hay mua ngoài

7.2.3. Quyết định nên bán hay tiếp tục chế biến

7.2.4. Quyết định trong điều kiện năng lực sản xuất kinh doanh giới hạn

Yêu cầu đối với học viên

Học viên cần nỗ lực để hiểu các khái niệm, nguyên lý, và công cụ của kế toán quản trị và phát triển khả năng ứng dụng chúng để giải quyết vấn đề khác nhau trong sản xuất kinh doanh. Để học tốt học viên phải thực hành, đọc sách giáo khoa, bài giảng, nghiên cứu tài liệu, làm bài tập, và theo dõi những tranh luận trong hội thảo, trên báo chí.

Học phần được xây dựng với một cấu trúc chặt chẽ và thống nhất bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán; phân tích biến động chi phí; đánh giá trách nhiệm quản lý; định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; phân bổ chi phí. Do vậy, học viên phải học tập một cách liên tục và ôn tập thường xuyên.

Bài đọc bắt buộc là các chương trong giáo trình và được ghi trong đề cương môn học. Việc hoàn tất các bài đọc bắt buộc trước khi đến lớp là rất quan trọng. Trong quá trình giảng, giảng viên có thể mời một học viên trình bày về một vấn đề nào đó được thảo luận trong tài liệu bắt buộc.

Các *bài nghiên cứu tình huống* cũng là những bài đọc bắt buộc của môn kế toán quản trị. Mỗi bài nghiên cứu tình huống sẽ gắn với một chương.

Nhóm bài đọc thứ hai là những *bài đọc thảo luận*, được sử dụng để gợi mở cho những thảo luận ở trên lớp. Những tài liệu này thường dưới dạng các tập tình huống nhỏ trong kế toán quản trị doanh nghiệp Việt Nam. Tùy theo mức độ dài ngắn mà ban giảng viên có thể phát trước tài liệu này cho học viên hay phát trực tiếp ngay trên lớp.

Nhóm tài liệu đọc cuối cùng bao gồm những *bài đọc chuyên sâu hay mở rộng*. Những tài liệu giúp học viên mở rộng hay đi sâu thêm vào một vấn đề liên quan quản trị kế toán.

Bài tập

Chương 1 có 2 câu hỏi thảo luận. Từ chương 2 đến chương 7, mỗi chương có 1 câu hỏi thảo luận và 1 bài tập. Giải bài tập cá nhân sẽ có bài tập nhóm. Bài tập nhóm được xác định theo chủ đề nghiên cứu từ thực tiễn ở Việt Nam để giao cho các học viên thực hiện. Bài viết phân tích dài từ 10-12 trang.

7. Tài liệu học tập

Giáo trình chính:

Kế toán quản trị, Đoàn Ngọc Quế, NXB Lao động xã hội, 2011.

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp, Đoàn Xuân Tiến, NXB Tài chính, 2007.
2. Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh, Phạm Văn Dược, NXB Thống kê, 2000.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

Điểm tiểu luận: 30% tổng điểm

Điểm thi kết thúc học phần : 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MARKETING NGÂN HÀNG

1. Mã số học phần: TNMN 518 Marketing Ngân hàng 2(2,0)

2. Thời lượng: 2 TC

3. Bộ môn phụ trách: Ngân hàng

4. Mô tả vắn tắt nội dung:

Học phần Marketing Ngân hàng chứa đựng những nội dung kiến thức lý thuyết chung về marketing được ứng dụng chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ ngân hàng, bao gồm: những nội dung kiến thức tổng quan về marketing được vận dụng chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ - ngân hàng, những nội dung cần chú trọng trong việc xây dựng chiến lược marketing ngân hàng, cũng như trong quá trình triển khai thực hiện và phát triển chiến lược marketing ngân hàng. Học phần cũng chuyển tải những nội dung kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị marketing đối với các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian nói chung.

5. Mục tiêu của học phần:

Nghiên cứu nội dung học phần Marketing Ngân hàng, học viên sẽ được trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về marketing ứng dụng trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ ngân hàng.

Vận dụng những kiến thức lý luận về marketing ngân hàng, kết hợp với những kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng của bản thân, tiến hành nghiên cứu xây dựng, tổ chức triển khai các hoạt động trong chiến lược marketing tại đơn vị ngân hàng hay một định chế tài chính trung gian, nơi mình công tác.

Xây dựng thái độ nghiêm túc, khoa học khách quan trong nghiên cứu, để thấy rõ ý nghĩa, vai trò quan trọng của việc xây dựng, chỉ đạo thực hiện cũng như hoàn thiện và phát triển chiến lược marketing tại đơn vị ngân hàng cơ sở hay một định chế tài chính trung gian, nơi mình công tác.

6. Nội dung học phần

Nội dung học phần được chuyển tải qua 4 phần sau đây:

PHẦN 1. TỔNG QUAN VỀ MARKETING NGÂN HÀNG

Chương 1. Marketing trong kinh doanh ngân hàng

1.1. Marketing trong lĩnh vực dịch vụ

1.2. Marketing trong kinh doanh ngân hàng

Chương 2. Sự lựa chọn dịch vụ ngân hàng của khách hàng

- 2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu dịch vụ ngân hàng
- 2.2. Đặc trưng của dịch vụ ngân hàng và yêu cầu của người mua
- 2.3. Mô hình hành vi lựa chọn dịch vụ ngân hàng của khách hàng

PHẦN 2. CHIẾN LƯỢC MARKETING NGÂN HÀNG

Chương 3. Chiến lược marketing của ngân hàng

- 3.1. Khái niệm chiến lược marketing của ngân hàng
- 3.2. Chiến lược marketing của ngân hàng
- 3.3. Nội dung chiến lược marketing
- 3.4. Nghiên cứu thị trường của ngân hàng
- 3.5. Phân khúc thị trường
- 3.6. Marketing trực tiếp dịch vụ tài chính-ngân hàng

PHẦN 3. NỘI DUNG CỦA MARKETING NGÂN HÀNG

Chương 4. Nội dung của marketing ngân hàng

- 4.1. Quản lý và phát triển sản phẩm dịch vụ của ngân hàng
- 4.2. Đánh giá sản phẩm dịch vụ ngân hàng
- 4.3. Phân phối sản phẩm dịch vụ ngân hàng
- 4.4. Xúc tiến – truyền thông

Chương 5. Marketing quan hệ

- 5.1. Khái niệm về marketing quan hệ
- 5.2. Đánh giá sự thành công trong quan hệ khách hàng
- 5.3. Cơ sở để phát triển mối quan hệ
- 5.4. Các yếu tố cấu thành mối quan hệ
- 5.5. Các yếu tố cấu thành mối quan hệ
- 5.6. Xây dựng văn hóa marketing

Chương 6. Marketing đối nội

- 6.1. Mô hình marketing hiện đại
- 6.2. Nguồn nhân lực-tài sản quan trọng của ngân hàng
- 6.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của marketing nội bộ
- 6.4. Thiết kế công việc và tuyển dụng
- 6.5. Trao quyền cho nhân viên
- 6.6. Quản trị nguồn nhân lực trong môi trường đa văn hóa.

PHẦN 4. QUẢN TRỊ MARKETING NGÂN HÀNG

Chương 7. Quản trị marketing ngân hàng

- 7.1. Hoạch định marketing ngân hàng
- 7.2. Kế hoạch và chương trình marketing ngân hàng
- 7.3. Thiết kế tổ chức bộ phận marketing ngân hàng
- 7.4. Thực hiện chiến lược và kế hoạch marketing ngân hàng
- 7.5. Kiểm tra hoạt động marketing ngân hàng

Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện việc lên lớp nghe giảng đầy đủ, tinh thần thái độ nghiêm túc;
- Chuẩn bị đầy đủ, có chất lượng tốt các câu hỏi thảo luận, bài tập tình huống và đọc các tài liệu theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Phát huy tính năng động, sáng tạo và liên hệ thực tiễn để nắm chắc lý thuyết và vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn.

7. Tài liệu học tập

Tài liệu chính:

Marketing ngân hàng, Trịnh Quốc Trung, NXB Lao động xã hội, 2013.

Tài liệu tham khảo:

-Nguyên lý tiếp thị, Philip Kotler, Gary Armstrong, NXB Lao động-Xã hội, 2012.

8. Tiêu chuẩn đánh giá học phần

Điểm kiểm tra giữa kỳ/tiểu luận: 30% tổng điểm

Điểm thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

1. Mã số học phần: TNLT 519 Lý thuyết Tài chính Tiền tệ 2(1,1)

2. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 1

Thảo luận/tình huống: 1

3. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngân hàng

4. Mô tả học phần:

Học phần Lý thuyết Tài chính tiền tệ chuyển tải các kiến thức cơ bản và nâng cao về Tài chính và tiền tệ Ngân hàng. Nhìn tổng quát, học phần bao gồm các nội dung về lĩnh vực tài chính, như chức năng vai trò của tài chính trong nền kinh tế - xã hội, chính sách tài chính, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, tài chính quốc tế. Về lĩnh vực tiền tệ chứa đựng những nội dung chủ yếu về tiền, hệ thống tiền tệ và chính sách tiền tệ; về lạm phát và kiểm soát lạm phát; về tín dụng và lãi suất tín dụng. Về cấu trúc mô hình và hoạt động của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, bao gồm ngân hàng Trung ương và các ngân hàng trung gian.

5. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho học viên kiến thức lý luận cơ bản và nâng cao về Tài chính Tiền tệ và Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường.

Khôi kiến thức Tài chính tiền tệ tạo nền tảng cơ bản cần thiết giúp học viên thuận lợi trong quá trình tiếp cận kiến thức các học phần chuyên ngành Tài chính ngân hàng .

Những kiến thức lý thuyết Tài chính ngân hàng được kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn của học viên, tạo khả năng ứng dụng vào hoạt động nghiệp vụ cũng như quản trị điều hành chuyên môn trong thực tiễn với hiệu quả và chất lượng cao.

6. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1. BẢN CHẤT CHỨC NĂNG & VAI TRÒ CỦA TÀI CHÍNH

1.1. Bản chất của tài chính

1.2. Chức năng của tài chính

1.3. Vai trò của tài chính

1.4. Cấu trúc của hệ thống tài chính

1.5. Chính sách tài chính Quốc gia

CHƯƠNG 2. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Tài chính Công)

2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của NSNN

2.2. Nội dung của NSNN

2.3. Tổ chức Hệ thống NSNN

2.4. Chu trình quản lý NSNN

CHƯƠNG 3. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

3.1. Cơ sở hình thành và phát triển của thị trường tài chính (TTTC)

3.2. Chức năng và vai trò của TTTC

3.4. Cấu trúc của TTTC

3.5. Các công cụ trên TTTC

3.6. Thị trường Tiền tệ

3.7. Thị trường hối đoái

3.8. Thị trường chứng khoán

CHƯƠNG 4. TIỀN TỆ VÀ HỆ THỐNG TIỀN TỆ

4.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ

4.2. Chức năng của tiền tệ

4.3. Cung và cầu tiền tệ

4.4. Tóm tắt một số học thuyết tiền tệ

4.5. Hệ thống tiền đúc bằng kim loại quý

4.6. Hệ thống tiền giấy

4.7. Hệ thống tiền tệ Việt Nam

CHƯƠNG 5. LẠM PHÁT VÀ BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT LẠM PHÁT

5.1. Các quan điểm về lạm phát

5.2. Phép đo lường lạm phát

5.3. Các loại lạm phát và nguyên nhân

5.4. Hiệu ứng của các chuyển động lạm phát

5.5. Các biện pháp kiềm chế và kiểm soát lạm phát

CHƯƠNG 6. TÍN DỤNG & LÃI SUẤT TÍN DỤNG

6.1. Chức năng và vai trò của tín dụng

6.2. Các hình thức tín dụng

6.3. Lãi suất tín dụng

6.4. Phân loại lãi suất và phép đo lãi suất

6.5. Các nhân tố ảnh hưởng tới lãi suất

6.6. Cấu trúc kỳ hạn và cấu trúc rủi ro của lãi suất

CHƯƠNG 7. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ CÁC TCTD PHI NGÂN HÀNG

7.1. Bản chất và chức năng của NHTM

7.2. Nghiệp vụ của NHTM

7.3. Các tổ chức tín dụng phi ngân hàng

CHƯƠNG 8. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ QUỐC GIA

8.1. Ngân hàng Trung ương

8.2. Chính sách tiền tệ Quốc gia

Yêu cầu đối với học học viên

Để có thể học tốt học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ, với thời lượng học tập trên lớp là 2 đơn vị học trình, bên cạnh việc học lý thuyết tập trung trên lớp, học viên cần đọc thêm các tài liệu tham khảo do giảng viên giới thiệu, biết cách vận dụng kiến thức lý luận vào thực tế của các doanh nghiệp trên thị trường và bản thân công ty nơi các học viên đang công tác qua việc tham gia tích cực các nội dung thực hành theo yêu cầu của giảng viên. Các bài tập thực hành gồm:

1. Thảo luận các bài tập tình huống thực tế gắn với lý thuyết của từng chương: Học viên sẽ thảo luận tình huống, nhận định vấn đề, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp xử lý theo yêu cầu mà tình huống đặt ra

2. Thuyết trình cuối đợt học: Các học viên phân nhóm, chọn đề tài thuyết trình, thu thập thông tin, thuyết trình và viết bài tiểu luận theo nhóm vào cuối đợt học học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ.

Phần bài tập: Sẽ có các bài tập cá nhân để giúp học viên ôn lại và áp dụng lý thuyết đã học. Học viên phải tự mình hoàn tất những bài tập này và nộp đúng ngày quy định.

Bên cạnh đó, các học viên làm bài tập theo nhóm. Mỗi nhóm sẽ được giao nghiên cứu một đề tài gắn với thực tiễn Việt Nam (các dạng đề tài gợi ý). Các nhóm sẽ thuyết trình, phản biện trên lớp và nộp bài viết cho giảng viên. Số lượng trang từ 10 -15 trang.

7. Tài liệu học tập:

Tài liệu chính: Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nguyễn Hữu Tài, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2007.

Tài liệu tham khảo:

+ Tiền tệ ngân hàng, Lê Thị Tuyết Hoa, Nguyễn Thị Nhung, NXB Thống kê, 2007.

+ Các nguyên lý tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính, Trần Viết Hoàng, Cung Trần Việt, NXB ĐHQG TP. HCM, 2007.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

+ Điểm tiểu luận /Kiểm tra giữa kỳ : 30% tổng điểm

+ Điểm thi kết thúc học phần : 70% tổng điểm.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

1. Mã số học phần: TNTT 520 Thị trường tài chính 2(1,1)

2. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 1

Bài tập/ tình huống: 1

3. Bộ môn phụ trách: Ngân hàng

4. Mô tả học phần:

- Học phần Thị trường tài chính (TTTC) chuyên tải những nội dung lý thuyết cơ bản liên quan tới mô hình hoạt động bao quát trong lĩnh vực tài chính tiền tệ của nền kinh tế thị trường;

- Học phần giới thiệu nội dung khái quát về thị trường tài chính, với khái niệm, chức năng, vai trò của thị trường tài chính và những giác độ để phân loại thị trường tài chính;

- Sau phần nghiên cứu tổng quan về TTTC, những nội dung cơ bản về các bộ phận thị trường cấu thành chủ yếu của TTTC lần lượt được giới thiệu, bao gồm: Thị trường tiền tệ, Thị trường Hối đoái, Thị trường chứng khoán;

- Cuối cùng, nội dung học phần giới thiệu về các định chế tài chính, với những chức năng, vai trò, nghiệp vụ khác nhau cùng tồn tại và hoạt động trên thị trường tài chính, bao gồm ngân hàng Trung ương, , ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, các tổ chức tài chính của Chính phủ, các định chế tài chính khác.

5. Mục tiêu của học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, qua đó giúp học viên hiểu và nắm chắc các kiến thức về các bộ phận cấu thành chủ yếu của TTTC, đó là thị trường Tiền tệ, thị trường Hối đoái và thị trường Chứng khoán.

Nắm chắc bản chất mỗi loại thị trường, với mô hình tổ chức, nguyên tắc hoạt động, cơ chế vận hành, những hoạt động nghiệp vụ chủ yếu của từng loại thị trường,...

Có kỹ năng tác nghiệp trên thị trường, tham gia quản trị, điều hành hoạt động có hiệu quả trên thị trường với tư cách cá nhân hoặc nhà quản trị một đơn vị, một tổ chức.

6. Nội dung học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

1.1. Chức năng của thị trường tài chính

- 1.2. Phân loại thị trường tài chính
- 1.3. Vai trò của thị trường tài chính

Chương 2: THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

- 2.1. Tổng quan về thị trường tiền tệ
- 2.2. Cơ cấu của thị trường tiền tệ
 - A. Thị trường tiền gửi và cho vay
 - B. Thị trường Liên ngân hàng
 - C. Thị trường Mở

Chương 3: THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOÁI

- 3.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại thị trường hối đoái
- 3.2. Các chủ thể tham gia thị trường hối đoái
- 3.3. Tỷ giá hối đoái và phương thức giao dịch hối đoái
 - A. Tỷ giá hối đoái
 - B. Phương thức giao dịch hối đoái

Chương 4: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- 4.1. Khái niệm và đặc điểm của thị trường chứng khoán
- 4.2. Chức năng và vai trò của thị trường chứng khoán
- 4.3. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán
 - 4.4. Thị trường chứng khoán tập trung & Nguyên tắc hoạt động trên thị trường chứng khoán tập trung
- 4.5. Phân loại thị trường chứng khoán
- 4.6. Chứng khoán
- 4.7. Giao dịch chứng khoán trên thị trường tập trung
- 4.8. Giao dịch chứng khoán trên thị trường phi tập trung (Thị trường OTC)
- 4.9. Một số trường hợp giao dịch đặc biệt
- 4.10. Chỉ số giá chứng khoán

Chương 5: HỆ THỐNG TÀI CHÍNH

- 5.1. Ngân hàng Trung ương
- 5.2. Ngân hàng thương mại
- 5.3. Các tổ chức tín dụng phi ngân hàng
- 5.4. Các tổ chức tài chính của Chính phủ
- 5.5. Các định chế tài chính khác

Nhiệm vụ của học viên:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc;
- Chuẩn bị và tham gia đầy đủ các giờ thảo luận, thuyết trình, bài tập
- Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng tốt giờ tự học theo quy chế.

7. Tài liệu học tập

- **Tài liệu chính:** Thị trường tài chính và các định chế tài chính, Bùi Kim Yến, NXB Tài chính, 2013.

- **Tài liệu tham khảo:**

+ Thị trường Tài chính, Bùi Kim Yến, NXB Kinh tế TP. HCM, 2012.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả:

Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% tổng điểm

Điểm bài thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ****1. Mã số học phần: TNTA 521 Thẩm định dự án đầu tư 2(1,1)****2. Số tín chỉ: 2**

Lý thuyết : 1

Bài tập/ tình huống: 1

3. Bộ môn phụ trách: Ngân hàng**4. Mô tả học phần:**

Học phần Thẩm định dự án đầu tư chứa đựng những nội dung liên quan tới việc phân tích tài chính các dự án đầu tư, xuất phát từ quan điểm của các bên có liên quan và rủi ro của dự án đầu tư. Đồng thời, những nội dung liên quan tới việc giới thiệu các nguyên tắc cơ bản, các tiêu chuẩn đánh giá khác nhau, tính hữu dụng và những hạn chế trong phân tích khía cạnh kinh tế-xã hội của dự án, cũng được đề cập cụ thể trong nội dung học phần. Nội dung cũng đề cập một cách cụ thể các nguyên tắc ước tính lợi ích và chi phí kinh tế đối với cả hàng hóa và dịch vụ...

5. Mục tiêu của học phần:

Học phần thẩm định dự án đầu tư cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về các phương pháp, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả cũng như mức độ rủi ro đối với mỗi dự án đầu tư.

Trên cơ sở những kiến thức lý thuyết, học viên được giới thiệu thông qua sử dụng mô phỏng Monte Carlo để xác định sự phân phối các kết quả có thể xảy ra của dự án và những rủi ro liên quan đến kết quả đó.

Nắm chắc kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào hoạt động thực tiễn đạt kết quả tốt nhất, với tư cách một nhà quản trị, điều hành đơn vị có dự án đầu tư.

6. Nội dung học phần:**PHẦN A. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ****Chương 1. Giới thiệu về dự án đầu tư**

- 1.1. Các khái niệm liên quan đến đầu tư và dự án đầu tư
- 1.2. Vai trò của đầu tư đối với sự phát triển kinh tế
- 1.3. Quá trình hình thành và triển khai một dự án đầu tư
- 1.4. Các nội dung chủ yếu của việc phân tích một dự án đầu tư
- 1.5. Các quan điểm phân tích dự án đầu tư

PHẦN B. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Chương 2. Thiết lập dòng tiền của dự án

- 2.1. Nguyên tắc cơ bản thiết lập dòng tiền
- 2.2. Các thông tin cần có để thiết lập dòng tiền dự án
- 2.3. Các hạng mục chính của dòng tiền
- 2.4. Dòng tiền dự án theo quan điểm phân tích dự án đầu tư
- 2.5. Các ứng dụng thực hành trên EXCEL

Chương 3. Các phương pháp phân tích dự án

- 3.1. Giá trị theo thời gian của tiền tệ
- 3.2. Chiết khấu dòng tiền và tích lũy dòng tiền
- 3.3. Các phương pháp đánh giá và so sánh dự án đầu tư
- 3.3. So sánh các dự án có thời kỳ phân tích khác nhau
- 3.4. Các ứng dụng thực hành trên EXCEL

Chương 4. Suất chiết khấu và lựa chọn tập dự án

- 4.1. Vốn và nguồn vốn
- 4.2. Xác định suất chiết khấu yêu cầu của các quan điểm đầu tư
- 4.3. Lựa chọn tập dự án đầu tư
- 4.4. nghiên cứu tình huống
- 4.5. Các ứng dụng thực hành trên EXCEL

Chương 5. Quy mô và thời điểm đầu tư

- 5.1. Quy mô đầu tư
- 5.2. Thời điểm đầu tư
- 5.3. Các ứng dụng thực hành trên EXCEL

Chương 6. Tác động của lạm phát lên dòng tiền của dự án

- 6.1. Phân tích tác động lạm phát
- 6.2. Tác động trực tiếp
- 6.3. Tác động gián tiếp
- 6.4. Các ứng dụng thực hành trên EXCEL
- 6.5. Nghiên cứu tình huống

PHẦN C. PHÂN TÍCH RỦI RO

Chương 7. Phân tích rủi ro

- 7.1. Giới thiệu về phân tích rủi ro
- 7.2. Các phương pháp phân tích rủi ro
- 7.3. Phân tích rủi ro theo mô phỏng Monte Carlo
- 7.4. Giới thiệu phần mềm Crystal Ball
- 7.5. Các giải pháp hạn chế rủi ro
- 7.6. Các ứng dụng thực hành trên EXCEL
- 7.7. Dự báo giá cả trong phân tích dự án

PHẦN D. PHÂN TÍCH KINH TẾ XÃ HỘI

Chương 8. Giới thiệu về phân tích kinh tế

- 8.1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của phân tích kinh tế
- 8.2. Các khái niệm liên quan đến phân tích kinh tế
- 8.3. các phương pháp xác định giá kinh tế
- 8.4. Xác định giá kinh tế của hàng phi ngoại thương trong thị trường không biến dạng
- 8.5. Xác định giá kinh tế của hàng phi ngoại thương trong thị trường biến dạng
- 8.6. Thiết lập dòng tiền kinh tế

Chương 9. Giới thiệu về phân tích xã hội

- 9.1. Phân tích xã hội
- 9.2. Phân tích nhu cầu cơ bản
- 9.3. Nghiên cứu tình huống

Nhiệm vụ của học viên:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc;
- Chuẩn bị và tham gia đầy đủ các giờ thảo luận, thuyết trình, bài tập
- Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng tốt giờ tự học theo quy chế.

7. Tài liệu học tập

Tài liệu chính:

Giáo trình Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, Phước Minh Hiệp, NXB Lao động xã hội, 2011.

Tài liệu tham khảo

Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, Nguyễn Quốc Ân, Phạm Thị Thu Hà, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Quang Thu, NXB Kinh tế TP. HCM, 2012.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% tổng điểm

Điểm bài thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG****1. Mã số học phần: TNTD 522 Thẩm định tín dụng 2(1,1)****2. Số tín chỉ: 2**

- Lý thuyết : 1

- Thực hành/ bài tập: 1

3. Bộ môn phụ trách: Ngân hàng**4. Mô tả học phần:**

Nội dung học phần Thẩm định tín dụng bao gồm 2 phần kiến thức:

- Phần 1: Tổng quan về ngân hàng thương mại (NHTM) và hoạt động thẩm định tín dụng trong NHTM (mục đích, nguồn tài liệu, quy trình và nội dung công tác thẩm định).

- Phần 2: Nội dung hoạt động thẩm định tín dụng, bao gồm thẩm định tín dụng ngắn hạn tài trợ kinh doanh cho khách hàng doanh nghiệp; Thẩm định tín dụng trung dài hạn tài trợ dự án đầu tư cho khách hàng doanh nghiệp; Thẩm định tín dụng khách hàng cá nhân; Lập báo cáo thẩm định tín dụng.

5. Mục tiêu của học phần:

- Nghiên cứu nội dung học phần Thẩm định tín dụng giúp trang bị cho học viên những kiến thức lý thuyết cơ bản, liên quan tới hoạt động tín dụng và thẩm định tín dụng, kết hợp với việc vận dụng kinh nghiệm thực tiễn hoạt động thẩm định tín dụng, tại ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian khác;

- Nắm chắc quy trình, nội dung công việc và trách nhiệm của mỗi bộ phận, cá nhân trong quy trình thực hiện thẩm định tín dụng;

- Hiểu và vận dụng tốt các kỹ thuật cơ bản về thu thập thông tin, phân tích, đánh giá các yếu tố liên quan khách hàng, đánh giá các yếu tố liên quan tới hiệu quả dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh; định giá tài sản đảm bảo tín dụng; mức độ rủi ro và khả năng hoàn trả nợ của khách hàng vay;...

- Vận dụng kiến thức lý thuyết kết hợp quy định cụ thể và kinh nghiệm thực tế, tổng hợp kết quả thẩm định thông qua nội dung Tờ trình tín dụng lên cấp có thẩm quyền xem xét ra quyết định cuối cùng.

- Xây dựng kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng phối hợp làm việc theo nhóm có hiệu quả cao.

6. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ NHTM & HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NHTM

1.1. Tổng quan về NHTM

1.2. Tổng quan về tín dụng & Tín dụng ngân hàng

Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG

2.1. Khái niệm, ý nghĩa và mục đích của thẩm định tín dụng

2.2. Nguồn tài liệu phục vụ công tác thẩm định

2.3. Quy trình tín dụng và thẩm định tín dụng

2.4. Nội dung cơ bản của thẩm định tín dụng

Chương 3. THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG NGẮN HẠN TÀI TRỢ KINH DOANH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

3.1. Các hình thức tín dụng ngắn hạn tài trợ kinh doanh khách hàng doanh nghiệp

3.1.1. Cho vay bổ sung vốn lưu động

3.1.2. Tài trợ xuất nhập khẩu

3.1.3. Chiết khấu giấy tờ có giá

3.2. Thẩm định tín dụng ngắn hạn khách hàng doanh nghiệp

3.2.1. Thẩm định năng lực pháp lý khách hàng doanh nghiệp

3.2.2. Thẩm định năng lực tài chính khách hàng doanh nghiệp

3.2.3. Thẩm định kế hoạch, phương án SXKD của khách hàng doanh nghiệp

3.3. Tài sản bảo đảm & phương pháp thẩm định tài sản bảo đảm

3.3.1. Tài sản bảo đảm vốn vay

3.3.2. Các phương pháp thẩm định giá tài sản bảo đảm

Chương 4: THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TRUNG DÀI HẠN TÀI TRỢ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

A. Các hình thức tín dụng trung dài hạn tài trợ dự án đầu tư

B. Thẩm định tín dụng trung dài hạn tài trợ dự án đầu tư

1. Thẩm định hồ sơ dự án

2. Thẩm định tín dụng trung dài hạn

2.1. Khái niệm

2.2. Mục đích và yêu cầu

2.3. Biện pháp thực hiện

2.4. Căn cứ thẩm định

2.5. Nội dung thẩm định

Chương 5. THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

5.1. Những vấn đề chung về cho vay khách hàng cá nhân

5.2. Thẩm định tín dụng khách hàng cá nhân

- 5.2.1. Hồ sơ khách hàng cá nhân
- 5.2.2. Thẩm định năng lực pháp lý khách hàng cá nhân
- 5.2.3. Thẩm định phương án SXKD, dự án đầu tư, tiêu dùng của khách hàng cá nhân
- 5.2.4. Thẩm định năng lực tài chính khách hàng cá nhân
- 5.2.5. Thẩm định tài sản bảo đảm
- 5.2.6. Thẩm định nhu cầu vay vốn của khách hàng

Chương 6. LẬP BÁO CÁO THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG

- 6.1. Khái niệm, mục đích và yêu cầu của báo cáo thẩm định tín dụng
- 6.2. Nội dung cơ bản trong báo cáo thẩm định tín dụng

Nhiệm vụ của học viên:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc;
- Chuẩn bị và tham gia đầy đủ các giờ thảo luận, thuyết trình, bài tập
- Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng tốt giờ tự học theo quy chế.

7. Tài liệu học tập:

Tài liệu chính thức: Thẩm định tín dụng, Lý Hoàng Ánh, NXB Kinh tế, 2014.

Tài liệu tham khảo:

Thẩm định tín dụng, Trần Thị Xuân Hương, Vũ Thị Lệ Giang, NXB Kinh tế TP. HCM, 2013.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% tổng điểm
- Điểm bài thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH****1. Mã số học phần: TNQR 523 Quản trị rủi ro tài chính 2(1,1)****2. Số tín chỉ: 2**

Lý thuyết : 1

Thực hành: 1

3. Bộ môn phụ trách: Tài chính**4. Mô tả học phần:**

Học phần Quản trị rủi ro tài chính chuyển tải nội dung kiến thức lý thuyết cũng như thực hành về những công cụ cần thiết nhằm phát hiện, đo lường và hạn chế rủi ro tài chính; đồng thời vẫn đảm bảo tối đa hóa mục tiêu lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh.

Học phần giới thiệu các công cụ đo lường rủi ro thường được sử dụng trong lĩnh vực tài chính như mô hình VAR, phương pháp stress test,...

Các phương pháp, các công cụ phái sinh trong quản trị rủi ro tài chính như hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi, với những kỹ thuật sử dụng đơn lẻ cũng như kết hợp các công cụ để phục vụ mục tiêu phòng ngừa tối đa mức độ rủi ro trong hoạt động tài chính.

5. Mục tiêu của học phần:

- Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cần thiết để có thể nhận biết, phát hiện các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động tài chính;

- Học phần trang bị cho học viên những kiến thức mở rộng và nâng cao, đối với việc vận dụng các công cụ, biện pháp phân tích, đánh giá mức độ rủi ro tài chính trong hoạt động kinh doanh.

- Với tư cách nhà quản trị, điều hành hoạt động tài chính ngân hàng, vận dụng những kiến thức lý thuyết với những bài tập tính huống để nắm vững phương pháp thực hành sử dụng các công cụ tài chính phái sinh, nhằm phòng ngừa, hạn chế rủi ro tài chính trong thực tế.

6. Nội dung học phần:

Nội dung học phần được thể hiện qua 4 chương sau đây:

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

- 1.1.Khái niệm rủi ro tài chính
- 1.2.Phân loại rủi ro tài chính
 - 1.2.1.Pủi ro tỷ giá
 - 1.2.2.Rủi ro lãi suất
 - 1.2.3.Rủi ro giá cả hàng hóa
 - 1.2.4.Rủi ro thanh khoản
 - 1.2.5.Rủi ro tín dụng
 - 1.2.6.Các loại rủi ro khác
- 1.3.Nhận diện rủi ro
- 1.4.Đánh giá rủi ro
- 1.5.Quau3n trị rủi ro
 - 1.5.1.Phương pháp quản trị rủi ro tài chính (QTRRTC)
 - 1.5.2.Các công cụ dùng trong QTRRTC
 - 1.5.3.Tổ chức bộ phận chuyên QTRR trong công ty.

Chương 2. QUẢN TRỊ RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ

- 2.1.Rủi ro kiệt giá tài chính
- 2.2.Các công cụ tài chính phái sinh
 - 2.2.1.Hợp đồng kỳ hạn
 - 2.2.2.Hợp đồng tương lai
 - 2.2.3.Hợp đồng quyền chọn
 - 2.2.4.Nghiệp vụ Swap
- 2.3.ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh ở Việt Nam và những khó khăn

Chương 3. QUẢN TRỊ RỦI RO ĐẦU TƯ

- 3.1.Khái quát rủi ro đầu tư
 - 3.1.1.Khái niệm
 - 3.1.2.Rủi ro đầu tư
 - 3.1.3.Các nhân tố tác động đến đầu tư
- 3.2.Đo lường rủi ro đầu tư
 - 3.2.1.Độ lệch chuẩn
 - 3.2.2.Hệ số biến động
 - 3.2.3.Value at risk (VAR)
- 3.3.Quản trị rủi ro
 - 3.3.1.Đa dạng hóa đầu tư
 - 3.3.2.Phân tích cây quyết định
 - 3.3.3.Phân tích độ nhạy
- 3.4.Ngưỡng chấp nhận rủi ro

Chương 4. QUẢN TRỊ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ VÀ NỢ CÔNG

- 4.1.Khủng hoảng kinh tế thế giới
 - 4.1.1.Khủng hoảng kinh tế nước lớn tác động đến thế giới
 - 4.1.2.Quản trị khủng hoảng
- 4.2.Khủng hoảng nợ công

4.2.1.Vấn đề nợ công

4.2.2.Quản trị nợ công

Nhiệm vụ của học viên:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc;
- Chuẩn bị và tham gia đầy đủ các giờ thảo luận, thuyết trình, bài tập
- Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng tốt giờ tự học theo quy chế.

7.Tài liệu học tập

Giáo trình chính: Quản trị rủi ro tài chính, Nguyễn Minh Kiều, NXB Thống kê, 2009.

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% tổng điểm

Điểm bài thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

1. Mã số học phần: TNDT 524 Đầu tư tài chính 2(1,1)

2. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 1

Bài tập/ tình huống: 1

3. Bộ môn quản lý: Ngân hàng

4. Mô tả học phần:

Học phần Đầu tư tài chính chuyển tải những nội dung kiến thức mở rộng và nâng cao trên giác độ lý thuyết kết hợp ứng dụng về lĩnh vực hoạt động đầu tư tài chính. Cụ thể là các nội dung kiến thức về lựa chọn và quản lý danh mục đầu tư tối ưu; lý thuyết về danh mục đầu tư hiện đại, kiểm định các mô hình đo lường tỷ suất lợi nhuận của từng loại chứng khoán riêng biệt cũng như toàn bộ danh mục đầu tư. Các kiến thức xoay quanh việc ứng dụng lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại vào thực tế hoạt động tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

5. Mục tiêu của học phần:

- Nghiên cứu học phần Đầu tư tài chính giúp học viên trang bị cho mình những kiến thức lý thuyết mở rộng và nâng cao trong lĩnh vực đầu tư tài chính, tạo điều kiện cần thiết cho việc vận dụng vào hoạt động thực tiễn;

- Vận dụng có hiệu quả những kiến thức hiện đại trong lĩnh vực đầu tư tài chính vào điều kiện cụ thể của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế;

- Nâng cao kỹ năng phân tích định lượng, định tính, tổng hợp đánh giá thực tiễn của học viên đối với những vấn đề phát sinh trong hoạt động đầu tư tài chính trong và ngoài nước;

- Trên cơ sở kiến thức lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn, phát huy tốt công tác chuyên môn với vai trò chuyên viên tác nghiệp hay nhà quản trị, điều hành hoạt động phân tích, lựa chọn danh mục đầu tư hay đầu tư tài chính nói chung tại một đơn vị kinh doanh.

6. Nội dung học phần:

Học phần Đầu tư tài chính chứa đựng những nội dung chủ yếu sau đây:

Chương 1. LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO

1.1. Lợi nhuận

1.1.1. Lợi nhuận chu kỳ đơn

- 1.1.2.Lợi nhuận của nhiều chu kỳ
- 1.1.3.Phương pháp niêm yết tỷ suất lợi nhuận
- 1.2.Rủi ro
 - 1.2.1.Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng
 - 1.2.2.Phương sai
 - 1.2.3.Độ lệch chuẩn

Chương 2. ĐỘ E NGẠI RỦI RO VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ TÀI SẢN RỦI RO

- 2.1.Phần bù rủi ro
- 2.2.Độ e ngại rủi ro
- 2.3.Độ e ngại rủi ro và giá trị hữu dụng
 - 2.3.1.Tỷ suất lợi nhuận tương đương bền vững
 - 2.3.2.Nhà đầu tư trung tính và nhà đầu tư thích rủi ro
 - 2.3.3.Đường cong bàng quan
 - 2.3.4.Lượng hóa độ e ngại rủi ro
- 2.4.Đầu tư vốn vào tài sản rủi ro và phi rủi ro
 - 2.4.1.Danh mục gồm 1 tài sản rủi ro và 1 tài sản phi rủi ro
 - 2.4.2.Đường phân phối vốn
 - 2.4.3.Hệ số Sharp
 - 2.4.4.hệ số đồng nhất
 - 2.4.5.Cơ hội đầu tư ở mức lãi suất vay và cho vay
- 2.5.Chấp nhận rủi ro và chiến lược phân phối tài sản
 - 2.5.1.Mối quan hệ giữa giá trị hữu dụng và tỷ trọng
 - 2.5.2.Xác định đường cong bàng quan
 - 2.5.3.Xác định danh mục hoàn thiện tối ưu sử dụng tổ hợp đường cong bàng quan

Chương 3. XÂY DỰNG DANH MỤC RỦI RO TỐI ƯU

- 3.1.Đa dạng hóa danh mục tài sản rủi ro
 - 3.1.1.Rủi ro hệ thống
 - 3.1.2.Rủi ro phi hệ thống
- 3.2.Danh mục gồm 2 tài sản rủi ro
 - 3.2.1.Lợi nhuận kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn
 - 3.2.2.Hiệp phương sai và hệ số tương quan
 - 3.2.3.Ma trận đơn biên và đa biên
 - 3.2.4.Xác định danh mục có phương sai nhỏ nhất
 - 3.2.5.Lợi nhuận kỳ vọng và độ lệch chuẩn của danh mục là hàm số của tỷ trọng đầu tư
 - 3.2.5.Lợi nhuận kỳ vọng là hàm số của độ lệch chuẩn.
- 3.3.Danh mục gồm 2 tài sản rủi ro và 1 tài sản phi rủi ro

- 3.3.1.Xác định danh mục rủi ro tối ưu
- 3.3.2.Xác định danh mục hoàn thiện tối ưu
- 3.4.Mô hình lựa chọn danh mục Markowitz
- 3.4.1.Lựa chọn chứng khoán
- 3.4.2.Đường biên giới hạn phương sai nhỏ nhất của tài sản rủi ro
- 3.4.3.Đường biên giới hạn hiệu quả của tài sản rủi ro với đường phân phối vốn tối ưu.

Chương 4. MÔ HÌNH CHỈ SỐ ĐƠN

- 4.1.Thị trường chứng khoán đơn tố
 - 4.1.1.Các yếu tố đầu vào của mô hình Markowitz
 - 4.1.2.Lợi nhuận chứng khoán và rủi ro hệ thống
 - 4.1.3.Mô hình đơn nhân tố
- 4.2.Mô hình chỉ số đơn
 - 4.2.1.Phương trình hồi quy của mô hình chỉ số đơn
 - 4.2.2.Mối quan hệ giữa lợi nhuận kỳ vọng và hệ số beta
 - 4.2.3.Rủi ro và hiệp phương sai của mô hình chỉ số
 - 4.2.4.Tổ hợp các ước lượng cần thiết cho mô hình chỉ số
 - 4.2.5.Mô hình chỉ số và đa dạng hóa danh mục
- 4.3.Ước lượng mô hình chỉ số đơn
 - 4.3.1.Đường đặc trưng chứng khoán
 - 4.3.2.Ước lượng điểm của hệ số hồi quy
- 4.4.Xây dựng danh mục và mô hình chỉ số đơn
 - 4.4.1.Hệ số Alpha và phân tích chứng khoán
 - 4.4.2.Danh mục chỉ số là một tài sản đầu tư
 - 4.4.3.Các yếu tố đầu vào của mô hình chỉ số đơn
 - 4.4.4.Danh mục rủi ro tối ưu của mô hình chỉ số đơn
 - 4.4.5.Tỷ số thông tin

Chương 5. MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN VỐN

- 5.1.Mô hình định giá tài sản vốn
 - 5.1.1.Các giả định
 - 5.1.2.Đường biên giới hạn hiệu quả và đường thị trường vốn
 - 5.1.3.Phần bù rủi ro của danh mục thị trường
 - 5.1.4.Lợi nhuận kỳ vọng của chứng khoán
 - 5.1.5.Mối quan hệ giữ hệ số beta và lợi nhuận kỳ vọng
 - 5.1.6.Đường thị trường chứng khoán
 - 5.1.7.Sự khác biệt giữa SML và CML
 - 5.1.8.Đường SML và hệ số alpha

- 5.1.9. Ứng dụng của mô hình CAPM
- 5.2. Mô hình CAPM và mô hình chỉ số
 - 5.2.1. Lợi thực so với lợi nhuận kỳ vọng
 - 5.2.2. Mô hình chỉ số và lợi nhuận thực
 - 5.2.3. Mô hình chỉ số và mối quan hệ giữa beta và lợi nhuận kỳ vọng
- 5.3. Mô hình CAPM có mang ý nghĩa thực tiễn?
 - 5.3.1. Mô hình CAPM đã được kiểm định trong thực tiễn?
 - 5.3.2. Mô hình CAPM thất bại trong các cuộc kiểm định ứng dụng

Chương 6. LÝ THUYẾT ĐỊNH GIÁ CHÊNH LỆCH VÀ MÔ HÌNH LỢI NHUẬN RỦI RO ĐA BIÊN

- 6.1. Các mô hình đa biên
 - 6.1.1. Mô hình lợi nhuận chứng khoán đơn tổ
 - 6.1.2. Mô hình lợi nhuận chứng khoán đa tổ
 - 6.1.3. Đường thị trường chứng khoán đa tổ
- 6.2. Lý thuyết định giá chênh lệch
 - 6.2.1. Các giả định
 - 6.2.2. Kinh doanh chênh lệch
 - 6.2.3. danh mục đa dạng hóa tối ưu
 - 6.2.4. Hệ số beta và lợi nhuận kỳ vọng
 - 6.2.5. Đường thị trường chứng khoán đơn tổ
- 6.3. Lý thuyết định giá chênh lệch đa tổ
 - 6.3.1. Danh mục nhân tổ
 - 6.3.2. Định giá sai và cơ hội kinh doanh chênh lệch giá
- 6.4. Mô hình Fama-French 3 nhân tố
 - 6.4.1. Mô hình Chen, Roll, Ross
 - 6.4.2. Mô hình Fama-French
- 6.5. Mô hình CAPM đa nhân tố và APT

Nhiệm vụ của học viên:

- Lên lớp nghe giảng nghiêm túc;
- Chuẩn bị và tham gia đầy đủ các giờ thảo luận, thuyết trình, bài tập
- Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng tốt giờ tự học theo quy chế.

7. Tài liệu học tập

Tài liệu chính:

Đầu tư tài chính, Phan Thị Bích Nguyệt, NXB Thống kê, 2006

8. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần:

Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% tổng điểm

Điểm bài thi kết thúc học phần: 70% tổng điểm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬN VĂN THẠC SĨ

1. Mã số học phần: TNLV 525 Luận văn thạc sĩ 12(0,12)

2. Thời lượng: 12

- Lý thuyết : 0

- Thực hành: 12

3. Bộ môn phụ trách: Giáo viên được mời hướng dẫn luận văn

4. Đề tài luận văn:

Đề tài luận văn do Phòng Quản lý đào tạo sau đại học công bố hoặc học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn khoa học.

5. Yêu cầu đối với luận văn:

Luận văn là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới ...trong lĩnh vực chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng vào thực tế. Luận văn phải chứa đựng những giá trị khoa học và thực tiễn nhất định.

Luận văn phải tuân thủ những quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ và được trình bày một cách khoa học, rõ ràng, mạch lạc và tuân thủ đúng những quy định chung về hình thức.

6. Mô tả nội dung luận văn

Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn thuộc định hướng hoạt động tài chính ngân hàng; phương pháp giải quyết vấn đề thực tiễn do đề tài đặt ra một cách hợp lý, khoa học và sáng tạo. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý yêu cầu về lý luận và thực tiễn của đề tài đặt ra.

7. Mục tiêu của luận văn

Luận văn thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng là công trình khoa học của học viên cao học xác nhận trình độ chuyên môn của học viên đã được nâng cao thêm một mức, từ cử nhân lên thạc sĩ. Vì vậy mục tiêu cần đạt được khi thực hiện học phần luận văn là vận dụng tổng hợp những kiến thức lý luận (cơ bản, cơ sở, ngành, liên ngành và chuyên ngành), kết hợp những kiến thức kinh nghiệm cá nhân và vận dụng sáng tạo

các phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp, để giải quyết có hiệu quả một vấn đề thực tiễn đặt ra. Trên cơ sở đó, rèn luyện kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách khoa học và hợp lý, trong quá trình tác nghiệp trên cương vị công tác quản trị điều hành hoạt động, tại một định chế tài chính trung gian.

8. Nội dung luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, các phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn chứa đựng những nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu;
- Mục tiêu nghiên cứu;
- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu;
- Phương pháp nghiên cứu;
- Ý nghĩa thực tiễn của đề tài nghiên cứu;
- Những điểm mới của luận văn;
- Tổng quan về các công trình đã thực hiện theo hướng đề tài;
- Giới thiệu kết cấu nội dung của luận văn (theo từng chương).

9. Bố cục luận văn:

Tùy theo yêu cầu cụ thể của đề tài luận văn, giảng viên hướng dẫn học viên xây dựng đề cương cụ thể, luận văn có thể được bố cục gồm 3 (hoặc 4) chương. Tuy nhiên, về bố cục chung, ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn phải đảm bảo yêu cầu nêu rõ 3 nội dung:

- Những nội dung lý luận, lý thuyết gắn với định hướng đề tài;
- Phân tích, đánh giá thực trạng để rút ra được những vấn đề tồn tại và nguyên nhân tồn tại;
- Đưa ra được những đề xuất (giải pháp, kiến nghị...) có căn cứ khoa học và thực tiễn để giải quyết vấn đề tồn tại.

10. Điều kiện bảo vệ luận văn:

- Học viên đã học xong và đạt yêu cầu các học phần trong chương trình đào tạo (điểm trung bình chung là 5,5 điểm) ;
- Đạt trình độ ngoại ngữ theo quy chế đào tạo
- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực và có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn khoa học là luận văn đạt yêu cầu và đủ điều kiện bảo vệ.

- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn.

11. Đánh giá luận văn thạc sĩ

Luận văn thạc sĩ được đánh giá công khai tại Hội đồng chấm luận văn (được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ).

Bình Dương, ngày 19 tháng 12 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG
Trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật
Bình Dương



TS. Lê Bích Phương